

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thừa Thiên Huế, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	VI
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung	7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	20
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	20
<i>Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.</i>	<i>20</i>
<i>Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....</i>	<i>22</i>
<i>Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....</i>	<i>25</i>
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....	27
<i>Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	<i>28</i>
<i>Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	<i>31</i>
<i>Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....</i>	<i>33</i>
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	37
<i>Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.</i>	<i>37</i>
<i>Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.</i>	<i>40</i>
<i>Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....</i>	<i>43</i>
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	49
<i>Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	<i>49</i>
<i>Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.....</i>	<i>52</i>

<i>Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.</i>	55
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	58
<i>Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.</i>	58
<i>Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.</i>	62
<i>Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	65
<i>Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.</i>	69
<i>Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.</i>	72
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	75
<i>Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i> ..	75
<i>Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	78
<i>Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	80
<i>Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.</i>	82
<i>Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i>	85
<i>Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	88

<i>Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	90
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	94
<i>Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	94
<i>Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	98
<i>Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.</i>	101
<i>Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i>	103
<i>Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	105
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	109
<i>Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.</i>	110
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.</i>	112
<i>Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.</i>	114
<i>Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.</i>	117
<i>Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.</i>	121
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	125

<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	125
<i>Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	128
<i>Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	131
<i>Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	134
<i>Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.</i>	137
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	141
<i>Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.</i>	141
<i>Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.</i>	145
<i>Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.</i>	148
<i>Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.</i>	152
<i>Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.</i>	155
<i>Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.</i>	158
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	161
<i>Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	161
<i>Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	164

<i>Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	167
<i>Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	170
<i>Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	174
PHẦN III. KẾT LUẬN	179
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT.	179
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.	181
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.	183
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.	186
PHẦN IV. PHỤ LỤC	189
1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	189
2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG	216
3. Kế hoạch TĐG	221

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
1	BĐCL	Bảo đảm chất lượng
2	BĐCLGD	Bảo đảm chất lượng giáo dục
3	BLQ	Bên liên quan
4	CBVC	Cán bộ viên chức
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CLB	Câu lạc bộ
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9	CSGD	Cơ sở giáo dục
10	CSVC	Cơ sở vật chất
11	CTDH	Chương trình dạy học
12	CTĐT	Chương trình đào tạo
13	CVHT	Cổ vấn học tập
14	CTSV	Công tác sinh viên
15	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
16	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
17	ĐCCT	Đề cương chi tiết
18	ĐGCL	Đánh giá chất lượng
19	ĐGN	Đánh giá ngoài
20	ĐHH	Đại học Huế
21	ĐHKH	Đại học Khoa học
22	ĐPH	Đông phương học
23	ĐTĐH&CTSV	Đào tạo đại học và Công tác sinh viên
24	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
25	GS	Giáo sư
26	GV	Giảng viên
27	GVC	Giảng viên chính
28	GVCC	Giảng viên cao cấp
29	HĐKH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
30	HTQT	Hợp tác quốc tế
31	HVCH	Học viên cao học
32	KĐCL	Kiểm định chất lượng
33	KHCN	Khoa học công nghệ
34	KHCN&HTQT	Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
35	KHTC&CSVC	Kế hoạch tài chính và Cơ sở vật chất
36	KQHT	Kết quả học tập
37	KT&BDCLGD	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục
38	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
39	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
40	MC	Minh chứng
41	NCCB	Nghiên cứu cơ bản
42	NCKH	Nghiên cứu khoa học
43	NCS	Nghiên cứu sinh
44	NH	Người học
45	NHTN	Người học tốt nghiệp
46	NV	Nhân viên
47	NCV	Nghiên cứu viên
48	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
49	PGS	Phó giáo sư
50	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
51	QLNN	Quản lý nhà nước
52	QĐ	Quyết định
53	SDH	Sau đại học
54	SHTT	Sở hữu trí tuệ
55	SV	Sinh viên
56	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
57	TC&HC	Tổ chức và hành chính
58	TĐG	Tự đánh giá
59	ThS	Thạc sỹ

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
60	TS	Tiến sỹ
61	TSKH	Tiến sỹ khoa học
62	TSTT	Tài sản trí tuệ
63	TTPC	Thanh tra pháp chế
64	THPT	Trung học phổ thông
65	TT&TV	Thông tin và Thư viện
66	VLVH	Vừa làm vừa học

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được chính thức thành lập năm 1980, có nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo trình độ đại học, sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực lịch sử, văn hoá, ĐPH; tổ chức các hoạt động NCKH nhằm phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo, đồng thời tham gia giải quyết các vấn đề xã hội đang được đặt ra; tham gia xây dựng, tư vấn, triển khai và đánh giá các dự án, chương trình và chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Khoa Lịch sử đã đạt được nhiều thành tích trong đào tạo và NCKH, đã cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong thời kỳ mới. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường nói chung và Khoa Lịch sử nói riêng luôn quan tâm, chú trọng đến chất lượng CTĐT. Nhiều chính sách, hoạt động của Nhà trường và Khoa đều hướng đến mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội. Song song với công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường tiến hành TĐG các CTĐT trình độ đại học trong đó có CTĐT ngành ĐPH.

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường và Khoa Lịch sử đã nhận thức được rằng TĐG là một khâu quan trọng trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục; thông qua hoạt động TĐG, dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành, Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá về thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, đội ngũ cán bộ, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác; chỉ ra những mặt mạnh, mặt tồn tại, từ đó đề xuất kế hoạch, biện pháp điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. TĐG còn thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Cấu trúc của báo cáo TĐG CTĐT ngành ĐPH gồm 4 phần:

- Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG theo các tiêu chuẩn, giải thích cách mã hóa MC trong báo cáo TĐG. Ở phần này cũng trình bày mục đích, quy trình, phạm vi, phương pháp và công cụ TĐG. Giới thiệu tổng thể về

Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử; mô tả sứ mạng, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi, tầm nhìn, mục tiêu cũng như các chính sách chất lượng và hoạt động bảo đảm chất lượng của Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Trình bày lần lượt 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn một cách chi tiết. Nội dung mỗi tiêu chí được trình bày theo thứ tự: mô tả, phân tích một cách đầy đủ, trung thực, khách quan các hoạt động khi triển khai thực hiện CTĐT theo thứ tự nội hàm của từng tiêu chí, mỗi nhận định, đánh giá trong phần này đều có minh chứng kèm theo; so sánh với yêu cầu của tiêu chí để chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại nổi bật; đề xuất kế hoạch hành động nhằm tiếp tục duy trì điểm mạnh và các giải pháp cụ thể, khả thi để khắc phục những điểm tồn tại và cuối cùng là TĐG tiêu chí Đạt hay Chưa đạt kèm theo mức TĐG từ 1 đến 7. Đối với mỗi tiêu chuẩn có phần mở đầu ngắn gọn và phần kết luận nêu tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm yếu cơ bản và đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt giải pháp, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

Phần IV: Phụ lục

Cung cấp các thông tin tổng quát về Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử. Các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách, kế hoạch TĐG. Danh mục MC đã sử dụng trong báo cáo TĐG và các tài liệu liên quan.

Nội dung chính của 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn trong báo cáo TĐG được trình bày khái quát như sau:

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Khoa và Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai đến các đối tượng liên quan.

- Bản mô tả chương trình đào tạo: Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, có đầy đủ thông tin và cập

nhật. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và định kỳ được bổ sung, cập nhật theo kế hoạch chung của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

- Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học: CTDH được thiết kế dựa trên CDR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên ngành; nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CDR của CTĐT.

- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các BLQ. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, phù hợp với đặc thù của ngành ĐPH. Các hoạt động dạy và học chú trọng khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng học tập suốt đời của SV, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm.

- Đánh giá kết quả học tập của người học: Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được xây dựng cụ thể, rõ ràng, được rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời và được thông báo công khai đến các đối tượng liên quan. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và đánh giá chính xác năng lực của NH. Kết quả đánh giá được công bố kịp thời để NH cải thiện kết quả học tập. NH dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo KQHT, được giải quyết kịp thời và đúng quy định.

- Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên: Đội ngũ GV, NCV được quy hoạch, tuyển dụng và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Quy trình tuyển dụng, đề bạt, phân công nhiệm vụ được thực hiện công khai, đúng quy định dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm, thành tích và uy tín cá nhân. Đội ngũ GV, NCV có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong giảng dạy, NCKH, tận tâm với SV. Việc quản lý dựa trên kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, NCV, được đánh giá theo những tiêu chí cụ thể, được thực hiện đúng quy định, tạo được động lực cho GV, NCV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

- **Đội ngũ nhân viên:** Đội ngũ NV làm việc tại Khoa Lịch sử, các phòng ban chức năng, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, phòng tư liệu, phòng bảo tàng, Trung tâm TT&TV, Tổ Y tế, Tổ Bảo vệ và các dịch vụ hỗ trợ khác cho SV được quy hoạch, tuyển dụng và phân công nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá thông qua hiệu quả công việc.

- **Người học và hoạt động hỗ trợ người học:** Chỉ tiêu, phương thức xét tuyển và các chính sách tuyển sinh được xác định cụ thể, rõ ràng, công bố công khai thể hiện trong đề án tuyển sinh hàng năm. Có hệ thống, công cụ giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, rèn luyện kỹ năng và khả năng tìm kiếm việc làm của NH sau tốt nghiệp. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan môi trường tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện cho NH.

- **Cơ sở vật chất và trang thiết bị:** Nhà trường và Khoa Lịch sử có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng với các trang thiết bị khá hiện đại, sử dụng có hiệu quả, đáp ứng hoạt động dạy học, NCKH của GV và SV. Trung tâm TT&TV có đầy đủ các nguồn học liệu, được bổ sung, cập nhật hàng năm, không gian học tập thoáng mát, phục vụ tốt nhu cầu học tập của SV. Hệ thống CNTT được đầu tư, nâng cấp, hỗ trợ các hoạt động dạy và học theo phương thức trực tiếp và trực tuyến.

- **Nâng cao chất lượng:** Bảo đảm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội là vấn đề được Nhà trường và Khoa Lịch sử quan tâm hàng đầu. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ được sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh, cập nhật CTĐT, phát triển CTDH và các hoạt động khác được thực hiện định kỳ, có hệ thống, được rà soát, đánh giá và cải tiến. KQHT của SV được đánh giá bằng nhiều phương thức phù hợp, bao gồm đánh giá thường xuyên và định kỳ, được rà soát để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Trung tâm TT&TV, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

- Kết quả đầu ra: Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp và kết quả NCKH của SV được xác lập, giám sát và đối sánh hàng năm để cải tiến chất lượng. Ngoài ra, việc khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp được tiến hành định kỳ để cải tiến chất lượng.

Cách mã hóa minh chứng

Trong báo cáo TĐG, các MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef. Trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

n: số thứ tự của hộp MC, được đánh số từ 1 đến hết

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (từ 01 đến 11)

cd: số thứ tự của tiêu chí (từ 01 đến hết số tiêu chí trong tiêu chuẩn)

ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (từ 01 đến hết)

Ví dụ: H1.01.02.03: là MC thứ 3 thuộc tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 1, đặt ở hộp 1.

Các MC được tập hợp và sắp xếp theo thứ tự từng tiêu chí, tiêu chuẩn và được lưu giữ tại Khoa. Một số MC có nhiều trang thì chỉ thể hiện trang bìa và trang cuối, toàn bộ văn bản được lưu tại đơn vị chuyên trách và sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu.

Để thuận tiện trong việc tìm kiếm, sử dụng và lưu trữ MC, phục vụ tốt công tác TĐG CSGD và CTĐT, từ năm 2022, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm TĐG. Các nhóm công tác chuyên trách, các đơn vị và cá nhân liên quan, đặc biệt là Đoàn đánh giá ngoài có thể tiếp cận danh mục MC một cách dễ dàng và thuận tiện bằng cách truy cập vào địa chỉ <https://dbcl.husc.edu.vn/TongHopMinhChung>

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

TĐG CTĐT theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành là cơ hội để Khoa Lịch sử và Nhà trường rà soát, xem xét, đánh giá một cách toàn diện về hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH, các nguồn lực và các vấn đề liên quan khác khi triển khai thực hiện CTĐT. Xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động trên cơ sở phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định.

Quy trình tự đánh giá

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Mỗi nhóm công tác chuyên trách được phân công phụ trách không quá 3 tiêu chuẩn có liên quan với nhau. Ngoài ra, Phòng KT&BDCLGD là đơn vị đầu mối có nhiệm vụ điều phối, đảm bảo triển khai hoạt động TĐG đúng kế hoạch và đạt chất lượng.

Bước 2: Xây dựng và triển khai kế hoạch TĐG. Phổ biến chủ trương của Nhà trường đến toàn thể viên chức, người lao động và người học.

Bước 3: Tập huấn triển khai hoạt động TĐG. Thành phần tham gia bao gồm các thành viên của Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách và nhân viên Phòng KT&BDCLGD.

Bước 4: Xác định, thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, MC. Viết phiếu đánh giá 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn. Các nhóm công tác chuyên trách rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung các tiêu chí, tiêu chuẩn và danh mục MC.

Bước 5: Viết dự thảo báo cáo TĐG. Trên cơ sở tổng hợp phiếu đánh giá 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn và các phụ lục kèm theo, Ban Thư ký sẽ viết dự thảo báo cáo TĐG.

Bước 6: Góp ý dự thảo báo cáo TĐG. Hội đồng TĐG và các chuyên gia trong lĩnh vực BDCLGD xem xét và góp ý; Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo TĐG.

Bước 7: Công bố báo cáo TĐG và xin ý kiến đóng góp của viên chức, người lao động và NH toàn trường. Ban Thư ký tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo TĐG.

Bước 8: Đăng ký đánh giá ngoài nội bộ với ĐHH. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG.

Bước 9: Đăng ký đánh giá ngoài với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục.

Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của Khoa Lịch sử trong thời gian 5 năm, từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023.

Phương pháp và công cụ đánh giá

Sử dụng phương pháp phân tích SWOT để mô tả đầy đủ, trung thực và khách quan thực trạng hoạt động khi thực hiện CTĐT, xác định điểm mạnh, điểm tồn tại và từ đó lập kế hoạch hành động một cách cụ thể, khả thi để tiếp tục duy trì điểm mạnh, khắc phục những điểm tồn tại.

Trong quá trình TĐG CTĐT, chúng tôi căn cứ vào Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài CTĐT; Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng .

Sự tham gia của các bên liên quan vào hoạt động tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT ngành ĐPH được thành lập theo Quyết định số 1117/QĐ-ĐHKH ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHKH, ĐHH. Thành phần Hội đồng TĐG có 15 thành viên, gồm: Ban Giám hiệu, cán bộ GV Khoa Lịch sử, đại diện các phòng, trung tâm và SV. Hội đồng TĐG có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai TĐG CTĐT và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT. Giúp việc cho Hội đồng TĐG là Ban Thư ký có 09 thành viên và 05 nhóm công tác chuyên trách có 26 thành viên. Mỗi nhóm công tác chuyên trách phụ trách từ 2 đến 3 tiêu chuẩn, do một thành viên của Hội đồng TĐG làm trưởng nhóm. Trong mỗi nhóm công tác chuyên trách, ngoài các thành viên là GV của Khoa Lịch sử còn có các chuyên viên của các phòng ban, trung tâm sẽ hỗ trợ trong việc cung cấp MC.

Ngoài ra, kết quả phản hồi từ SV, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng về hoạt động giảng dạy, chất lượng CTĐT, chất lượng toàn khóa học, chất lượng SV tốt nghiệp, các chế độ, chính sách, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, thi đua khen thưởng của Nhà trường là những thông tin quan trọng và hữu ích được sử dụng trong quá trình TĐG.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Trường ĐHKH, ĐHH tiền thân là Ban Văn khoa và Ban Toán học đại cương thuộc Viện ĐHH được thành lập ngày 01/03/1957. Sau khi thống nhất đất nước, ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 426-TTg sáp nhập Đại học Văn khoa và Đại học Khoa học thuộc Viện ĐHH thành Trường Đại học Tổng hợp Huế trực thuộc Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ GD&ĐT). Đến năm 1994, theo yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, Chính phủ ký ban hành Nghị định 30/CP

ngày 04/04/1994, về việc tổ chức sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, ĐHH được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại các trường đại học và cao đẳng trong khu vực, Trường Đại học Tổng hợp Huế được đổi tên thành Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và là một trong 8 trường thành viên của ĐHH cho đến ngày nay.

Trường ĐHKH, ĐHH đã có hơn 65 năm xây dựng và phát triển, là một trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ và kiến trúc. Trong khoảng thời gian đó, đặc biệt từ năm 1976 đến nay, Trường ĐHKH, ĐHH đã cung cấp cho xã hội một đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu và hoạt động rộng khắp trên nhiều lĩnh vực như NCKH, ứng dụng thành quả khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất và đời sống xã hội. Đặc biệt, ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên, khu vực có nhiều thế hệ SV của Trường đã và đang đóng góp sức mình cho sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước. Nhiều cựu SV đã trở thành lãnh đạo chủ chốt tại các địa phương, các trường đại học và viện nghiên cứu trong cả nước. Chức năng của Nhà trường là đào tạo đội ngũ trí thức với các trình độ CN, ThS, TS. Song song với công tác đào tạo, Nhà trường chú trọng công tác NCKH, chuyển giao công nghệ để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Sứ mạng: Trường ĐHKH, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, chuyển giao công nghệ về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, là trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực tiêu biểu bậc nhất ở miền Trung, Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Giá trị cốt lõi: “Sáng tạo - Nhân văn - Thích ứng”

Sáng tạo: Sáng tạo để khơi nguồn tri thức và tạo nên những giá trị mới là nền tảng của sự đổi mới và khai phóng trong các hoạt động.

Nhân văn: Lấy người học làm trung tâm trong mọi hoạt động, xây dựng nền tảng văn hoá giáo dục vì sự tiến bộ toàn diện của con người.

Thích ứng: Quá trình đào tạo phải bắt kịp với hoàn cảnh mới, yêu cầu mới, trình độ và tiêu chuẩn mới của xã hội Việt Nam đương đại, hướng đến nhu cầu hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ.

Triết lý giáo dục: "Sáng tạo tri thức - Gắn kết thực tiễn - Kiến tạo tương lai"

Trường ĐHKH, ĐHH là địa chỉ đáng tin cậy trong việc truyền thụ và tiếp thu những tri thức khoa học và giá trị nhân văn. Tôn chỉ của quá trình giáo dục của Nhà trường là tiếp thu tinh hoa tri thức của tiền nhân nhằm sáng tạo nên những giá trị mới, tri thức mới. Sáng tạo tri thức là động lực của phát triển và tiến bộ xã hội. Quá trình đào tạo hướng đến tính thực hành, thực tiễn, giúp người học có thể thích nghi nhanh với yêu cầu của vị trí việc làm trong xã hội. Quá trình học tập tại Nhà trường là thời gian trưởng thành toàn diện trên phương diện nhân cách và tri thức, nhằm chuẩn bị cho một tương lai bay cao và bay xa, nơi chấp cánh cho những giấc mơ của người học.

Mục tiêu: Xây dựng Trường ĐHKH, ĐHH trở thành trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực về khoa học cơ bản và ứng dụng có uy tín và năng lực hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

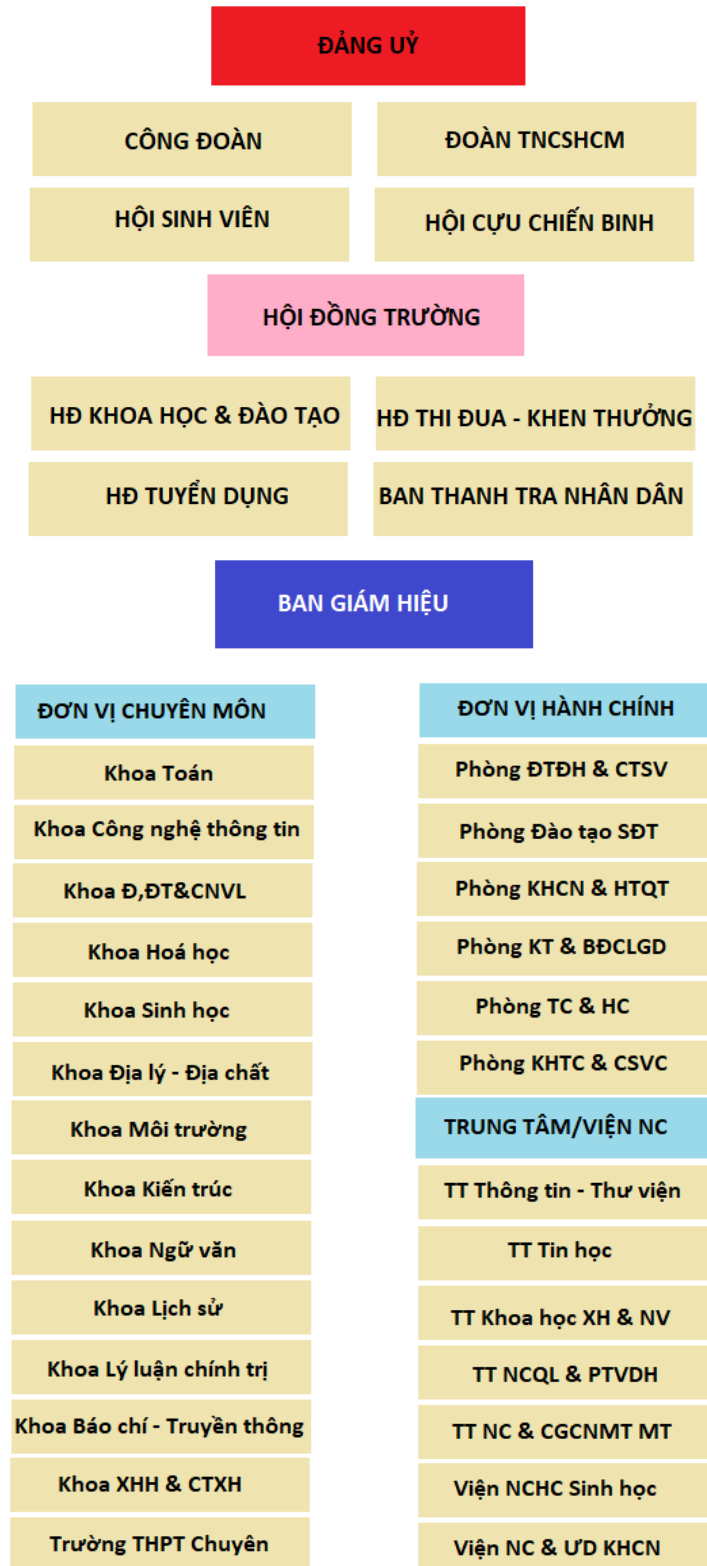
Về tổ chức bộ máy, Trường ĐHKH, ĐHH có Đảng ủy, Hội đồng trường, các tổ chức đoàn thể, các hội đồng chuyên môn. Ban Giám hiệu gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng, Trường có 06 phòng chức năng, 01 Trung tâm TT&TV, có 13 khoa chuyên môn, 01 Trường THPT Chuyên, 05 Trung tâm và 02 Viện nghiên cứu.

Công tác tổ chức và quản lý của Trường ĐHKH, ĐHH thực hiện đúng quy định của Điều lệ trường đại học, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHH. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ chức chính trị, xã hội và cán bộ trong Trường được quy định cụ thể bằng các văn bản về tổ chức quản lý. Vì vậy, trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân được phân định rõ ràng, qua đó tạo điều kiện nâng cao tính chủ động trong công việc, tránh chồng chéo, phát huy được tính sáng tạo và có sự phối kết hợp tốt giữa các đơn vị, đem lại hiệu quả tốt nhất trong công việc. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược, gắn với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tổ chức Đảng và các đoàn thể đều có kế hoạch hoạt động cụ thể theo từng giai đoạn và tập trung cho mục đích thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường. Các hoạt động của Nhà trường đều tuân thủ nguyên tắc dân chủ, công khai nhằm phát huy sức mạnh của các tập thể và cá nhân.

Hiện tại, tổng số CBVC, người lao động làm việc tại Trường ĐHKH, ĐHH là 385 người. Đội ngũ GV gồm 274 người, trong đó có 04 GS, 38 PGS, 100 TS, 125 ThS và 07 cử nhân. Tỷ lệ GV có trình độ TS trở lên chiếm 51,82%. Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBVC, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, đảm bảo sự cân đối giữa các ngành đào tạo nhằm đáp ứng

yêu cầu nhiệm vụ chiến lược phát triển của Nhà trường. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính công khai, dân chủ, đảm bảo yêu cầu về phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý. Quy trình tuyển dụng, thi nâng ngạch, nâng bậc viên chức được thực hiện công khai, minh bạch.

- Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường:



Nhà trường có kế hoạch trung và dài hạn trong xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ. Nhiều cán bộ được cử đi học tập, trao đổi khoa học ở nước ngoài. Đội ngũ kỹ thuật viên, nghiên cứu viên đủ về số lượng và chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo hỗ trợ tốt SV trong quá trình thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm. Nhân viên thư viện được trẻ hoá và thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ tốt cho cán bộ và SV trong học tập và NCKH.

Về đào tạo, Trường ĐHKH, ĐHH là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và đa cấp độ. Hiện tại Nhà trường đang triển khai đào tạo 23 ngành đại học, 26 ngành thạc sỹ, 17 ngành tiến sỹ và 06 ngành Chuyên THPT (CNTT, Toán, Văn, Lý, Hóa, Sinh). Nhà trường đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng đầu ra, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng, nhất là trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp 4.0. Cụ thể, Nhà trường định kỳ cập nhật CDR, đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy chú trọng đến sự phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của NH. Đặc biệt, Nhà trường triển khai có hiệu quả công tác liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng. Đây là một giải pháp có tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn lý thuyết với thực tiễn và tăng khả năng tìm kiếm việc làm của SV sau tốt nghiệp.

Trường ĐHKH, ĐHH tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với tất cả các ngành học, NH được xác định là trung tâm của quá trình đào tạo. Các chủ trương, chính sách và hoạt động của Nhà trường đều hướng đến mục tiêu phục vụ người học một cách tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học trên cơ sở phù hợp các quy định của Bộ GD&ĐT. Đầu năm học, trong “Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên”, toàn thể SV được các phòng chức năng giới thiệu đầy đủ về CTĐT, quy chế đào tạo, phương thức kiểm tra đánh giá KQHT, các quyền lợi và nghĩa vụ khác liên quan đến người học. Nhà trường chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất, lối sống, hoài bão cho SV; tạo điều kiện thuận lợi để SV được tham gia các hoạt động NCKH, thể thao, văn nghệ và các hoạt động ngoại khóa khác. Công tác chăm sóc sức khỏe cho SV cũng được quan tâm đầy đủ, đúng quy định trong khám chữa bệnh. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã thực hiện tốt chức năng của mình, góp phần đắc lực trong việc tập hợp SV tham gia các hoạt động nhằm rèn luyện nhân cách, kỹ năng sống và năng lực toàn diện cho SV.

Về hoạt động NCKH, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh NCKH cơ bản, vốn là thế mạnh của Trường, Nhà trường còn chú trọng đến nghiên cứu ứng dụng, tiến đến thực hiện chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm nhằm gia tăng nguồn thu từ hoạt động này. Nhà trường đã xây dựng định hướng hoạt động KHCN của các đơn vị, chú trọng đầu tư phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, nghiên cứu liên ngành theo hướng mũi nhọn về khoa học tự nhiên, công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn. Ký kết hợp tác giữa Nhà trường với UBND, Sở KHCN, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên trong NCKH và chuyển giao công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Cán bộ, GV và SV của Nhà trường đã triển khai thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp, gồm đề tài cấp Nhà nước, đề tài Nafosted, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, đề tài cấp ĐHH, đề tài cấp Trường và đề tài NCKH của SV. Các đề tài NCKH được nghiệm thu đúng hạn, đúng quy định. Nhiều bài báo là sản phẩm của các đề tài NCKH đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước. Nhiều đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn đời sống và sản xuất, góp phần giải quyết các vấn đề bức thiết của địa phương các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Thông qua hoạt động NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ và khả năng cập nhật thông tin của cán bộ, GV và SV.

Trường ĐHKH, ĐHH luôn quan tâm, chú trọng và mở rộng lĩnh vực hợp tác quốc tế, thông qua hoạt động này nhằm quảng bá hình ảnh của Trường, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, đồng thời tăng cường nguồn lực CSVC, trang thiết bị phòng thí nghiệm, thông tin khoa học phục vụ hoạt động giảng dạy và NCKH cho cán bộ và SV. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT trong hoạt động hợp tác quốc tế. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, GV và SV tham gia học tập, nghiên cứu, trao đổi học thuật ở trong và ngoài nước. Quản lý tốt cán bộ đi công tác, hợp tác tại các nước và các đoàn GV, SV nước ngoài đến công tác tại Trường. Bên cạnh việc duy trì các quan hệ sẵn có, Nhà trường luôn tìm kiếm, mở rộng các quan hệ hợp tác mới với các cơ sở giáo dục nước ngoài nhằm phát triển hoạt động hợp tác quốc tế. Nhà trường đã tổ chức thành công các hội thảo khoa học quốc tế, nhiều cán bộ, GV của Nhà trường đã có các công trình khoa học đăng tải ở các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, qua đó góp phần quảng bá và nâng cao vị thế của Nhà trường.

Về CSVC, Trường ĐHKH, ĐHH tọa lạc tại trung tâm thành phố Huế trên diện tích 3,5 ha, có 10 toà nhà, đảm bảo bố trí đầy đủ phòng làm việc cho cán bộ, viên chức. Có 93 giảng đường, phòng học đạt chuẩn, được trang bị khá đầy đủ hệ thống nghe, nhìn về cơ bản đáp ứng tốt hoạt động dạy và học của cán bộ, GV và SV. Với 47 phòng thí nghiệm cơ bản, phòng thí nghiệm chuyên ngành, phòng tư liệu và phòng bảo tàng, 08 phòng thực hành máy tính được trang bị hiện đại và nâng cấp thường xuyên, 01 Trung tâm TT&TV với nguồn học liệu, tài liệu tham khảo phong phú đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH của cán bộ, SV và học viên. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiến hành hoạt động đánh giá tài sản, hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời thực hiện tốt công tác bảo trì, sửa chữa, thay thế kịp thời theo yêu cầu của các đơn vị.

Về tài chính và quản lý tài chính, Trường ĐHKH, ĐHH là đơn vị sự nghiệp có nguồn thu để đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Ngoài ngân sách Nhà nước cấp, Nhà trường có các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước và ĐHH từ học phí, lệ phí của các bậc học; từ các hợp đồng NCKH và các dịch vụ. Nguồn thu được quản lý tập trung và sử dụng đúng nguyên tắc tài chính.

Công tác kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách khoa học, có cơ sở, bám sát tình hình thực tiễn của Nhà trường và tuân thủ các quy định của Nhà nước. Căn cứ vào dự toán ngân sách được Nhà nước cấp hàng năm, kế hoạch thu ngân sách từ các nguồn học phí, lệ phí và các khoản thu hợp pháp khác, đồng thời căn cứ vào kế hoạch chi tiêu trong năm học của các mảng hoạt động như đào tạo, NCKH, mua sắm trang thiết bị, hóa chất và các hoạt động khác của Nhà trường, Phòng KHTC&CSVC lập dự toán tài chính trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Kế hoạch tài chính của Nhà trường được công khai, minh bạch, hợp lý và đúng mục đích. Trong phân bổ kinh phí, có tính đến ưu tiên cho các ngành trọng điểm, đảm bảo tính hợp lý giữa hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Hoạt động tài chính được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và các quy định khác của Nhà nước về quản lý tài chính. Báo cáo thu - chi tài chính hàng năm được công khai tại các hội nghị giao ban, hội nghị VC, NLĐ của Nhà trường và được ĐHH thẩm định, phê duyệt. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã sử dụng nguồn tài chính một cách có hiệu quả, ngoài việc đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cải thiện đời sống của CBVC, còn có tích lũy nguồn kinh phí dự trữ để tái đầu tư phát triển về con người và CSVC.

Về hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục, đây là vấn đề luôn được xã hội quan tâm vì tầm quan trọng hàng đầu của nó đối với sự nghiệp phát triển đất nước nói chung, sự nghiệp phát triển giáo dục nói riêng. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường ĐHKH, ĐHH luôn quan tâm đến việc duy trì, đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Bằng chứng là Nhà trường đã 2 lần đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Lần thứ nhất, năm 2016, triển khai TĐG theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá theo 2 mức đạt hoặc chưa đạt). Đánh giá ngoài năm 2017 bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. Được cấp Giấy Chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82% và có giá trị đến ngày 06/9/2022. Năm 2020, Nhà trường đã có báo cáo TĐG giữa chu kỳ kiểm định, đánh giá những việc đã cải tiến sau tự đánh giá, những việc chưa làm được, đồng thời nêu rõ nguyên nhân và giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch hành động, những khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, bổ sung vào kế hoạch cải tiến chất lượng những năm tiếp theo. Lần thứ hai, năm 2022, triển khai TĐG theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 25 tiêu chuẩn với 111 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá theo thang điểm 7 mức). Đánh giá ngoài năm 2023 bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long. Được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên là 86,49% và có giá trị đến ngày 08/11/2028.

Ngoài ra, năm 2021, Nhà trường đã triển khai TĐG 03 CTĐT bậc đại học: Báo chí, Công nghệ thông tin và Kiến trúc theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học được quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mỗi tiêu chí được đánh giá theo thang điểm 7 mức. Đánh giá ngoài đầu năm 2023 bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long. Được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với tỷ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu (từ 4 điểm trở lên) tương ứng với các CTĐT ngành Báo chí, Công nghệ thông tin, Kiến trúc là 84%, 84%, 86% và có giá trị đến ngày 28/04/2028.

Công tác BĐCLGD của Nhà trường do Phòng KT&BĐCLGD làm đầu mối, triển khai các hoạt động chuyên môn. Nhà trường đã thành lập Hội đồng BĐCLGD Trường ĐHKH, ĐHH và mạng lưới BĐCLGD bên trong nhiệm kỳ 2019-2024. Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng BĐCLGD và mạng lưới BĐCLGD bên trong. Đây là sở sở pháp lý, đồng thời là nguồn nhân lực tổ chức thực hiện, giám sát hoạt động BĐCLGD bên trong của Nhà trường.

Đầu mỗi năm học, trên cơ sở kế hoạch hành động của báo cáo TĐG và những khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, Phòng KT&BĐCLGD tham mưu cho Nhà trường ban hành và thực hiện kế hoạch BĐCLGD, kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, triển khai đến tất cả các đơn vị và CBVC trong toàn Trường. Trong quá trình thực hiện luôn được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và sự giám sát của Hội đồng BĐCLGD Nhà trường.

Công tác BĐCLGD của Nhà trường còn thể hiện qua các hoạt động thường niên gồm: Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của tất cả GV tham gia công tác giảng dạy trong năm học. Hoạt động này được diễn ra định kỳ 2 lần/năm học, vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát, trước hết được GV tiếp thu để cải tiến hoạt động dạy học, mặt khác được tổng hợp, phân tích tham mưu cho Nhà trường làm cơ sở để điều chỉnh, thay đổi, bổ sung các chính sách của Nhà trường, nhằm nâng cao hoạt động dạy học nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. Khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng SV tốt nghiệp và chất lượng CTĐT; khảo sát SV năm cuối về chất lượng toàn khóa học; khảo sát cựu SV về chất lượng CTĐT; khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Đây là cơ sở dữ liệu khách quan, chính xác để Nhà trường có căn cứ điều chỉnh CTĐT và các chính sách khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nhằm củng cố và tăng cường năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực BĐCLGD, Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các lớp tập huấn, hội thảo hội nghị do ĐHH và Bộ GD&ĐT tổ chức. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tham gia các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục do ĐHH tổ chức.

2.2. Giới thiệu khái quát về Khoa Lịch sử

Từ chỗ là những môn học lịch sử nằm trong chương trình Ban Văn khoa, sau đó được nâng thành ban Sử - Địa ở Trường Đại học Văn khoa thuộc viện ĐHH giai đoạn 1957 - 1975, sau ngày thống nhất đất nước, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 426-

TTg ngày 27/10/1976 thành lập Trường Đại học Tổng hợp Huế với 3 khoa là Toán - Lý, Hóa - Sinh - Địa, Văn - Sử. Theo đó, ngành Lịch sử đã có bước đột phá hết sức quan trọng để trở thành một trong hai ngành đào tạo của Khoa Văn - Sử, trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực và NCKH phục vụ các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Đến năm 1980, Khoa Lịch sử được tách ra thành khoa độc lập thuộc Trường Đại học Tổng hợp Huế và từ năm 1994 là Trường ĐHKH, ĐHH cho đến nay.

Cùng với quá trình hình thành và phát triển hơn 65 năm qua, bên cạnh đào tạo ngành Lịch sử, Khoa Lịch sử đã mở các mã ngành đào tạo mới bậc đại học như CTXH, ĐPH đáp ứng nhu cầu xã hội. Đến tháng 08/2014, Bộ môn CTXH tách ra thành một bộ môn độc lập trực thuộc Trường (theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHKH ngày 25/07/2014 của Hiệu trưởng), Khoa Lịch sử hiện nay đang đào tạo 02 mã ngành đại học: Lịch sử và ĐPH; 04 mã ngành cao học: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Dân tộc học, Quản lý Văn hoá; 03 mã ngành TS: Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam và Dân tộc học.

Trên cơ sở sứ mạng của Nhà trường và đặc thù của ngành đào tạo, Khoa Lịch sử xác định các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị như sau:

- Đào tạo trình độ đại học, sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực lịch sử, văn hóa, ĐPH ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

- Tổ chức các hoạt động NCKH nhằm phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo, đồng thời tham gia giải quyết các vấn đề xã hội đang được đặt ra.

- Tham gia xây dựng, tư vấn, triển khai và đánh giá các dự án, chương trình, và chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

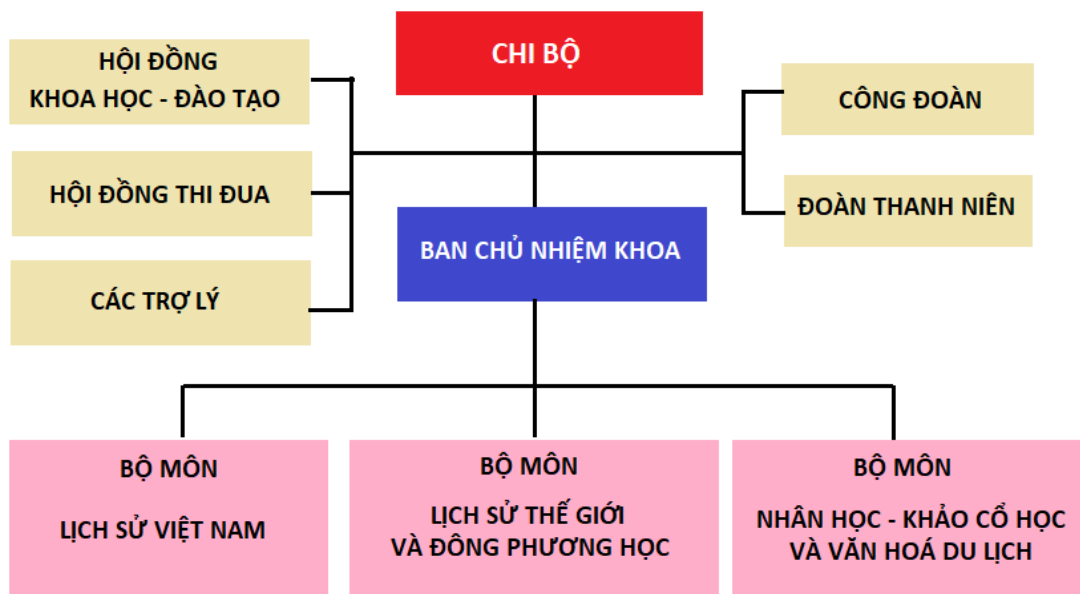
- Nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH và hoạt động thực tiễn cho cán bộ và SV các ngành đang đào tạo.

- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để hình thành mạng lưới đào tạo, nghiên cứu và triển khai các hoạt động trao đổi và hợp tác trong các hoạt động đào tạo và NCKH.

Về đội ngũ cán bộ: Khoa Lịch sử hiện có 24 GV, trong đó có 04 PGS, 12 TS và 08 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có hợp đồng với cán bộ thỉnh giảng từ các trường thành viên của ĐHH như Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật... đã và đang tham gia giảng dạy nhiều học phần trong CTĐT ngành Lịch sử và ngành

ĐPH của Khoa. Lực lượng cán bộ của Khoa Lịch sử hầu hết được đào tạo từ nhiều ngành/chuyên ngành khoa học khác nhau như: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Dân tộc học, Khảo cổ học, ĐPH.

Về tổ chức bộ máy: Khoa Lịch sử có Chi bộ Đảng, Ban Chủ nhiệm Khoa, Hội đồng Khoa học - Đào tạo, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên và 03 bộ môn: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới và ĐPH, Nhân học - Khảo cổ học - Văn hoá Du lịch. Cơ cấu tổ chức của Khoa Lịch sử được biểu thị qua sơ đồ như sau:



Về cơ sở vật chất: Bên cạnh việc sử dụng chung phòng học, Trung tâm TT&TV của Nhà trường, Khoa Lịch sử được bố trí đủ phòng làm việc cho cán bộ, GV và các bộ môn; có phòng Tư liệu và đặc biệt là phòng Bảo tàng trang bị nhiều sách, báo, tạp chí chuyên ngành cũng như các hiện vật lịch sử, dân tộc học, văn hoá học, khảo cổ học, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và NH trong quá trình giảng dạy, học tập và NCKH.

Về công tác đào tạo: Qua 47 năm kể từ năm 1976 đến nay, Khoa Lịch sử đã và đang đào tạo đủ các bậc, các hệ đào tạo. Ở bậc đại học, với 03 mã ngành tuyển sinh là Lịch sử, ĐPH và Công tác xã hội, Khoa đã và đang đào tạo 42 khóa cử nhân hệ chính quy tại trường, hệ VLVH, liên thông từ cao đẳng lên đại học ở Huế, Phú Yên, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình thuộc các ngành Lịch sử, CTXH chuyên ngành Văn hóa – Du lịch (Năm 2014, ngành CTXH tách ra khỏi Khoa thành Bộ môn, sau đó là Khoa CTXH trực thuộc Trường và hiện nay là Khoa XHH&CTXH). Ở bậc sau đại học, kể từ năm 1996, Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ cho Khoa Lịch sử đào tạo cao học các

chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Dân tộc học, Lịch sử thế giới; đến năm 2018, Khoa Lịch sử đào tạo thêm mã ngành Quản lý văn hóa bậc ThS. Đến nay, Khoa Lịch sử đã tuyển sinh và đào tạo được 25 khóa cao học với gần 500 học viên. Năm 2002, Khoa Lịch sử mở mã ngành đào tạo TS chuyên ngành Lịch sử thế giới, năm 2004 có thêm chuyên ngành Lịch sử Việt Nam và năm 2014 mở chuyên ngành Dân tộc học. Đến nay, với 03 chuyên ngành đào tạo TS đã có gần 100 nghiên cứu sinh, trong đó 35 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án TS.

Số lượng SV đầu vào các ngành Lịch sử, ĐPH hệ chính quy hàng năm khá ổn định, dao động trong khoảng 60 - 65 SV. Tuy nhiên, do sự tác động của bối cảnh xã hội hiện nay, số lượng SV đầu vào ngành Lịch sử có xu hướng giảm, song ngành ĐPH có số lượng SV đầu vào ổn định hơn.

Về nghiên cứu khoa học: Trong 47 năm từ 1976 đến nay, Khoa đã thực hiện hoàn thành nhiều đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp ĐHH, cấp cơ sở (Trường) và đề tài NCKH cho SV, học viên và nghiên cứu sinh; tham gia và chủ trì nhiều hội thảo khoa học cấp Tỉnh, cấp Quốc gia và Quốc tế. Trong đó, dấu ấn nổi bật nhất là chủ trì và tham gia các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, mà tiêu biểu là đề tài “Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước Triều Nguyễn, những vấn đề đặt ra hiện nay”. Từ kết quả nghiên cứu, nhiều công trình khoa học của cán bộ Khoa Lịch sử đã được xuất bản, nhiều bài viết được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, trong các hội thảo và diễn đàn khoa học, phục vụ rất hiệu quả cho công tác đào tạo, nghiên cứu trong Nhà trường và cho sự phát triển của xã hội, cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.2.1. Khối lượng công trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học của Khoa Lịch sử trong giai đoạn 1976 – 2023

TT	Loại hình nghiên cứu khoa học	Số lượng
1	Sách/giáo trình	358
2	Đề tài/dự án	
	Cấp Nhà nước và cấp Bộ	60
	Cấp Tỉnh	36
	Cấp cơ sở (ĐHH và Trường)	50
	Sinh viên và hỗ trợ học viên Cao học/Nghiên cứu sinh	50
3	Bài đăng tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học các cấp	1.600

(Nguồn: Khoa Lịch sử)

Về đối ngoại và hợp tác quốc tế: Khoa Lịch sử đã có nhiều hợp tác nghiên cứu, đào tạo và trao đổi học thuật với Khoa Lịch sử, Khoa Xã hội học, Khoa Quốc tế học - Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Sử học, Viện Dân tộc học, Viện Khảo cổ học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á... Bên cạnh đó, Khoa còn có mối quan hệ chặt chẽ trong nghiên cứu ứng dụng, tổ chức hội thảo khoa học với các địa phương, nhiều nhất là ở miền Trung như Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên...

Về hợp tác quốc tế, Khoa Lịch sử đã thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều cơ quan khoa học, trường đại học và các tổ chức tài trợ của nước ngoài để thực hiện các chương trình nghiên cứu, trao đổi học thuật, phối hợp đào tạo như: Quỹ Toyota, Quỹ Ford, Tổ chức ICCO (Hà Lan), Quỹ Rosa Luxembourg (Đức), Đại học Toulouse (Pháp), Đại học Toronto (Canada), Đại học Deakin (Australia), Đại học Osaka, Đại học Waseda, Đại học Toyo, Đại học Kansai, Đại học Kanagawa, Bảo tàng Quốc gia Osaka, Đại học Okinawa (Nhật Bản); Đại học Inha (Hàn Quốc), Đại học San José State (California, Hoa Kỳ), Đại học Sun Yat-sen (Quảng Châu, Trung Quốc), Đại học Bách khoa March (Italy), Viện Công nghệ châu Á (AIT), Đại học Chinan (Đài Loan), Đại học Porto, Hội ái hữu Bồ Đào Nha – Việt Nam (Bồ Đào Nha)...

Thông qua các quan hệ hợp tác quốc tế, rất nhiều cán bộ trong Khoa đã đi nước ngoài học tập, tu nghiệp, bồi dưỡng, trao đổi học thuật và hội thảo khoa học, góp phần rất lớn vào sự trưởng thành về chuyên môn và bản lĩnh khoa học của đội ngũ cán bộ thuộc Khoa.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai bằng nhiều hình thức.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng.

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được xác định rõ ràng, đầy đủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của trình độ đại học.

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH là: "Đào tạo cử nhân Đông phương học có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, sức khỏe tốt và có tinh thần trách nhiệm cao. Người học xong chương trình sẽ có khả năng làm việc trong môi trường Nhà nước, tư nhân, làm việc tại nước ngoài, làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học, các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức khác; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành những người quản lý, chuyên gia trong lĩnh vực Đông phương học" [H01.01.01.01], [H03.03.01.11].

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được quy định cụ thể trong các quyết định về việc điều chỉnh, cập nhật và ban hành khung CTĐT, xây dựng CTĐT đại học theo CĐR [H01.01.01.02], [H10.10.02.02].

1.2. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD.

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được xác định phù hợp với sứ mạng của Trường ĐHKH, ĐHH: "Trường ĐHKH, ĐHH có sứ

mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước”, phù hợp với tầm nhìn và định hướng chiến lược phát triển của Trường [H01.01.01.03], [H04.04.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học, đó là: “Mục tiêu chung của CTĐT là đào tạo cử nhân ĐPH có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng, có kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt... Về chuyên môn, cử nhân ĐPH nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt về Khu vực học và Quốc gia học theo các hướng chuyên ngành Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Trung Quốc học và Đông Nam Á học. Trong đó, trang bị những kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, dân tộc, kinh tế, ngoại giao, địa lý du lịch... của các nước, khu vực (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đông Nam Á). Ngoài ra, cử nhân ngành ĐPH còn được trang bị các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp, đàm phán, quản trị và khả năng thích ứng với môi trường hội nhập để đáp ứng nhu cầu việc làm đa dạng ở trong và ngoài nước, trong đó, việc sử dụng được một ngoại ngữ (tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Anh) được xem trọng” [H03.03.01.11], [H01.01.01.04].

1.3. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học, đó là "Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân" [H01.01.01.05]. Như vậy, tham chiếu mục tiêu của Luật Giáo dục đại học hiện hành có thể thấy mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH được xác định phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, năng lực sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi về mục tiêu CTĐT của cựu SV và nhà tuyển dụng chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ 1 năm/lần khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV và các nhà tuyển dụng về mục tiêu của CTĐT để điều chỉnh nội dung mục tiêu CTĐT cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 1.2: CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng.

CDR của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về CDR của CTĐT trình độ giáo dục đại học [H01.01.02.01], [H01.01.02.02], [H01.01.02.03]. CDR của CTĐT ngành ĐPH được xác

định rõ ràng trong khung CTĐT ban hành năm 2018 và được cập nhật năm 2019 và năm 2021 [H01.01.02.04], [H03.03.01.11].

2.2. CDR của CTĐT phải nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

CDR của CTĐT ngành ĐPH bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, bao gồm: chuẩn về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm, đạt yêu cầu về ngoại ngữ, CNTT, kỹ năng mềm, giáo dục thể chất, giáo dục an ninh quốc phòng. Ngoài ra, SV còn phải có hiểu biết cơ bản về pháp luật đại cương, môi trường đại cương, kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội [H03.03.01.11].

CDR phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho NH và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H03.03.01.11].

Các mức độ yêu cầu cụ thể về mặt kiến thức yêu cầu NH phải đạt mức độ tiếp nhận theo chuẩn khối kiến thức chung của ĐHH, của Trường ĐHKH, ĐHH, chuẩn theo khối kiến thức lĩnh vực, kiến thức chung nhóm ngành, kiến thức nghề nghiệp, kiến thức bổ trợ; về mặt kỹ năng chuyên môn yêu cầu NH phải đạt mức độ tiếp nhận chuẩn kỹ năng về nghề nghiệp và kỹ năng mềm; ngoài ra, NH còn đạt chuẩn kỹ năng về năng lực tự chủ và trách nhiệm. CDR của CTĐT ngành ĐPH bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H03.03.01.11].

CDR của CTĐT ngành ĐPH được đo lường và đánh giá về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của NH thông qua năng lực của SV khi giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp và viết khoá luận tốt nghiệp, niên luận, báo cáo, tiểu luận... trong suốt quá trình đào tạo. Mức độ yêu cầu cần đạt được của NH về từng mặt được chi tiết thông qua ma trận của các học phần trong CTĐT nhằm đáp ứng CDR [H03.03.01.11].

Kết quả khảo sát SV, cựu SV Khoa Lịch sử và GV trực tiếp tham gia giảng dạy về CĐR của CTĐT ngành ĐPH có mức độ hài lòng cao [H01.01.02.05]. Việc khảo sát các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT cử nhân ngành ĐPH chưa được thực hiện, chỉ thực hiện lấy ý kiến của một số nhà tuyển dụng tại cuộc họp rà soát CĐR và CTĐT do Khoa Lịch sử tổ chức [H01.01.02.06].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành ĐPH đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho NH chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp NH có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của NH sau tốt nghiệp, GV, các nhà khoa học là chuyên gia đầu ngành, nhà tuyển dụng lao động về CĐR chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ 1 năm/lần khảo sát ý kiến phản hồi của NH đã tốt nghiệp, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT để điều chỉnh nội dung CĐR cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho NH theo CĐR đã xây dựng.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

CĐR của CTĐT ngành ĐPH phản ánh được yêu cầu của các BLQ. Từ năm 2018 đến nay, CĐR của CTĐT ngành ĐPH đã được xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần sau khi tiếp thu các ý kiến của các BLQ và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. Cụ thể yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động đối với SV tốt nghiệp ngành ĐPH ngoài kiến thức chuyên môn cần có kỹ năng ngoại ngữ tốt [H01.01.03.01].

CĐR được xây dựng với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, khả năng tự học và công tác sau khi tốt nghiệp, được rà soát, cập nhật trên cơ sở góp ý của các BLQ, đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Khoa đã tiếp thu ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Cụ thể, về kiến thức cần trang bị cho SV nắm vững và hiểu rõ văn hoá của các quốc gia phương Đông, có kiến thức về địa lý; về kỹ năng cần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và giải quyết vấn đề, ngoài ra cần có kiến thức về ngoại ngữ, khả năng ứng dụng CNTT và có thái độ chủ động, phối hợp, sáng tạo và linh hoạt trong công việc. Những ý kiến góp ý của các BLQ được tiếp thu và cụ thể hoá trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CTĐT [H01.01.03.02].

3.2. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của nhà trường.

Qua kết quả khảo sát ý kiến các BLQ, Khoa Lịch sử thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR năm 2018, bổ sung các học phần và áp dụng thống nhất CĐR về ngoại ngữ, kỹ năng mềm. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát ý kiến của NH và nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên và số lượng phiếu khảo sát thu được chưa cao [H01.01.03.03].

CĐR của CTĐT ngành ĐPH được định kỳ rà soát điều chỉnh. Thực hiện công văn hướng dẫn về việc rà soát CĐR của Trường ĐHKH, ĐHH và của ĐHH, Khoa Lịch sử đã thực hiện việc thành lập Hội đồng để rà soát, điều chỉnh, cập nhật và ban hành CĐR năm 2021 [H01.01.03.04]. Nội dung CĐR của CTĐT ngành ĐPH sau mỗi lần rà

soát, cập nhật, được bổ sung, hoàn thiện chi tiết và đầy đủ hơn, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động [H01.01.03.05].

3.3. CĐR của CTĐT được công bố công khai.

CĐR của CTĐT ngành ĐPH được công bố công khai bằng nhiều hình thức để các BLQ gồm NH, GV, nhà tuyển dụng lao động dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu. Các hình thức công bố đa dạng, phong phú như đăng tải trên trang web của Trường và Khoa, phổ biến trong các cuộc họp của Khoa, giới thiệu cho SV trong các buổi gặp mặt, trao đổi, đối thoại hàng năm, trong Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên đầu năm học, lưu bản cứng tại văn phòng Khoa Lịch sử và Phòng ĐTĐH&CTSV [H01.01.03.06], [H01.01.03.07], [H01.01.03.08], [H01.01.03.09], [H08.08.05.07], [H01.01.03.10].

Hàng năm, sau khi kết thúc năm học, Khoa Lịch sử luôn có các báo cáo tổng kết hoạt động giảng dạy, những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho NH [H01.01.03.11].

2. Điểm mạnh

CĐR của ngành ĐPH được bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo một số ý kiến góp ý từ các nhà tuyển dụng lao động. CĐR của CTĐT được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát ý kiến của NH và nhà tuyển dụng lao động về CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên và số lượng phiếu khảo sát thu được chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ 1 năm/lần khảo sát ý kiến phản hồi của NH đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng lao động về CĐR của CTĐT để điều chỉnh nội dung CĐR cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh CĐR ngày càng phù hợp hơn và thông tin đến các BLQ về nội dung của CĐR thông qua các kênh	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		website, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh.		

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và CDR của ngành ĐPH được xây dựng rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH. CDR được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt của NH, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. CDR được định kỳ rà soát điều chỉnh, được công bố công khai trên website và Trang thông tin đào tạo đại học của Trường.

- Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của các BLQ.

- Điểm tồn tại cơ bản: Các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ đến mục tiêu và CDR của CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 1.1				x				4.00	3	100.00
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH của Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu thống nhất của Nhà trường, tuân thủ đúng các quy định của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH được xây dựng phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường, Khoa, Bộ môn; gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu thực tiễn của xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH có mục tiêu đào tạo rõ ràng, các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm được thiết kế một cách có hệ thống; kết cấu của các khối kiến thức được thiết kế phù hợp, có tính đặc thù, đảm bảo

logic nhằm đạt được các mục tiêu và CĐR. Bản mô tả CTĐT được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong và ngoài nước. Định kỳ, bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung, cập nhật. Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên website của Khoa Lịch sử và của Trường ĐHKH, ĐHH cùng nhiều kênh khác giúp người dạy, NH, các nhà quản lý và các BLQ khác dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung.

Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH có đầy đủ các nội dung, là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT ngành ĐPH của Trường ĐHKH, ĐHH đến SV, nhà tuyển dụng lao động, học sinh có nguyện vọng vào học tại Trường và những người quan tâm khác.

Bản mô tả CTĐT của ngành ĐPH hiện hành là phiên bản năm 2021 (áp dụng cho SV Khoá 45 trở về sau). Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH có cấu trúc gồm 10 mục từ A đến J, trong đó mục A là Thông tin tổng quát (tên Trường, tên CTĐT, trình độ đào tạo, mã ngành đào tạo, đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, loại hình đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá, văn bằng tốt nghiệp); mục B là Mục tiêu tổng quát; mục C là Mục tiêu cụ thể; mục D, E, F cụ thể hóa CĐR, ma trận CĐR và thang điểm của CĐR để người đọc dễ tiếp cận; mục G là Khung CTĐT; mục H là Ma trận học phần đối với CĐR; mục I là phần tóm tắt ngắn gọn nội dung của từng học phần và mục J là ĐCCT của từng học phần (nội dung, số tiết, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá, học liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo) [H03.03.01.02]. Như vậy, bản mô tả CTĐT ngành ĐPH đã có đầy đủ, cụ thể hoá các thông tin liên quan đến CTĐT, do đó đã giúp các BLQ có thể hiểu rõ nhất về CTĐT của ngành ĐPH.

1.2. Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan.

Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH được cập nhật thường xuyên theo định kỳ, có đầy đủ thông tin, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Bản mô tả CTĐT năm 2018 được cập nhật, bổ sung đã có một số thay đổi so với bản mô tả CTĐT năm 2016 như: đưa chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản vào CĐR của SV ngành ĐPH. Bỏ học phần Tin học Đại cương (03 tín chỉ) ra khỏi CTĐT và tăng số tín chỉ cho học phần thực tập, thực tế, cụ thể như sau: Học phần Thực tập tốt nghiệp (03 tín chỉ) dành cho học kỳ 8 thay cho Báo cáo tốt nghiệp. SV không làm khoá luận tốt nghiệp sẽ học các học phần

thay thế (08 tín chỉ) để đảm bảo cho CTĐT của ngành ĐPH có tổng khối lượng 122 tín chỉ. Đưa học phần kỹ năng mềm (02 tín chỉ) vào học kỳ 2 năm thứ nhất như kế hoạch của Nhà trường [H02.02.01.01], [H02.02.01.02], [H02.02.01.03].

Năm 2018, ngành ĐPH bổ sung thêm một chuyên ngành mới là Hàn Quốc học (bên cạnh các chuyên ngành đã có trước đó là Nhật Bản học, Trung Quốc học và Đông Nam Á học). Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH theo đó được bổ sung thêm Khung chương trình đào tạo chuyên ngành Hàn Quốc học, áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm 2017 (Khoá 41 trở về sau) [H02.02.01.04], [H02.02.01.05], [H03.03.01.07]. Năm 2019, theo kế hoạch chung của Nhà trường các học phần lý luận chính trị được sắp xếp lại một cách phù hợp hơn, vì vậy các học phần này không còn được tập trung vào 2 học kỳ đầu (học kỳ 1 và học kỳ 2) như trước đây mà được phân bổ đều trong 6 học kỳ (từ học kỳ 1 cho đến học kỳ 6).

Bản mô tả CTĐT thực hiện năm 2021 có nhiều điểm mới về cấu trúc và nội dung mô tả đầy đủ, khoa học hơn như: CĐR về kiến thức nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp được thể hiện chi tiết, cụ thể hơn. Ma trận CĐR phản ánh rõ mức độ đóng góp của từng học phần vào các CĐR theo từng cấp độ. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT năm 2021 được điều chỉnh trên quy mô toàn diện theo khối ngành. Các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành đều có những thay đổi, điều chỉnh theo hướng tiếp cận với thực tế, có tính liên ngành, nâng cao kiến thức chuyên ngành, phát huy năng lực, trang bị những kỹ năng nghiệp vụ cần thiết cho người học, đáp ứng với nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Trong Khối kiến thức chuyên ngành, bản mô tả CTĐT năm 2021 đã có 05 học phần liên quan đến nghiệp vụ đó là: Nghiệp vụ ngoại thương, Nghiệp vụ tổ chức sự kiện, Nghiệp vụ lễ tân và ngoại giao, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Nghiệp vụ quản trị nhân sự và văn phòng. 11 học phần được thay thế; 8 học phần được điều chỉnh tên, nội dung. Học phần thực tập tốt nghiệp tăng từ 03 lên 04 tín chỉ. Học phần khoá luận tốt nghiệp tăng từ 08 lên 10 tín chỉ. Trong từng học phần đã có sự phân bổ lại số tiết lý thuyết và thực hành, thực tế giúp SV nâng cao nghiệp vụ và chuyên môn thực tế, đáp ứng CĐR của ngành đào tạo [H02.02.01.06]. Tổng số tín chỉ SV phải tích lũy theo CTĐT là 123 tín chỉ (tăng 1 tín chỉ so với phiên bản 2018), trong đó 97 tín chỉ bắt buộc và 26 tín chỉ tự chọn [H03.03.01.02]. Các thông tin chính của bản mô tả CTĐT được công bố trên website của Trường ĐHKH, ĐHH. Toàn bộ bản mô tả CTĐT được công bố trên website

của Khoa Lịch sử và được giới thiệu trong các đợt tư vấn tuyển sinh [H02.02.01.07], [H02.02.03.04], [H02.02.01.08], [H02.02.01.09].

Việc cập nhật CTĐT ngành ĐPH được tiến hành theo đúng quy định, quy trình, hướng dẫn của Nhà trường. Đặc biệt, Tổ xây dựng CDR và CTĐT ngành ĐPH đã tiến hành khảo sát ý kiến của chuyên gia, nhà tuyển dụng, SV năm cuối, cựu SV và các BLQ khác về CTĐT [H01.01.03.05], [H02.02.01.10], [H02.02.01.11], [H02.02.01.12], [H02.02.01.13]. Ngoài ra, trong quá trình cập nhật, điều chỉnh, bổ sung CTĐT ngành ĐPH có tham khảo CTĐT của một số cơ sở giáo dục tương đồng trong nước; cụ thể: CTĐT cử nhân ĐPH của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và CTĐT cử nhân ĐPH của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh [H02.02.01.14]. Vì vậy, bản mô tả CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH ngày càng phù hợp với định hướng nghề nghiệp của SV sau khi ra trường và ngày càng tiệm cận với các cơ sở giáo dục tiên tiến trong nước.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành ĐPH có đầy đủ các thông tin theo quy định và được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng nhu cầu của NH và xu hướng phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành ĐPH ngày càng phù hợp với định hướng nghề nghiệp trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Đối tượng và phạm vi nhà tuyển dụng lao động được khảo sát ý kiến về CTĐT chưa được đa dạng và rộng rãi. Các học phần ngoại ngữ còn tương đối ít và đến năm thứ ba khi phân chuyên ngành SV mới được tiếp cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng đối tượng và phạm vi nhà tuyển dụng để thu thập được ý kiến một cách toàn diện hơn. Tăng cường thêm một số học phần về ngoại ngữ và đưa vào học kỳ 2 năm thứ nhất giúp SV được làm quen	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

		sớm với tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Trung.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chủ động chỉnh sửa, cập nhật thông tin mới vào bản mô tả CTĐT theo các xu hướng giáo dục tiên tiến và quy định mới về đào tạo chuẩn kỹ năng nghề nghiệp cho SV nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các BLQ.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT phải đầy đủ thông tin.

Đối với CTĐT nói chung và CTĐT bậc đại học ngành ĐPH nói riêng, ĐCCT các học phần là một tài liệu rất quan trọng. Trong bản mô tả CTĐT ngành ĐPH hiện hành (phiên bản năm 2021), 100% ĐCCT các học phần đều được xây dựng theo mẫu chung thống nhất của Nhà trường, bao gồm 9 mục (từ mục A đến mục I) với đầy đủ các thông tin: 1. mục A. Thông tin chung về học phần (tên tiếng Việt của học phần, mã học phần, số tín chỉ, số giờ kế hoạch, đơn vị phụ trách, điều kiện tiên quyết của học phần); 2. mục B. Mô tả tóm tắt nội dung của học phần; 3. mục C. Học liệu (tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo); 4. mục D. Mục tiêu của học phần (mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể); 5. mục E. CDR của học phần (chuẩn kiến thức, chuẩn về kỹ năng, chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm); 6. mục F. Kiểm tra đánh giá (hình thức đánh giá, các phương pháp đánh giá, thang điểm đánh giá KQHT); 7. mục G. Nội dung chi tiết học phần và hình thức tổ chức dạy học; 8. mục H. Quy định học phần (quy định chung khi tham gia học tập); 9. mục I. Thông tin của các GV phụ trách giảng dạy học phần. ĐCCT học phần có chữ ký của Hiệu trưởng Trường ĐHKH, ĐHH; chữ ký của Trưởng Khoa Lịch sử và chữ ký của đại diện nhóm GV biên soạn [H03.03.01.02].

Có thể thấy, với cấu trúc và nội dung như trên 100% ĐCCT học phần cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng. Đặc biệt, trong ĐCCT đã thể hiện rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu, thái độ, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu trong CDR của học phần, góp phần đạt được CDR của CTĐT, đáp ứng nhu

cầu xã hội. ĐCCT bảo đảm thể hiện rõ được sự tương thích giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần, phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá để có thể đạt được các CĐR đã nêu [H03.03.01.02].

2.2. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của nhà trường.

Tất cả ĐCCT các học phần trong CTĐT của ngành ĐPH được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường. ĐCCT học phần trong CTĐT ngành ĐPH năm 2018 đã có sự thay đổi so với ĐCCT học phần được xây dựng năm 2016, đó là bổ sung thêm ĐCCT học phần của chuyên ngành Hàn Quốc học [H02.02.02.01], [H02.02.02.02].

Năm 2021, Trường ĐHKH, ĐHH đã cụ thể hoá việc xây dựng và cập nhật ĐCCT học phần và thống nhất sử dụng phần mềm của Nhà trường để xây dựng theo mẫu quy định. Theo đó, việc xây dựng và cập nhật ĐCCT học phần theo các bước như sau: 1) Nhà trường ban hành quy định chung về mẫu ĐCCT học phần; 2) Nhóm GV phụ trách giảng dạy học phần biên soạn ĐCCT theo mẫu quy định; 3) Bộ môn chuyên môn thực hiện góp ý trực tiếp cho các đề cương thông qua các buổi họp Bộ môn; 4) Nhóm GV phụ trách học phần chỉnh sửa ĐCCT theo góp ý của Bộ môn; 5) Hội đồng KH&ĐT Khoa họp để góp ý cho các ĐCCT; 6) Nhóm GV phụ trách học phần chỉnh sửa ĐCCT theo góp ý của Hội đồng KH&ĐT Khoa; 7) Hội đồng KH&ĐT Khoa thông qua ĐCCT học phần [H02.02.02.03], [H02.02.02.04], [H02.02.02.05].

ĐCCT của các học phần trong CTĐT ngành ĐPH năm 2021 được thiết kế lại theo số tín chỉ được xác định, được thể hiện cụ thể hóa hơn năm 2018 về CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà SV đạt được sau khi hoàn thành học phần; thể hiện chi tiết hơn việc phân bổ thời gian lên lớp của học phần; thể hiện rõ mức độ giảng dạy; cụ thể hoá các hoạt động dạy của GV và các hoạt động học của SV; hình thức đánh giá đối với từng nội dung [H03.03.01.02]. Mỗi nội dung giảng dạy tương ứng với từng CĐR của học phần [H02.02.02.06]. Để NH và nhà quản lý thuận lợi trong quá trình giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, tất cả các học phần trong CTĐT đều xây dựng ĐCCT học phần kể cả các học phần thực tập, khoá luận tốt nghiệp.

Việc cập nhật ĐCCT học phần có sự tham khảo ý kiến của GV thuộc nhóm chuyên môn, nhà tuyển dụng và cựu SV [H02.02.02.07].

2. Điểm mạnh

100% ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành ĐPH cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng. ĐCCT các học phần đã được cập nhật và chuẩn hoá theo quy định của Nhà trường qua các lần điều chỉnh CTĐT để đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành ĐPH và đáp ứng nhu cầu xã hội theo định hướng ứng dụng, phát triển năng lực.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, cựu SV cho ĐCCT học phần chưa được tiến hành trên phạm vi rộng và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ triển khai khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu SV về ĐCCT học phần trên phạm vi rộng hơn và thường xuyên hơn.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt, nghiêm túc các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHH và của Nhà trường về việc xây dựng và cập nhật ĐCCT học phần nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các BLQ.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Theo định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Bản mô tả CTĐT của ngành ĐPH được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp cho các BLQ tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Trước hết, bản mô tả CTĐT ngành ĐPH được công bố công khai trên trang web của Trường ĐHKH, ĐHH [H02.02.01.07]. Hằng năm, bản mô tả CTĐT được in trong

Sổ tay học vụ để phát cho toàn thể SV và cập nhật trên Trang thông tin đào tạo đại học [H02.02.03.01], [H02.02.03.02]. Đầu năm học, Nhà trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên, trong đó có hướng dẫn cụ thể cách tiếp cận CTĐT [H02.02.03.03]; Hoặc thông qua buổi gặp mặt tân SV, các trợ lý CVHT cũng hướng dẫn SV tìm hiểu thông tin về CTĐT và giải đáp các thắc mắc của SV về CTĐT. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn được công bố trên trang web của Khoa Lịch sử [H02.02.03.04]; tờ rơi tuyển sinh [H02.02.01.09]; qua video và các bài viết quảng bá tuyển sinh trên Fanpage Khoa Lịch sử [H02.02.03.05].

Bản mô tả CTĐT của ngành ĐPH còn được đăng tải trên tài khoản cá nhân của SV. Mỗi tân SV đều được Nhà trường khởi tạo một tài khoản và cung cấp mật khẩu truy cập và khi truy cập vào tài khoản cá nhân, SV có thể tiếp cận các thông tin trong bản mô tả CTĐT các ngành của Trường, trong đó có ngành ĐPH [H02.02.03.06].

Ngoài ra, bản giấy CTĐT của ngành ĐPH được lưu tại văn phòng Khoa Lịch sử và Phòng ĐTĐH&CTSV tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận khi có nhu cầu.

3.2. 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Cùng với bản mô tả CTĐT; 100% ĐCCT các học phần ngành ĐPH được công bố công khai trên trang web của Trường ĐHKH, ĐHH và trang web của Khoa. Đồng thời, tất cả các ĐCCT học phần thường sẽ được GV giới thiệu chi tiết với SV trong buổi học đầu tiên. Với phần mềm biên soạn ĐCCT học phần của Nhà Trường một mặt đã đảm bảo tất cả các ĐCCT học phần được biên soạn theo một mẫu chung thống nhất, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu; mặt khác là mỗi GV đều có thể truy cập để xem nội dung ĐCCT của tất cả các học phần đã được duyệt của ngành ĐPH và các ngành học khác của Nhà trường [H02.02.01.07], [H02.02.03.04], [H02.02.03.07].

Ngoài ra, toàn bộ bản in ĐCCT các học phần được lưu trữ tại văn phòng Khoa Lịch sử và Phòng ĐTĐH&CTSV [H03.03.01.02]. Do vậy, khi có nhu cầu sử dụng, cán bộ, GV, SV và những người quan tâm đều có thể dễ dàng tiếp cận bản in của CTĐT và toàn bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành ĐPH.

3.3. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Việc công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần bằng nhiều hình thức như trên, đặc biệt là công bố trên trang web của Trường và của Khoa giúp cho người sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận và nắm được CDR về năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, về kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, vị trí việc làm mà SV ngành ĐPH có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần giúp cho GV hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc học phần. Đối với SV, bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần giúp SV có cái nhìn tổng quan về CTĐT ngành ĐPH để chủ động lập kế hoạch học tập, SV thường sử dụng bản mô tả CTĐT để đăng ký số lượng học phần phù hợp trong từng học kỳ, năm học và chuẩn bị nội dung, tài liệu để có kết quả học tập tốt đối với mỗi học phần. Ngoài ra, các thông tin trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần giúp cho các cấp lãnh đạo Nhà trường, phòng ban chức năng, lãnh đạo Khoa, quản lý Bộ môn và các trợ lý Khoa nắm rõ thông tin về CTĐT cũng như thuận lợi trong công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ việc thực hiện CTĐT của GV và SV. Đồng thời, bản mô tả CTĐT còn cung cấp những thông tin cần thiết đối với học sinh có nguyện vọng học tại Trường và những người quan tâm khác [H02.02.01.07], [H02.02.03.04], [H02.02.01.08], [H02.02.01.09].

2. Điểm mạnh

Khoa Lịch sử và Nhà trường đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành ĐPH bằng nhiều hình thức khác nhau; đã tạo điều kiện cho cán bộ, GV, SV và những người quan tâm dễ dàng tiếp cận để sử dụng khi có nhu cầu.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp cận thông tin cụ thể của bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành ĐPH chưa được các BLQ khai thác có hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Công bố những thông tin cần thiết về CTĐT của ngành ĐPH qua các video và các bài viết quảng bá tuyển sinh trên Fanpage của Nhà trường để các BLQ tiếp cận dễ dàng hơn và khai thác hiệu quả hơn.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt, hiệu quả việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần thông qua nhiều hình thức khác nhau.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
---	--------------------	--	-------------------------------	----------------------

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần là tài liệu quan trọng trong quá trình đào tạo ở trường đại học. Vì vậy, Khoa Lịch sử đã đầu tư cho hoạt động xây dựng bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần cử nhân ĐPH một cách thường xuyên, nghiêm túc và khoa học. Nội dung bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành ĐPH có đầy đủ các thông tin theo quy định, giúp SV chủ động lập kế hoạch học tập phù hợp theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành ĐPH được rà soát và cập nhật theo kế hoạch của Trường ĐHKH, ĐHH; có sự đối sánh với các CTĐT ngành ĐPH của một số trường đại học trong nước; có tham khảo ý kiến của các BLQ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành ĐPH được công bố công khai, kịp thời, đầy đủ bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là trên website của Trường nên đã tạo điều kiện thuận lợi để các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần vẫn còn một số tồn tại như: việc thu thập ý kiến của các BLQ về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần chưa được tiến hành trên phạm vi rộng, nên ý kiến nhận xét, phản hồi chưa thực sự phong phú. Việc phân thành các chuyên ngành chưa được thực hiện ngay từ năm thứ nhất, các học phần ngoại ngữ còn tương đối ít và phải đến năm thứ ba khi phân chuyên ngành thì SV mới có cơ hội được tiếp cận.

- Điểm mạnh nổi bật: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần có đầy đủ thông tin, định kỳ được rà soát, bổ sung và cập nhật; được công bố công khai bằng nhiều hình thức.

- Điểm tồn tại cơ bản: Hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về bản mô tả CTĐT và ĐCCT chưa được tiến hành thường xuyên trên phạm vi rộng.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 2.1					x			5.00	3	100.00
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3					x					

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được cấu trúc hợp lý và mang tính hệ thống. Đồng thời, quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo các văn bản quy định của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, nội dung, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trong và ngoài nước. Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá SV được sử dụng hợp lý trong từng học phần và trong cả CTDH giúp bảo đảm đạt CĐR của từng học phần và CĐR chung của tổng thể CTĐT. Mỗi học phần đều thiết kế CTDH với cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính linh hoạt, thể hiện tính khoa học để đáp ứng CĐR của học phần và của toàn bộ CTĐT.

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Căn cứ các công văn, thông báo của Trường ĐHKH, ĐHH về việc rà soát CTĐT và xây dựng CĐR của CTĐT ngành ĐPH đã thiết kế CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH [H10.10.02.04], [H03.03.01.01]. Việc thiết kế CTDH đáp ứng các CĐR về kiến thức (17), kỹ năng (8), năng lực tự chủ và trách nhiệm (6) của NH [H03.03.01.02], [H01.01.01.04], [H03.03.01.03].

CTDH ngành ĐPH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Để đạt được các yêu cầu của CĐR trong CTĐT đã được công bố, ngành ĐPH đã xây dựng và cập nhật CTDH qua các năm 2018, 2019 và

2021 [H03.03.01.04], [H03.03.01.05], [H03.03.01.06], [H03.03.01.07], [H03.03.01.08], [H03.03.01.03].

1.2. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các môn học/học phần trong CTDH phải phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

Trong hoạt động giảng dạy, đội ngũ GV tham gia giảng dạy cho ngành ĐPH rất coi trọng việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV đối với tất cả các học phần trong CTDH phải phù hợp với mục tiêu của học phần, góp phần đạt được CĐR của ngành. ĐCCT học phần thể hiện rõ phương pháp dạy học; tùy thuộc mục tiêu, nội dung của học phần để xác định và sử dụng các tổ hợp phương pháp dạy học phù hợp nhằm đạt được CĐR của học phần và của CTĐT [H03.03.01.09]. Đội ngũ GV ngành ĐPH đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, phong phú, bao gồm: thuyết giảng, nêu vấn đề, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, bài tập lớn, thực hành, thực tập và được rà soát, điều chỉnh, cập nhật [H03.03.01.10].

Việc thiết kế CTDH nhằm đạt được CĐR của CTĐT còn được thể hiện ở bảng ma trận học phần đối với CĐR. Mỗi học phần đều có sự đóng góp nhất định vào việc đạt được CĐR của CTĐT [H03.03.01.11].

Tất cả GV tham gia giảng dạy đều có bộ hồ sơ gồm giáo trình/bài giảng, tài liệu tham khảo, ĐCCT học phần, danh sách SV để theo dõi chuyên cần, đánh giá điểm quá trình và cuối mỗi học kỳ GV phải hoàn thiện bảng điểm đánh giá quá trình nộp Phòng ĐTĐH&CTSV [H03.03.01.12], [H03.03.02.03], [H03.03.01.13].

Để có cơ sở điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH, ngành ĐPH đã đối sánh CTĐT đang triển khai với CTĐT ngành ĐPH của các cơ sở giáo dục đại học khác trong nước [H03.03.03.09], tiếp thu ý kiến góp ý của GV trong Khoa, của nhà sử dụng lao động về CTĐT [H03.03.01.14], [H03.03.01.15], [H03.03.01.16]. Bên cạnh đó, định kỳ từng học kỳ, Phòng KT&BĐCLGD là đơn vị đầu mối triển khai thực hiện khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV đối với tất cả GV, tất cả học phần. Kết quả khảo sát được gửi đến tất cả GV tham gia giảng dạy, thông qua kết quả khảo sát của SV, giúp GV có cơ sở để điều chỉnh hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo đạt được CĐR của từng học phần và của cả CTĐT [H03.03.01.17], [H03.03.01.18], [H03.03.01.19].

Lịch trình giảng dạy các học phần trong CTDH được thiết kế gắn nội dung lý thuyết với thực tiễn, thiết kế các hoạt động của GV và SV theo yêu cầu của CĐR giúp người dạy và NH chủ động và trách nhiệm trong thực hiện vai trò của mình.

CTDH ngành ĐPH được thiết kế dựa trên CĐR và được thể hiện rõ nét ở việc CTDH thiết kế theo hướng cho SV tiếp cận thực tế thực hành và tham gia nhiều hoạt động gắn với thực tiễn của các cơ quan, doanh nghiệp. SV sau khi ra trường có các kỹ năng giải quyết vấn đề tốt nhất, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp về ngoại ngữ (Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Nhật...) để có thể làm việc với các công ty, doanh nghiệp nước ngoài [H03.03.01.20], [H03.03.01.21].

Khi thiết kế CTDH, ngành ĐPH rất quan tâm, chú trọng đến các hoạt động liên quan đến nhu cầu của nhà sử dụng lao động, của các doanh nghiệp và với các đơn vị ngoài trường giúp SV đạt được CĐR, thuận lợi trong công việc sau khi tốt nghiệp [H03.03.01.22]. Tuy nhiên mức độ và nội dung của hoạt động này vẫn chưa thật đầy đủ và đồng đều giữa các chuyên ngành đào tạo, sự liên kết với các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài chủ yếu tập trung đối với ngành Nhật Bản học [H03.03.01.20], [H03.03.01.21].

CTDH thể hiện ở tính tích hợp các phương pháp giảng dạy, học, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của tất cả các học phần trong CTĐT ngành ĐPH phù hợp giúp đạt CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành ĐPH được xây dựng, và cập nhật đúng theo quy định. CTDH ngành ĐPH được thiết kế phù hợp, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, CĐR với CTDH. Các học phần trong các khối kiến thức thể hiện tính kết nối, liền mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất đáp ứng CĐR của CTĐT.

Các hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp, đa dạng giúp NH phát huy năng lực tự chủ, tăng khả năng thích ứng với nghề nghiệp, tăng cơ hội để NH đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

CTDH còn ít các học phần về ngoại ngữ tương ứng với các chuyên ngành đào tạo nhằm đạt CĐR. CTDH còn thiếu các học phần bổ trợ tạo tính liên thông với các ngành khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Có kế hoạch rà soát CTDH, đề xuất với Nhà trường tăng số tín chỉ các học phần ngoại ngữ của các chuyên ngành, tăng số tín chỉ hỗ trợ nhằm đạt hiệu quả CĐR của CTĐT.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện việc thiết kế CTDH dựa trên CĐR, tăng tính tự chủ và trách nhiệm của các đối tượng liên quan trong quá trình thực hiện CTDH.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. 100% các môn học/học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR.

Trong CTDH ngành ĐPH, các học phần đều được xây dựng sự phù hợp về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT [H03.03.01.01], [H03.03.02.01]. Điều này thể hiện rõ nét trong bản mô tả CTĐT, ĐCCT của từng học phần và bảng ma trận. Trong bảng ma trận học phần đối với CĐR của CTĐT đã chỉ rõ học phần hoặc nhóm các học phần có đóng góp vào việc đạt được các CĐR của CTĐT [H03.03.02.02].

CTĐT ngành ĐPH bao gồm 4 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành và khối kiến thức hỗ trợ. Tổng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy theo yêu cầu của CTĐT là 123 tín chỉ [H03.03.02.02]. Mỗi khối kiến thức đảm bảo nội dung phù hợp và tương thích với từng học phần đáp ứng CĐR. Trong đó, trọng tâm ở khối kiến thức ngành (có 4 ngành), các học phần được phân bổ các nội dung kiến thức chuyên sâu và ngoại ngữ tương đương của các chuyên ngành, đảm bảo CĐR cho mỗi học phần cũng như CĐR của CTĐT [H02.02.01.07].

Các học phần thực tập, thực tế và thực tập tốt nghiệp thuộc khối kiến thức Thực tập thực tế luôn đảm bảo tính hướng nghiệp, nâng cao kỹ năng thực hành, kinh nghiệm và tiếp cận thực tế cho NH nhằm đạt được CĐR.

2.2. 100% các môn học/học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Trong CTDH ngành ĐPH, luôn luôn xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp. Từ đó, hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR của CTĐT [H03.03.01.09].

Trong mỗi học phần đều thể hiện rõ nét tính tích hợp của phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá, nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và bổ trợ cho nhau để bảo đảm việc đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT [H03.03.02.03]. Tất cả các học phần trong CTĐT thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ [H03.03.02.04], [H03.03.02.05]. Đến năm 2021, CTĐT ngành ĐPH đã được cập nhật, CĐR được thể hiện rõ ngay từ mục tiêu cụ thể và trong ĐCCT học phần dành 1 mục để mô tả về CĐR của học phần [H03.03.02.03].

Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá được vận dụng khoa học thể hiện trong ĐCCT học phần. Trong đó, xác định các đánh giá quá trình học tập bao gồm chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài thuyết trình, bài tập... chiếm 40% và đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần) chiếm 60% [H03.03.01.13]. Đối với các học phần thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp điểm đánh giá được tổ chức bảo vệ theo quy định của Nhà trường [H03.03.02.06], [H03.03.02.02], [H03.03.01.09]. Các phương pháp dạy học bao gồm lý thuyết và thực hành. Phương pháp dạy học lý thuyết thông qua hoạt động thuyết trình, hội thoại, tổ chức học nhóm trên lớp. Phương pháp dạy học thực hành thông qua các hoạt động như tổ chức khảo sát, điền dã, tham quan thực tế nhằm nâng cao các kỹ năng thực hành cho NH [H03.03.01.09]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá NH cũng được thực hiện đa dạng như đánh giá qua hình thức làm bài tập, thuyết trình, làm việc nhóm, bài tiểu luận [H03.03.01.13].

Các hình thức, phương pháp đánh giá và trọng số đánh giá quá trình:

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Trọng số
Tính chuyên cần của SV (bắt buộc)	Điểm danh	10%

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Trọng số
Bài tập ngắn trên lớp, trả lời câu hỏi của GV trong quá trình dạy học	Hỏi đáp trên lớp	10%
Bài tập về nhà (cá nhân/nhóm) về nội dung liên quan đến học phần	Bài thuyết trình	10%
Bài kiểm tra giữa kỳ	Tiểu luận/bài kiểm tra tự luận	10%
Tổng cộng		40%

Các hình thức, phương pháp đánh giá và trọng số đánh giá cuối kỳ:

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Trọng số
Thi kết thúc học phần	Tự luận	60%
Các học phần ngoại ngữ	Vấn đáp và tự luận	
Tổng cộng		60%

2.3. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Trong CTDH ngành ĐPH, nội dung các học phần đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng trong đó các học phần thuộc khối kiến thức ngành có thêm các học phần đào tạo về các kỹ năng, kiến thức ngoại ngữ các nước (Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Trung và Tiếng Anh) thể hiện đạt được CĐR [H03.03.02.02].

Tất cả ĐCCT học phần đều xác định rõ phương pháp dạy và học, ghi rõ học phần tiên quyết, phần lý thuyết, thực hành, bài tập, bài thảo luận, kiểm tra và phương pháp kiểm tra đánh giá quá trình học tập, điểm thi kết thúc học phần [H03.03.01.11].

Trong CTDH, việc xây dựng ĐCCT, nội dung học phần luôn được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ như GV, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV [H03.03.02.04], [H03.03.02.05]. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, tham vấn của các BLQ, Khoa Lịch sử đã điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT, đảm bảo đạt được CĐR [H03.03.02.07], [H03.03.02.08], [H03.03.02.09].

2. Điểm mạnh

Mỗi học phần trong CTĐT của ngành ĐPH được thiết kế rõ ràng, đầy đủ các nội dung cần thiết, góp phần đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Các học phần đào tạo ngoại ngữ mới chỉ áp dụng vào học kỳ 5, chưa thể đáp ứng được yêu cầu tốt nhất của NH. Quá trình khảo sát, tham khảo ý kiến các BLQ về sự đóng góp của nội dung học phần trong việc đạt được CĐR chưa được cập nhật thông tin một cách đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật đầy đủ thông tin phản hồi của các BLQ về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT. Tăng cường các học phần đào tạo ngôn ngữ các nước (Tiếng Hàn, Tiếng Nhật, Tiếng Trung...)	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thể hiện đầy đủ những đóng góp của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Trong CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH mỗi học phần đều được thiết kế, xây dựng có sự phù hợp về nội dung, hình thức và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong CTĐT, nhằm đạt được CĐR theo yêu cầu. Điều này thể hiện rõ nét trong bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần và bảng ma trận học phần đối với CĐR của CTĐT [H03.03.02.02]. Trong bảng ma trận học phần đối với CĐR của CTĐT đã chỉ rõ học phần hoặc nhóm các học phần có đóng góp vào việc đạt được các CĐR của CTĐT [H03.03.02.02].

Cấu trúc CTĐT ngành ĐPH bao gồm 4 khối kiến thức, trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương là 16 học phần, khối kiến thức cơ sở ngành là 15 học phần, khối kiến thức ngành là 22 học phần/1 chuyên ngành (riêng chuyên ngành Hàn Quốc học là 21 học phần), khối kiến thức bổ trợ là 6 học phần. Toàn bộ chương trình có 146 học phần. Tổng số tín chỉ của chương trình là 123 tín chỉ (trong đó 97 tín chỉ bắt buộc, 26 tín chỉ tự chọn). Tổng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy theo yêu cầu của CTĐT là 123 tín chỉ [H03.03.02.02]. Khối kiến thức thực tập thực tế bao gồm 8 tín chỉ trong đó: Tham quan thực tế năm thứ hai là 02 tín chỉ, Thực tập năm thứ ba là 02 tín chỉ, Thực tập tốt nghiệp là 04 tín chỉ [H03.03.02.02].

Các học phần trong CTDH ngành ĐPH được sắp xếp, cấu trúc đảm bảo tính hợp lý, có sự kết nối giữa các khối kiến thức, phù hợp với từng học kỳ, từng chuyên ngành đào tạo. Trong mỗi học kỳ, số lượng các học phần được bố trí khá cân đối, NH được học từ 6 đến 8 học phần. Cụ thể: Học kỳ 1 học 6 học phần, học kỳ 2, 3, 4, 5, 6, mỗi học kỳ học 7 học phần, học kỳ 7 là 8 học phần. Riêng học kỳ 8, NH sẽ thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp với số tín chỉ tương đương [H03.03.02.02]. Với cấu trúc đó, giúp NH nắm bắt được kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu cũng như hình thành các kỹ năng một cách đầy đủ nhất.

3.2. 100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý

Để đảm bảo cho NH lĩnh hội kiến thức theo một trình tự hợp lý, đảm bảo triết lý sư phạm đi từ dễ đến khó, từ cơ bản đến nâng cao, các học phần được sắp xếp theo thứ tự, chú trọng đến tính tiếp nối giữa các khối kiến thức, từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành đến kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ. Cụ thể, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm các học phần lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ năng mềm. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Trong đó, đối với ngành ĐPH được phân ra 03 chuyên ngành chuyên sâu vào học kỳ 5 (năm thứ ba) gồm: Đông Nam Á học, Nhật Bản học, Trung Quốc học. Cấu trúc cơ bản này được giữ lại khi điều chỉnh CTĐT năm 2018, 2019 trong đó nhiều học phần được giữ lại khẳng định chất lượng nội dung đào tạo và đóng góp cụ thể của các học phần này đối với CDR. Tuy nhiên, để mở rộng thêm khối kiến thức đáp ứng nhu cầu NH, năm 2018 đã mở thêm một chuyên ngành là Hàn Quốc học và có những điều chỉnh nhỏ như tăng thời lượng học phần Kỹ năng mềm và các học phần thực hành, thực tập [H03.03.01.07].

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, liền mạch. Các học phần là điều kiện tiên quyết được sắp xếp trước, theo hệ thống kiến thức nhóm chung, nhóm ngành và nhóm chuyên ngành. Kiến thức trong chương trình được tổ chức liền mạch, từ khối học vấn chung cung cấp kiến thức về khoa học cơ bản đến các học phần cơ sở nhóm ngành và kiến thức ngành đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H03.03.01.11].

Sự sắp xếp phân bố kiến thức theo trình tự thời gian và lịch trình dạy học trong toàn bộ chương trình là khá hợp lý, logic từ năm thứ nhất đến năm cuối. Các kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy trong 3 học kỳ đầu có đan xen một số học phần cơ sở ngành. Các học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và học phần bổ trợ được thiết kế trong 4 học kỳ tiếp theo. Học kỳ cuối cùng NH sẽ thực tập và viết khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp (08 tín chỉ). Các học phần chuyên ngành được tổ chức vào 2 năm cuối (bắt đầu từ học kỳ 5) [H03.03.01.11]. Trong CTDH có các học phần tự chọn và học phần bắt buộc. Đối với các học phần tự chọn, giúp NH hướng vào chuyên sâu và mở rộng kiến thức, đồng thời có thể linh hoạt hơn trong việc phát triển năng lực bản thân. Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng đóng góp vào CDR của CTĐT [H03.03.01.11].

CTDH bao gồm nhiều học phần có tính tích hợp. Trong mỗi ĐCCT học phần đều xác định rõ phương pháp dạy và học, tỷ lệ phần lý thuyết, thực hành, bài tập, thảo luận, kiểm tra và phương pháp kiểm tra đánh giá điểm quá trình học tập, điểm thi kết thúc học phần [H03.03.01.09]. Nội dung học phần có sự tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, tích hợp kiến thức và kỹ năng giúp NH củng cố về mặt lý thuyết, hình thành các kỹ năng thực hành, rèn luyện phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Với cách bố trí đó, NH có thể tiếp cận theo nhiều cách khác nhau như học trên lớp, học ở nhà, tự nghiên cứu, tự thực hành [H03.03.03.01].

3.3. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo cũng như đáp ứng nhu cầu của NH, CTDH ngành ĐPH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật theo chủ trương chung của Trường ĐHKH, ĐHH cũng như nhu cầu của nhà tuyển dụng [H03.03.03.02], [H03.03.02.08], [H03.03.03.03], [H03.03.03.04], [H11.11.03.03].

Cụ thể, theo kế hoạch chung của Trường ĐHKH, ĐHH về việc điều chỉnh một số nội dung của CTĐT của 24 ngành đào tạo năm 2016, Khoa Lịch sử đã tiến hành điều chỉnh CTĐT ngành ĐPH trong đó mở thêm một phân ngành Hàn Quốc học vào năm 2018 [H03.03.01.06]. Năm 2019, Nhà trường tiến hành điều chỉnh chương trình và kế hoạch giảng dạy các học phần thuộc kiến thức lý luận chính trị cho phù hợp, cụ thể các học phần lý luận chính trị được phân bổ đều trong 5 học kỳ đầu, không tập trung vào 2 học kỳ đầu như trước. Tiếp đến là điều chỉnh khung CTĐT của 32 ngành đào tạo bậc đại học, trong đó có CTĐT ngành ĐPH. Năm 2020, thực hiện hướng dẫn của ĐHH về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố CDR các CTĐT trình độ đại học, thực hiện kế hoạch của Nhà trường, Khoa Lịch sử đã tiến hành xây dựng CDR và điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành ĐPH và hoàn thiện vào năm 2021 (áp dụng từ Khoá 45) [H03.03.01.01], [H03.03.03.05], [H03.03.01.08].

Quá trình xây dựng CTĐT, điều chỉnh các nội dung trong từng học phần hoặc thay thế học phần được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ như GV, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV. Trên cơ sở các ý kiến của các BLQ, ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đã điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT, đảm bảo đạt được CDR, nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp [H03.03.01.16], [H03.03.03.06], [H03.03.01.18].

3.4. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử có tham khảo các CTĐT của một số cơ sở giáo dục đại học tương đồng trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Cụ thể, đã tham khảo CTĐT ngành ĐPH của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh [H03.03.03.07], [H03.03.03.08], [H03.03.03.09]. Điểm chung giữa CTDH của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và CTDH ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH là đảm bảo tính thống nhất và logic giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, trong đó các ngôn ngữ tương ứng các chuyên ngành như Tiếng Anh, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật, Tiếng Trung... được đưa vào giảng dạy. Mục tiêu đào tạo và CDR của cả ba trường tương đối giống nhau. Tuy nhiên, đối với khối kiến thức chuyên ngành, CTDH của Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được thiết kế đào tạo vào năm thứ nhất; khối

kiến thức chuyên ngành của CTDH ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH bắt đầu áp dụng vào năm thứ 3 (học kỳ 5). Với số lượng 123 tín chỉ, các nội dung trong CTDH ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH có tham khảo 2 cơ sở đào tạo tiên tiến nói trên, đảm bảo tính kế thừa, vừa chọn lọc và vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của Nhà trường [H03.03.01.14]. SV tốt nghiệp ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH có thể học tiếp lên những bậc học cao hơn tại các trường đại học ở trong nước có đào tạo ngành đúng hoặc ngành gần [H03.03.03.10], [H03.03.03.11].

Để mang tính khách quan và đào tạo dựa trên nhu cầu xã hội, trong quá trình cập nhật, điều chỉnh CTĐT, Khoa Lịch sử có sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ [H11.11.03.03]. Tuy nhiên, công tác khảo sát ý kiến của các BLQ về cấu trúc CTDH chưa được thực hiện một cách thường xuyên và đầy đủ nội dung.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành ĐPH, Khoa Lịch sử được thiết kế có cấu trúc hợp lý, trình tự logic, nội dung của CTĐT và nội dung chi tiết các học phần luôn được cập nhật thường xuyên theo kế hoạch định kỳ của Nhà trường. Đồng thời, CTDH ngành ĐPH còn có tính tích hợp cao giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ, kiến thức ngoại ngữ của các chuyên ngành. Từ đó, giúp NH có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Cấu trúc CTĐT ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH chưa bố trí các học phần ngôn ngữ của các chuyên ngành ngay từ đầu. Công tác khảo sát ý kiến của các BLQ về cấu trúc CTDH có tiến hành nhưng chưa thể hiện được đầy đủ và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ 2 năm/lần triển khai công tác rà soát, điều chỉnh CTDH, bổ sung và sắp xếp các học phần ngoại ngữ chuyên ngành phù hợp hơn. Khảo sát ý kiến các BLQ về cấu trúc CTDH một cách đầy đủ, tạo	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		nguồn thông tin đa chiều giúp điều chỉnh hợp lý CTDH trên cơ sở đạt được CDR.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến CTDH phù hợp với xu hướng, nguồn lực của Nhà trường nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của của NH và nhu cầu của xã hội.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024.

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành ĐPH được thiết kế theo 3 khối kiến thức, các học phần phù hợp với CDR và các nội dung đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng khối kiến thức để đạt được CDR. CTDH của ngành ĐPH đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp hài hoà giữa các học phần. CTDH có sự liên kết giữa các khối kiến thức, tương thích và bổ trợ lẫn nhau nhằm đạt CDR của học phần và của CTĐT.

- Điểm mạnh nổi bật: CTDH ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được thiết kế có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung luôn được cập nhật và có tính thống nhất. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý, giúp NH có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng học phần, giúp đạt CDR.

- Điểm tồn tại cơ bản: Việc tăng cường khối kiến thức ngoại ngữ áp dụng cho học kỳ đầu trong CTĐT vẫn chưa được thực hiện. Việc khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ về CTDH chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 3.1					x			5.00	3	100.00
Tiêu chí 3.2					x					
Tiêu chí 3.3					x					

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH thực hiện lấy NH làm trung tâm, sử dụng các phương pháp dạy và học đa dạng nhằm phát huy năng lực chuyên môn, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của NH. Mục tiêu, sứ mạng của Trường ĐHKH, ĐHH và của Khoa Lịch sử được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về mặt kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. CSGD có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục.

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH được nêu rõ trong "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKH, ĐHH, giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030" đã giúp cho cán bộ, GV, SV và xã hội biết đến, qua đó khẳng định cũng như nâng cao vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H04.04.01.01].

Trường ĐHKH, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, chuyên giao công nghệ về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Mục tiêu Nhà trường đề ra đến năm 2030 là trở thành trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực tiêu biểu bậc nhất ở miền Trung - Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Giá trị cốt lõi trong giáo dục được thể hiện rõ trên tinh thần: "Sáng tạo - Nhân văn - Thích ứng", trong đó:

- *Sáng tạo*: Sáng tạo để khơi nguồn tri thức và tạo nên những giá trị mới là nền tảng cơ bản trong các hoạt động của Trường ĐHKH, ĐHH.

- *Nhân văn*: Lấy NH làm trung tâm trong mọi hoạt động, xây dựng nền tảng văn hoá giáo dục vì sự tiến bộ toàn diện của con người.

- *Thích ứng*: Quá trình đào tạo phải bắt kịp với hoàn cảnh mới, yêu cầu mới, trình độ và tiêu chuẩn mới của xã hội Việt Nam đương đại, hướng đến nhu cầu hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ.

Với triết lý giáo dục được xác định rõ "Sáng tạo tri thức - Gắn kết thực tiễn - Kiến tạo tương lai"; Trường ĐHKH, ĐHH là địa chỉ đáng tin cậy trong việc truyền thụ và tiếp thu những tri thức khoa học và giá trị nhân văn. Tôn chỉ của quá trình giáo dục của Nhà trường là tiếp thu tinh hoa tri thức của tiền nhân nhằm sáng tạo nên những giá trị mới, tri thức mới. Sáng tạo tri thức là động lực của phát triển và tiến bộ xã hội. Quá trình đào tạo hướng đến tính thực hành, thực tiễn, giúp NH có thể thích nghi nhanh với yêu cầu của vị trí việc làm trong xã hội. Quá trình học tập tại Nhà trường là thời gian trưởng thành toàn diện trên phương diện nhân cách và tri thức, nhằm chuẩn bị cho một tương lai bay cao và bay xa, nơi chấp cánh cho những giấc mơ của NH [H04.04.01.02].

Bên cạnh đó, bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như qua các văn bản hành chính, báo cáo thường niên, cũng như thông qua việc phổ biến tại các hội nghị học tập nghị quyết, hội nghị CBVC và hội nghị tổng kết năm học, tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên,... Nhà trường đã phổ biến rộng rãi mục tiêu giáo dục tới toàn thể cán bộ, GV, SV và các BLQ [H04.04.01.03], [H04.04.01.04], [H04.04.01.05], [H04.04.01.06], [H04.04.01.07], [H04.04.01.08].

1.2. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH của CSGD hiểu rõ và thực hiện.

Ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đã tổ chức các buổi gặp gỡ và phổ biến đầy đủ và rõ ràng mục tiêu giáo dục của ngành đến các BLQ; đồng thời luôn lắng nghe ý kiến, tiếp thu những đóng góp và phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu SV về CTĐT và CĐR. Những ý kiến phản hồi về năng lực của cựu SV được đào tạo từ ngành ĐPH khi ra trường, nhu cầu thực tế của các nhà tuyển dụng luôn được Khoa và ngành chú trọng để có cơ sở xây dựng CTĐT phù hợp sứ mạng và triết lý giáo dục, mang tính ứng dụng cao, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội [H04.04.01.09], [H04.04.01.10], [H01.01.01.02].

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKH, ĐHH đã được ngành ĐPH sử dụng để làm căn cứ cho việc xây dựng mục tiêu giáo dục của ngành được tất cả cán bộ, GV, NH hiểu rõ và thực hiện. Theo đó, mục tiêu giáo dục của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử là “Đào tạo cử nhân ĐPH có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng, có kỷ luật, đạo đức nghề

nghiệp, có sức khỏe tốt... Về chuyên môn, cử nhân ĐPH nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt về Khu vực học và Quốc gia học theo các hướng chuyên ngành Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Trung Quốc học và Đông Nam Á học. Trong đó, trang bị những kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, dân tộc, kinh tế, ngoại giao, địa lý du lịch... của các nước, khu vực (Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đông Nam Á). Ngoài ra, cử nhân ngành ĐPH còn được trang bị các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp, đàm phán, quản trị và khả năng thích ứng với môi trường hội nhập để đáp ứng nhu cầu việc làm đa dạng ở trong và ngoài nước, trong đó, việc sử dụng được một ngoại ngữ (tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Anh) được xem trọng”. Với mục tiêu giáo dục đó, bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đều nêu rõ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được CĐR, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H03.03.03.01], [H04.04.01.11].

1.3. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được giới thiệu/phổ biến tới các bên liên quan.

Để đưa ra được mục tiêu giáo dục phù hợp, ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đã tổ chức lấy ý kiến của các BLQ bao gồm cán bộ, GV và SV thông qua khảo sát về CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các BLQ đều cho rằng mục tiêu giáo dục của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề [H03.03.03.04].

Ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đã công bố công khai mục tiêu giáo dục trên website của Khoa để GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng dễ dàng tiếp cận [H03.03.03.01], [H04.04.01.12].

Với việc công bố công khai mục tiêu giáo dục bằng các hình thức khác nhau thông qua các cuộc họp Khoa, tổ chức tổng kết năm học, tổ chức gặp mặt cựu SV nhân kỷ niệm ngày truyền thống và tổ chức tư vấn hướng nghiệp hằng năm, ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đã phổ biến đầy đủ và rõ ràng mục tiêu giáo dục đến các BLQ. Từ đó đã giúp cho SV, GV, các nhà tuyển dụng nói riêng và toàn xã hội nắm bắt được đầy đủ và chính xác về mục tiêu giáo dục của ngành [H04.04.02.12], [H04.04.01.13], [H04.04.01.14].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH đã có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử nói riêng. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành ĐPH đã được phổ biến đến cán bộ, GV, NH cũng như các đối tượng quan tâm bằng nhiều hình thức khác nhau; được hiểu và thực hiện bởi các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng và cựu SV đối với mục tiêu giáo dục ngành ĐPH, Khoa Lịch sử phần lớn được thực hiện thông qua bảng hỏi, gặp mặt với các cựu SV của Khoa (hiện là nhà sử dụng lao động), việc lấy ý kiến mở rộng đối với các nhà tuyển dụng không phải là cựu SV của Khoa chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ tổ chức buổi làm việc với các đơn vị tuyển dụng có người quản lý không phải là cựu SV của Khoa để xin ý kiến góp ý cho mục tiêu giáo dục của ngành ĐPH nhằm tạo cơ sở cho việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT.	Khoa Lịch sử	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện các hoạt động phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa một cách rộng rãi đến tất cả cán bộ, GV, NH và các BLQ khác.	Phòng TC&HC, Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Các khoa/bộ môn, GV xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CDR.

Các hoạt động dạy và học của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử được thiết kế và xây dựng phù hợp nhằm đạt được CDR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hoạt động

dạy và học được xây dựng giúp SV tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. GV đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy như: phương pháp dạy học truyền thống, phương pháp dạy học chủ động, phương pháp dạy học theo nhóm, phương pháp dạy học đàm thoại, phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học dự án, phương pháp dạy học đóng vai... nhằm tạo sự đa dạng trong phương pháp dạy học, phù hợp với CĐR [H03.03.01.11].

GV tham gia giảng dạy luôn bám sát CTĐT và nhu cầu thực tế xã hội để xây dựng, bổ sung, cập nhật và điều chỉnh ĐCCT học phần mỗi năm nhằm đạt được yêu cầu của CĐR [H05.05.01.03], [H04.04.02.01], [H02.02.02.05], [H04.04.02.02].

2.2. Các khoa/bộ môn, GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

GV ngành ĐPH xây dựng hoạt động dạy học và phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để NH đạt được CĐR. Quá trình dạy và học luôn lồng ghép các hoạt động khảo sát thực tế như: học phần thực tập thực tế, thực tập nghề nghiệp, thực tập cuối khóa, hội nghị hội thảo với các doanh nghiệp, trao đổi với các doanh nghiệp đơn vị bên ngoài hình thành các kỹ năng nghề nghiệp và dần làm quen môi trường làm việc chuyên nghiệp sau này để SV có sự so sánh, đúc kết giữa lý thuyết và thực tế nhằm đạt được CĐR [H04.04.02.03], [H04.04.02.04], [H04.04.02.05], [H04.04.02.06], [H04.04.02.07].

Để thực hiện tốt việc hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CĐR, trong công tác giảng dạy, GV ngành ĐPH, Khoa Lịch sử luôn xem SV là trung tâm của quá trình đào tạo, lắng nghe ý kiến SV, hằng năm Khoa đã tổ chức các buổi đối thoại với SV; hội nghị học tập tốt, rèn luyện tốt. Thông qua các hoạt động này, SV có cơ hội và diễn đàn góp ý, đề xuất những vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học, các dịch vụ hỗ trợ,... GV ngành ĐPH, Khoa Lịch sử luôn cầu thị, tiếp thu và điều chỉnh những ý kiến hợp lý, chính đáng, đáp ứng tốt môi trường học tập, nghiên cứu cho SV [H04.04.02.08], [H04.04.02.09].

Hoạt động giảng dạy của GV luôn có sự tìm tòi, nghiên cứu đổi mới cách tiếp cận, tạo hứng thú, tương tác giữa các SV. Đặc biệt, luôn khuyến khích và hỗ trợ tốt nhất cho SV tham gia NCKH, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa Đông phương dưới sự hướng dẫn của GV [H04.04.02.10], [H04.04.02.11], [H04.04.02.12].

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát thời gian qua, nhiều GV đã đổi mới biên soạn bài giảng điện tử, sử dụng phương pháp giảng dạy trực tuyến qua một số phần mềm như Zoom, Google Classroom, Google Meet, quay video dạy học.... Nhờ đó, SV ngành ĐPH đã tiếp cận phương pháp dạy học mới và đảm bảo nắm bắt đầy đủ khối lượng kiến thức của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT [H04.04.02.13].

2.3. GV/NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Định kỳ mỗi học kỳ, Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả cho thấy trên 90% SV hài lòng về nội dung, phương pháp giảng dạy, khả năng tổ chức lớp học cũng như sự nhiệt tình, tâm huyết của GV đối với SV (cụ thể trong giai đoạn 2018 - 2023, tỷ lệ mức độ hài lòng đạt 95,71%) [H01.01.01.02], [H03.03.01.19]. GV cũng hướng dẫn SV phương pháp học tập và tham gia các hoạt động ngoại khóa phù hợp, từ đó giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR của CTĐT [H04.04.02.14], [H04.04.02.15].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng, phong phú, phù hợp với nội dung từng học phần, với đặc thù ngành ĐPH. Phương pháp dạy học và nghiên cứu hiệu quả, đảm bảo đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT. Các hoạt động dạy và học luôn được cập nhật nội dung kiến thức chuyên ngành và kiến thức xã hội, đổi mới cách tiếp cận để SV liên hệ với thực tế, phát triển toàn diện.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động dạy và học vẫn còn một số hạn chế như thiếu tính linh hoạt, tính hiện đại. Một số GV trẻ còn thiếu kinh nghiệm thực tế để bổ sung kiến thức vào bài giảng, khóa luận của SV phần lớn mang tính lý thuyết, thiếu tính ứng dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung các phương pháp dạy học linh hoạt hơn, tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại. Tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV trẻ để nâng	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		cao kiến thức thực tế, giao đề tài mang tính ứng dụng cho SV.		
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai thực hiện những hoạt động đa dạng, mới mẻ, có tính thực tế trong các hoạt động dạy và học của GV và SV.	Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

CTĐT ngành ĐPH, Khoa Lịch sử yêu cầu NH tích lũy 123 tín chỉ thông qua các học phần bắt buộc và tự chọn [H05.05.01.03]. Tất cả ĐCCT các học phần của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp như: diễn giảng, đàm thoại, suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, giải quyết vấn đề, tương tác theo nhóm, dạy học theo dự án, luyện tập và thực hành, tham quan thực tế, thuyết trình... nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV. Mỗi học phần, SV sẽ được lồng ghép các năng lực khác nhau để thúc đẩy khả năng tự nghiên cứu và phát triển bản thân, nhất là trong học phần kỹ năng mềm đã đưa ra các tiêu chuẩn về CDR cụ thể về: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm [H04.04.03.01], [H03.03.03.01], [H04.04.01.11].

3.2. 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

ĐCCT các học phần luôn nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu như: thảo luận, làm việc nhóm, tham quan, dã ngoại, hướng SV học theo dự án, học theo phương pháp đóng vai; phương pháp TPS: Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - Pair - Share), ứng dụng phương pháp dạy học chủ động (Active teaching) từ đó nâng cao khả

năng học tập suốt đời của SV [H05.05.01.03]. Bên cạnh đó, GV ngành ĐPH khuyến khích SV tham gia NCKH, tham dự các hội thảo khoa học SV cấp Khoa, Trường; kết hợp thêm phương pháp tự nghiên cứu, tự tìm hiểu qua thực tế khảo sát, thực tập ở các cơ quan, doanh nghiệp [H04.04.03.02], [H04.04.02.10], [H04.04.03.03].

Ngành ĐPH, Khoa Lịch sử có hệ thống các học phần giúp SV phát triển năng lực hiểu biết về văn hóa, xã hội và ngôn ngữ của các quốc gia phương Đông. Các học phần đều phân bổ thời lượng thảo luận, bài tập theo nhóm, tăng kỹ năng làm việc nhóm của SV; buộc SV phải tự nghiên cứu và tự học thêm ngoài các giờ lên lớp. Đa số SV đều tự chủ động học thêm ngoại ngữ để bồi dưỡng kỹ năng cho bản thân. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, NCKH của SV được chú trọng rèn luyện và nâng cao, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H03.03.03.01], [H04.04.03.01], [H04.04.02.11], [H04.04.02.12].

3.3. GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

GV ngành ĐPH luôn chú ý đến các hoạt động giảng dạy, các phương pháp sư phạm để hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời, vì vậy bên cạnh việc giảng dạy trên giảng đường, ngành ĐPH còn tổ chức các buổi thực tế dã ngoại nằm trong lịch trình giảng dạy của học phần, các buổi hội thảo tập huấn, gặp gỡ các nhà tuyển dụng hướng nghiệp cho SV, các hội chợ việc làm do Nhà trường tổ chức thường niên; gặp gỡ các cựu SV thành đạt nói chuyện về ngành nghề. Khoa thường xuyên mời nhà tuyển dụng lao động đến để thảo luận và trao đổi cùng SV, chia sẻ các bài học thực tế trong quá trình hành nghề giúp SV nhìn nhận các kiến thức, kỹ năng còn thiếu và có kế hoạch học tập nâng cao các kiến thức, kỹ năng cần thiết [H04.04.02.04], [H04.04.02.09], [H04.04.02.03], [H04.04.01.09].

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành ĐPH thể hiện rõ các hoạt động giảng dạy và học tập phù hợp, giúp SV rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời cho SV.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận SV chưa tích cực chủ động trong học tập, chưa ý thức được vai trò của việc tự học, tự nghiên cứu nên KQHT đạt được chưa cao. Một số SV chưa tích cực

tham gia các hoạt động hỗ trợ do Khoa tổ chức. Các hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học chưa nhiều và chưa được tổ chức thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đưa các hoạt động tự học, tự nghiên cứu vào việc đánh giá KQHT từng học phần để SV hiểu rõ tầm quan trọng của việc học tập suốt đời. Tùy theo mức độ tham gia các hoạt động hỗ trợ do Khoa, Trường tổ chức để phân loại, đánh giá điểm rèn luyện của SV. Tổ chức các hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học cho GV và SV.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đa dạng các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng, rèn luyện việc tự học suốt đời của SV.	Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Mục tiêu giáo dục của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học đa dạng, phong phú, được thiết kế phù hợp giúp NH đạt được CĐR của CTĐT. Các hoạt động dạy và học, các hoạt động ngoại khoá góp phần thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng mềm, nâng cao khả năng tự học và khả năng học tập suốt đời của NH.

- Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng, hoạt động dạy học phù hợp để đạt CĐR.

- Điểm tồn tại cơ bản: Việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng và cựu SV chưa được đa dạng. Hoạt động dạy và học vẫn còn một số hạn chế như thiếu tính linh hoạt, tính hiện đại. Một bộ phận SV chưa tích cực chủ động trong học tập, chưa ý thức được vai trò của việc tự học, tự nghiên cứu nên KQHT đạt được chưa cao.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 4.1					x			4.33	3	100.00
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục. Kết quả đánh giá có ảnh hưởng lớn đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của NH, đồng thời cung cấp cho Trường và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các hoạt động hỗ trợ NH. Việc đánh giá KQHT của NH ngành ĐPH được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR, bao trùm được cả kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH đều được thông báo công khai tới NH thông qua Sổ tay SV lúc mới nhập học, cũng như trong ĐCCT của từng học phần. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng, đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Việc đánh giá KQHT của NH ngành ĐPH có quy trình, kế hoạch rõ ràng. Điều này được thể hiện rõ qua quy chế đào tạo, quy định về tổ chức thi, chấm thi, đánh giá khoá luận tốt nghiệp, xét tốt nghiệp của Nhà trường [H08.08.03.08], [H05.05.05.01], [H05.05.01.01].

Quy trình đánh giá KQHT của NH được thiết kế rõ ràng ngay từ khi tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp. Việc đánh giá KQHT của NH tại Trường được quy định rõ trong Quy chế học vụ về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.03.18] và thể hiện cụ thể trong ĐCCT các học phần của ngành ĐPH [H05.05.01.02], [H05.05.01.03]. Đặc biệt đến năm 2019, Quy chế học vụ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, từ đó thông tin cho NH các vấn đề liên quan đến việc đánh giá KQHT của NH, như thời gian học tập tối đa, thời gian học và thi của từng học kỳ, thang điểm đánh giá, điều kiện thực hiện luận văn, điều kiện tốt nghiệp [H10.10.03.18]. Trường ban hành Quy định tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần bậc đại học hệ chính quy [H05.05.01.04]. Trường cũng đưa ra quy định nguyên tắc xét công nhận chuyển đổi KQHT và khối lượng kiến thức được miễn trừ trong đào tạo đại học, loại hình liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học; đại học bằng thứ hai của Trường ĐHKH, ĐHH [H05.05.01.05].

Vào mỗi đầu năm học và học kỳ, Trường ban hành kế hoạch công tác năm học thông qua lịch sinh hoạt đầu năm và đầu khoá và thời gian đăng ký học phần, tổ chức thi kiểm tra, đánh giá KQHT của NH [H05.05.01.06]. Theo Quy chế học vụ, thời gian của học kỳ chính kéo dài 20 tuần; gồm 15 tuần học, 01 tuần dự trữ, 03 tuần thi kết thúc học phần, 01 tuần xử lý kết quả [H05.05.01.06]. Đặc biệt, trong thời gian chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã kịp thời chuyển đổi từ hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá trực tiếp sang hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá trực tuyến (online), nhờ đó công tác đào tạo không bị gián đoạn, kế hoạch đào tạo của năm học được hoàn thành, đảm bảo được quyền lợi của NH [H08.08.05.22], [H05.05.01.07], [H05.05.01.08], [H08.08.05.23].

1.2. Các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR.

Việc đánh giá KQHT của SV ngành ĐPH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT và được thể hiện rõ ràng trong Quy chế học vụ về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHKH, ĐHH và trong ĐCCT của từng học phần trong bản mô tả CTĐT [H05.05.01.02], [H05.05.01.03], [H10.10.03.17], [H10.10.03.18].

Việc đánh giá KQHT của học phần do GV giảng dạy đánh giá theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Cụ thể, đối với các học phần chỉ có lý thuyết thì điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá thành phần bao gồm: Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra/tiểu luận giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Kết quả đạt được của SV về kỹ năng được đánh giá thông qua việc trả lời câu hỏi, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, viết báo cáo. Việc đánh giá thái độ được thực hiện thông qua việc đi học chuyên cần, việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập của học phần, thái độ khi thi cử, thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi thực tập, thực tế [H08.08.03.08], [H08.08.03.09].

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng và quản lý có hiệu quả trong kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án áp dụng cho các kỳ thi kết thúc học kỳ. Việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án được triển khai đúng quy định, đúng quy trình, đúng mẫu theo quy định. Cụ thể: Mỗi học phần tối thiểu có 2 khối, mỗi khối 10 câu hỏi. Nội dung câu hỏi bảo đảm bao quát toàn bộ nội dung của học phần. GV hoặc nhóm GV biên soạn, Bộ môn tổ chức phản biện, Nhà trường tổ chức nghiệm thu. Sau khi được nghiệm thu, Phòng KT&BDCLGD sẽ quản lý, bảo mật và khai thác sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án để tổ chức các kỳ thi kết thúc học kỳ. Hàng năm, GV có thể điều chỉnh, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án để phù hợp với sự thay đổi của ĐCCT, của CTĐT [H05.05.01.09], [H10.10.03.28], [H10.10.03.28].

Việc thi kết thúc học phần được Trường ĐHKH, ĐHH tổ chức một lần vào cuối mỗi học kỳ. Điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%. Đề thi kết thúc học phần do Phòng KT&BDCLGD quản lý, bảo mật và khai thác sử dụng, được lưu trữ tại phòng với số lượng câu hỏi được thiết kế tương ứng với số tín chỉ của học phần, đảm bảo sự công bằng, khách quan trong đánh giá. Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án được GV phụ trách học phần xây dựng theo nguyên tắc bám sát nội dung của học phần và đảm bảo yêu cầu về việc đạt CDR của học phần, của CTĐT [H05.05.01.10], [H05.05.01.11].

Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần do Phòng KT&BDCLGD soạn thảo, tham mưu cho Nhà trường ban hành và được phổ biến, công bố công khai, rộng rãi đến NH, GV và các BLQ bằng nhiều hình thức. Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần nêu rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân liên quan,

cũng như quy trình, biểu mẫu, thời hạn hoàn thành các bước trong quy trình tổ chức thi và chấm thi. Quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần, cũng như việc làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp của SV được điều chỉnh, bổ sung phù hợp theo định kỳ hoặc trong bối cảnh dịch bệnh, thiên tai [H05.05.01.04], [H10.10.03.02], [H10.10.03.24].

1.3. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR. Để đạt được CĐR chung của ngành đào tạo, trong các ĐCCT học phần, có quy định rõ các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm tương ứng với từng nội dung của học phần. Các phương pháp đánh giá KQHT đều được GV triển khai thực hiện từ trong quá trình xây dựng ĐCCT, quá trình dạy và học, cho đến khi thi kết thúc học phần [H05.05.01.12], [H05.05.01.13], [H05.05.01.03]. Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, phù hợp để đạt CĐR của học phần, bao gồm: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thuyết trình, tiểu luận [H05.05.01.14], [H05.05.01.15], [H10.10.03.24], [H05.05.01.16].

Bên cạnh đó, để đạt CĐR của CTĐT, SV phải đảm bảo thực hiện các học phần thực tập, thực tế (tham quan thực tế, thực tập và viết niên luận năm thứ ba, thực tập tốt nghiệp) và khóa luận tốt nghiệp hoặc hoàn thành các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. Các tiêu chí đánh giá các học phần thực tập, thực tế và khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đều dựa trên những yêu cầu đạt được của CĐR của học phần [H10.10.03.02], [H05.05.01.17], [H05.05.01.03] và được thông báo công khai đến SV trước mỗi kỳ thực tập, thực tế.

Theo định kỳ, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTĐT và CĐR. Do đó, phải thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH có quy định rõ ràng về việc đánh giá KQHT của SV. Công tác kiểm tra đánh giá KQHT NH ngành ĐPH của Khoa Lịch sử được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR thông qua đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ, làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR chưa được rà soát và cập nhật thường xuyên.

Việc kiểm tra đánh giá KQHT NH ở một số học phần vẫn còn dựa trên nền tảng lý thuyết là chủ yếu, thiếu lồng ghép thực hành, thực tế từ đó chưa thực sự hiệu quả trong việc đánh giá đầu ra của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên rà soát và cập nhật tài liệu hướng dẫn cụ thể cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Tăng cường các giờ thực tế, thực tập.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện công tác kiểm tra đánh giá KQHT, đặc biệt là các đợt thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp để nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH trong thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực chuyên môn.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Các tài liệu/hướng dẫn được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được xác định rõ ràng. Các quy định này thể hiện tại quy chế đào tạo tín chỉ của Trường [H08.08.03.08]. Đánh giá KQHT hiện nay không chỉ căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần mà còn đảm bảo đạt

được CDR từ điểm học phần được tổng hợp qua điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần). ĐCCT các học phần ngành ĐPH có quy định rõ ràng cách đánh giá học phần, bao gồm: điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá quá trình có trọng số 30% hoặc 40% tùy vào từng học phần và điểm đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần) có trọng số 60% hoặc 70%. Phương pháp, hình thức, tiêu chí kiểm tra, đánh giá điểm quá trình cũng như phương pháp, hình thức thi kết thúc học phần được thể hiện rõ trong ĐCCT của các học phần [H03.03.03.07], [H03.03.03.08], [H05.05.02.01]. Các học phần thực tập, thực tế, thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp, Khoa quy định rõ trọng số điểm quá trình, điểm bài báo cáo với các tiêu chí đánh giá chi tiết và thang điểm rõ ràng [H05.05.01.03]. Các quy định này đều được Khoa thông tin đến SV trước mỗi kỳ thực tập, thực tế, thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp hoặc thể hiện rõ trên Trang thông tin đào tạo đại học [H05.05.02.02], [H05.05.02.03].

2.2. Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được trình bày ở trên được thông báo công khai tới NH mỗi khóa học, năm học, môn học. Trước mỗi khóa học, SV được phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT qua sổ tay SV trong Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên đầu khóa học [H05.05.02.04], [H05.05.02.05], [H05.05.02.06], [H08.08.03.10]. Trước khi giảng dạy mỗi học phần, GV đều giới thiệu ĐCCT của học phần đến SV, trong đó có các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT ngay trong buổi học đầu tiên. Trước mỗi kỳ thực tập, thực tế, Khoa thông báo kế hoạch chi tiết của đợt thực tập, thực tế để SV biết và thực hiện. Ngoài ra, những quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học kỳ đều được thông báo công khai đến cán bộ, GV và NH [H05.05.01.04].

2.3. NH được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập.

NH được phổ biến rõ ràng, công khai các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT trong buổi học đầu tiên. Các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH được nêu rõ ràng, cụ thể trong ĐCCT học phần và được công bố công khai trong sổ tay học vụ, trên Trang thông tin đào tạo đại học (<https://ums.husc.edu.vn/>) cho toàn bộ SV được biết, tìm hiểu và thực hiện [H05.05.02.02], [H08.08.03.11]. Kết quả đánh giá học phần dựa

trên đánh giá các hoạt động của SV trong suốt quá trình học, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần thể hiện thông qua bài đánh giá; nội dung đánh giá; tiêu chí, tiêu chuẩn và trọng số của các đánh giá. Hình thức kiểm tra đánh giá KQHT của NH gồm: tính chuyên cần của SV (bắt buộc), hỏi đáp trên lớp, bài tập, kiểm tra giữa kỳ, gọi chung là điểm quá trình học tập (trọng số 30% - 40%) và thi kết thúc học phần (trọng số 60% - 70%) [H03.03.01.11].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ngành ĐPH của Khoa Lịch sử được quy định cụ thể, rõ ràng, khoa học. ĐCCT các học phần thể hiện rõ các phương pháp và trọng số đánh giá KQHT. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được thông báo công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức, GV và NH dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

Một vài tiêu chí đánh giá điểm quá trình của một số học phần đôi khi còn mang tính định tính.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	GV cần lượng hóa cụ thể tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự thống nhất của tất cả các học phần.	Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến quy trình, tiêu chí đánh giá KQHT của NH theo hướng đa dạng, phong phú và phù hợp nội dung từng học phần nhằm đạt được CĐR.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. CSGD/khoa/bộ môn, GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập.

Đánh giá KQHT là hoạt động nhằm công khai hóa các nhận định về năng lực, KQHT của NH, tạo cơ hội cho NH có kỹ năng tự đánh giá, giúp NH nhận ra sự tiên bộ và hạn chế của mình, khuyến khích, động viên và thúc đẩy việc học tập ngày một tốt hơn. Đồng thời hoạt động này giúp GV có cơ sở thực tế để khách quan trong việc xác định các CDR của học phần, qua đó nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu của mình, tự điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động dạy học, phấn đấu không ngừng để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

Trên cơ sở áp dụng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà trường, ngành ĐPH thực hiện đánh giá KQHT của SV theo ba cấp độ: đánh giá học phần, đánh giá học kỳ và đánh giá toàn khóa học [H05.05.03.01], [H05.05.03.02], [H08.08.03.08], [H05.05.01.06]. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH ngành ĐPH đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, phong phú. GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV tùy thuộc vào nội dung và CDR của từng học phần.

Cụ thể, đối với những học phần lý thuyết, ngoài việc GV đánh giá quá trình bằng các hình thức bài kiểm tra viết tại lớp, thảo luận tình huống tại lớp, bài tập nhóm, bài tập cá nhân... đảm bảo CDR theo từng học phần, còn tổ chức thi kết thúc học kỳ bằng một trong các hình thức: thi tự luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, tiểu luận [H05.05.03.03], [H05.05.01.06], [H05.05.01.06].

Đối với học phần thực hành, không tổ chức thi tự luận, được đánh giá bằng những bài tập, bài thực hành nhóm và cá nhân, bài kiểm tra, thái độ, chuyên cần trong quá trình học tập của NH.

Hoạt động đánh giá KQHT nhìn chung phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Thời gian và độ khó của đề thi tỉ lệ với số tín chỉ và yêu cầu của các học phần theo hướng từ

thấp đến cao. Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR [H03.03.01.13].

3.2. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Việc đo lường KQHT của NH được thực hiện bằng các hoạt động đánh giá. Kết quả đánh giá chỉ có giá trị khi việc đánh giá được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, công bằng, đúng với năng lực thực sự của NH. Việc học tập của NH là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Do đó, Nhà trường và Khoa đã có một kế hoạch đánh giá rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá cần có sự so sánh ở các thang đo quan trọng như đánh giá quá trình học tập, đánh giá đầu ra và được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR trong mọi thời điểm của quá trình học. Chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng. NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiếu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và yêu cầu của CDR.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Các học phần đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 30 - 40%) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm 60 -70%). Hình thức đánh giá tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần. Thời gian và độ khó của đề thi tỉ lệ với số tín chỉ và yêu cầu của các học phần theo hướng từ thấp đến cao. Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR. Đối với những học phần thực hành, không tổ chức thi, kết quả đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí và nhiều cột điểm (thường có 5 cột điểm) gồm: chuyên cần, bài tập nhóm/cá nhân ở nhà; thực hành nhóm/cá nhân tại lớp học; những cột điểm này được quy định rõ trong ĐCCT học phần [H03.03.02.02], [H03.03.03.01].

Theo quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần, đối với các học phần giảng dạy năm 1, 2 và 3, đề thi được xây dựng ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án do Phòng KT&BDCLGD quản lý [H05.05.03.03], [H08.08.03.08]. Đối

với các học phần chuyên đề giảng dạy năm cuối, vì nội dung giảng dạy phải luôn cập nhật, do đó sử dụng đề thi của GV. Mỗi học phần, GV ra 02 đề thi và 02 đáp án, đề thi do Trưởng Bộ môn hoặc Trưởng Khoa duyệt, Phòng KT&BĐCLGD bốc ngẫu nhiên 01 trong 02 đề thi để tổ chức thi [H05.05.03.03]. Đối với học phần thi theo hình thức tiểu luận, GV nộp đề tài tiểu luận cho Phòng KT&BĐCLGD đảm bảo nguyên tắc, mỗi SV thực hiện 01 đề tài khác nhau. Phòng KT&BĐCLGD sử dụng phần mềm chuyên dụng giao ngẫu nhiên đề tài tiểu luận cho SV qua Trang thông tin đào tạo đại học của Nhà trường. SV thực hiện bài tiểu luận đúng nội dung, hình thức và nộp tiểu luận đúng thời gian quy định trên phần mềm của Nhà trường; GV chấm tiểu luận trực tiếp trên phần mềm [H10.10.03.28], [H05.05.01.10], [H10.10.03.28].

Việc chấm bài thi kết thúc học phần được Phòng KT&BĐCLGD tổ chức đánh phách, rọc phách. Bài thi được đưa về Khoa chuyên môn chấm, mỗi bài thi do hai cán bộ chấm thi độc lập. Đối với những học phần thực hành tại cơ quan, Khoa quy định rõ thời gian, tiêu chí sản phẩm đối với từng học phần thực hành. Việc đánh giá báo cáo tốt nghiệp bao gồm cả đánh giá của cơ quan thực tập và của GV hướng dẫn. Khóa luận tốt nghiệp được quy định rõ ràng về thời gian thực hiện, nội dung, hình thức trình bày. SV bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trực tiếp trước Hội đồng gồm ba thành viên: Chủ tịch hội đồng, GV phản biện và ủy viên [H10.10.03.26], [H05.05.03.04].

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được tiến hành đúng quy định, quy trình thực hiện, đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác. Hiện tại, 27 học phần ngành ĐPH có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án, được quản lý sử dụng để tổ chức thi kết thúc học phần [H05.05.01.10], [H10.10.03.28]. Tuy nhiên, số lượng học phần ngành ĐPH có ngân hàng đề thi chưa nhiều, cần có kế hoạch xây dựng, nhất là đối với các học phần nặng lý thuyết.

Kết quả khảo sát NH qua các năm đều cho thấy SV đánh giá rất cao về sự khách quan, công bằng, trong kiểm tra đánh giá KQHT và đảm bảo sát với CĐR của từng học phần và của CTĐT [H03.03.01.18], [H05.05.03.05], [H02.02.01.13], [H11.11.03.03].

Bên cạnh đó, định kỳ, Nhà trường đã tiến hành tổ chức đánh giá, đo lường chất lượng các đề thi kết thúc học phần ngành ĐPH [H05.05.03.06], [H05.05.03.07]. Theo đó, Nhà trường đã áp dụng Lý thuyết ứng đáp câu hỏi (IRT) thông qua phần mềm Conquest để phân tích: Mức độ phù hợp của đề thi, câu hỏi thi với mô hình RASH; Mức độ phù hợp của năng lực của thí sinh với độ khó của câu hỏi thi; Đánh giá độ tin cậy của đề thi

và các chỉ số đặc trưng cho từng câu hỏi như độ khó, độ phân biệt, hệ số tương quan giữa câu hỏi thi với toàn bài thi. Dữ liệu được sử dụng là kết quả thi kết thúc học phần của 10 học phần (hình thức thi tự luận và trắc nghiệm) có mức độ đóng góp cao nhất để đạt được CĐR của CTĐT ngành ĐPH giai đoạn 2018-2023. Kết quả thu được giúp GV có kênh thông tin tin cậy trong công tác xây dựng câu hỏi thi/đề thi, đáp án và cách chấm thi cho phù hợp nhằm mục đích đánh giá đúng năng lực của NH và đạt được CĐR của từng học phần.

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT của SV ngành ĐPH được thực hiện tuân thủ theo đúng quy trình, quy định. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu và CĐR của từng học phần và của CTĐT. Hình thức đánh giá linh hoạt, tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án. Việc điều chỉnh, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường, đồng thời tiến hành thường xuyên việc rà soát, bổ sung, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án các học phần đã có.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa trong kiểm tra đánh giá KQHT và thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác kiểm tra đánh giá KQHT của SV.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH.

Nhà Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH được quy định rõ trong Quy chế đào tạo của Trường, trong đó quy định GV chịu trách nhiệm giải đáp thắc mắc (nếu có) của NH về KQHT của học phần một cách công khai, đúng thời gian quy định [H05.05.01.06], [H05.05.01.04].

Đối với những học phần thực hành, không tổ chức thi, kết quả đánh giá những bài tập cá nhân, nhóm; thực hành cá nhân, nhóm được đánh giá trực tiếp và công bố ngay sau khi SV vừa thực hiện xong. SV thắc mắc có thể phản hồi trực tiếp và có thể cải thiện theo thời gian quy định cụ thể.

Đối với các học phần lý thuyết, điểm đánh giá học phần gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Đối với điểm quá trình (gồm điểm chuyên cần, thái độ; điểm kiểm tra giữa kỳ) GV công bố trực tiếp trên lớp cho SV trong buổi học cuối cùng và trả lời thắc mắc cho NH (nếu có). Sau một tuần, kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần GV sẽ cập nhật điểm đánh giá quá trình lên hệ thống Trang thông tin đào tạo đại học và in bản giấy nộp cho trợ lý đào tạo Khoa, trợ lý đào tạo Khoa tập hợp và nộp cho Phòng ĐTĐH&CTSV [H05.05.01.06], [H05.05.04.01]. Nếu SV có thắc mắc thì GV giảng dạy sẽ trực tiếp giải quyết. Việc công bố điểm quá trình kịp thời giúp SV có kế hoạch ôn tập, đạt kết quả tốt của bài thi kết thúc học phần, qua đó cải thiện KQHT của học phần [H05.05.01.06], [H05.05.04.01].

Đối với điểm thi kết thúc học phần, nếu thi bằng hình thức vấn đáp, GV sẽ công bố cho SV ngay sau khi kết thúc buổi thi, nếu SV có thắc mắc thì GV sẽ trả lời trực tiếp tại buổi thi, điểm thi vấn đáp không được phúc khảo. Nếu thi bằng hình thức tự luận, làm tiểu luận, điểm thi sẽ được công bố trên Trang thông tin đào tạo đại học chậm nhất là 03 tuần kể từ ngày tổ chức thi kết thúc học phần [H05.05.01.16], [H10.10.03.23]. Toàn bộ hồ sơ, kết quả kiểm tra đánh giá của NH được lưu trữ đầy đủ tại Phòng KT&BĐCLGD và Phòng ĐTĐH&CTSV [H05.05.01.04], [H05.05.01.16].

Về chấm thi kết thúc học phần, Phòng KT&BĐCLGD giao bài thi đã đánh phách, cắt phách cho Khoa chậm nhất là 02 ngày sau ngày thi của học phần. Thời gian 02 cán

bộ chấm thi là 07 ngày. Điểm thi sau đó sẽ được công bố trên Trang thông tin đào tạo đại học chậm nhất là 03 tuần kể từ ngày tổ chức thi. Toàn bộ hồ sơ, kết quả kiểm tra đánh giá của NH được lưu trữ đầy đủ tại Phòng KT&BDCLGD và Phòng ĐTĐH&CTSV [H05.05.01.16], [H10.10.03.24], [H05.05.04.02].

Trong thời gian 15 ngày kể từ khi điểm thi kết thúc học phần được Phòng ĐTĐH&CTSV công bố trên Trang thông tin đào tạo đại học, SV có thể làm đơn phúc khảo điểm thi đối với các học phần thi theo hình thức tự luận, trắc nghiệm và tiểu luận, gửi đến Phòng KT&BDCLGD nếu chưa thỏa mãn về kết quả chấm thi; chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Phòng KT&BDCLGD sẽ công bố kết quả chấm phúc khảo trên trang web của Phòng KT&BDCLGD. Cuối mỗi đợt thi, Phòng KT&BDCLGD gửi hồ sơ cho Phòng ĐTĐH&CTSV điều chỉnh điểm thi nếu có thay đổi [H05.05.01.04], [H10.10.03.28], [H05.05.01.10], [H05.05.04.03].

4.2. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và SV. Thường vào đầu năm học, Nhà trường sẽ tổ chức hướng dẫn cho SV các vấn đề về học tập trong đó đề cập rõ quy định về phản hồi kết quả đánh giá học tập cũng như cung cấp sổ tay học vụ đến với từng SV. Đối với GV luôn được trang bị sổ tay học vụ để thuận lợi trong việc hướng dẫn SV cũng như hoàn thành tốt công tác của bản thân [H05.05.01.06], [H05.05.04.04].

4.3. NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời.

Kết quả đánh giá được thông báo đến SV qua tài khoản cá nhân trên Trang thông tin đào tạo đại học theo đúng thời gian quy định. Thông qua hệ thống quản lý của Trường, SV có thể tra cứu KQHT nhanh chóng, dễ dàng. Qua hệ thống này, từng SV có thể truy cập số điểm của mình ngay khi GV công bố và NH tiếp cận được với điểm số của từng HP cũng như điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy đến giai đoạn gần nhất [H08.08.03.08], [H08.08.03.10], [H03.03.01.13]. Điều này đảm bảo NH biết được KQHT qua từng giai đoạn cũng như sự tiến bộ của bản thân qua các học kỳ và có chiến lược học tập phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

Mỗi học kỳ, Nhà trường có triển khai khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có nội dung về kiểm tra đánh giá, phản hồi KQHT cho SV. Kết quả khảo sát cho thấy SV hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá và phản hồi kết quả

đánh giá kịp thời cho GV [H01.01.01.02], [H05.05.03.05], [H03.03.01.19], [H05.05.04.05].

Khoa Lịch sử thực hiện công tác giám sát tiến trình chấm thi và công bố điểm thi kết thúc học phần từng học kỳ và thường xuyên gửi email nhắc nhở trực tiếp đến các GV hoặc gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo qua các nhóm chuyên môn trước khi hết hạn.

4.4. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập.

Mỗi học kỳ, Nhà trường căn cứ vào điểm học tập và rèn luyện của từng NH, từ đó ra quyết định cảnh báo học vụ để NH lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị bắt buộc thôi học khi bị cảnh báo 02 học kỳ liên tiếp. Trường sẽ thông báo danh sách NH bị cảnh báo học vụ đến NH thông qua kênh của Phòng ĐTDH&CTSV, giáo vụ của Khoa, báo với trợ lý CVHT của lớp [H08.08.03.08]. Trợ lý CVHT hỗ trợ trong việc cho những lời khuyên, đề xuất hỗ trợ để NH cải thiện việc học tập. Bên cạnh đó, trợ lý CVHT còn giữ vai trò là chiếc cầu nối giữa NH và GV.

Nhà trường cũng cho phép SV được hoãn xét tốt nghiệp để cải thiện điểm nhằm đạt được kết quả tốt nghiệp tốt hơn [H05.05.03.05], [H05.05.04.01].

2. Điểm mạnh

Các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH được ban hành đầy đủ, rõ ràng, có hệ thống và được thông báo kịp thời đến NH giúp NH có kế hoạch học tập phù hợp để cải thiện, nâng cao KQHT. Việc phản hồi KQHT được thực hiện nhanh chóng, đầy đủ trên nền tảng CNTT hiện đại.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV không theo dõi, không liên lạc với trợ lý CVHT và không cập nhật thông tin phản hồi KQHT trên hệ thống Trang thông tin đào tạo đại học, dẫn đến chậm điều chỉnh việc học tập cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa Lịch sử, các phòng chức năng và đặc biệt là trợ lý CVHT thường xuyên nhắc nhở NH theo dõi và cập nhật thông tin về KQHT để có kế hoạch học tập phù hợp.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử, Trợ lý CVHT	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần theo quy định của Nhà trường.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Nhà Trường đã ban hành Quy định về phúc khảo bài thi và công bố công khai trên trang web của Nhà trường, trong “Sổ tay sinh viên”, phổ biến trong Tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên và được GV phổ biến cho SV trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần [H05.05.05.01], [H08.08.03.10], [H05.05.05.02].

Quy định về việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần được ban hành trong Quy định về tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần. Quy trình phúc khảo bài thi kết thúc học phần cụ thể như sau: 1) SV nộp đơn đề nghị phúc khảo bài thi viết và tiểu luận (theo mẫu) tại Phòng KT&BDCLGD trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố điểm thi nếu không thỏa mãn về kết quả chấm thi của GV; 2) Phòng KT&BDCLGD nhận đơn, kiểm tra điểm thi, gửi công văn đề nghị phúc khảo bài thi về Khoa quản lý chuyên môn trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo; 3) Khoa chuyên môn thành lập Tổ chấm phúc khảo, phân công 02 cán bộ chấm phúc khảo (có cùng chuyên môn và khác với 02 cán bộ chấm thi lần đầu). Lập biên bản chấm phúc khảo. 4) Nếu điểm phúc khảo lệch so với điểm chấm lần đầu từ 2,0 đến 2,9 điểm thì lập biên bản đối thoại giữa 02 cán bộ chấm phúc khảo với 02 cán bộ chấm lần đầu. Nếu điểm phúc khảo lệch so với điểm chấm lần đầu từ 3,0 điểm thì lập biên bản đối chất, ngoài 02 cán bộ chấm thi lần đầu, 02 cán bộ chấm phúc khảo còn có Tổ trưởng chuyên môn, Trưởng khoa và Trưởng Phòng KT&BDCLGD; 5) Phòng KT&BDCLGD công bố kết quả phúc khảo lên trang web của Phòng, đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả chấm phúc khảo từng học kỳ; lập công văn đề nghị điều chỉnh điểm thi (nếu kết quả chấm phúc khảo lệch so với chấm lần đầu). Phòng ĐTDH&CTSV tiến hành điều chỉnh điểm thi và thông báo cho SV trên Trang

thông tin đào tạo đại học. Toàn bộ hồ sơ phúc khảo được lưu đầy đủ tại Phòng KT&BĐCLGD và Phòng ĐTĐH&CTSV [H05.05.05.01], [H05.05.05.03], [H05.05.05.04], [H05.05.05.05].

5.2. Hằng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng.

SV được tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc đề nghị chấm phúc khảo bài thi kết thúc học phần và được giải quyết hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho SV. Tuy nhiên, hiện tại Nhà trường chưa công bố đáp án của các đề thi kết thúc học phần hàng năm [H05.05.05.01], [H05.05.05.06]. Đề thi và đáp án được cung cấp cho GV chấm thi và được lưu giữ, bảo quản cùng bài thi trong thời gian 02 năm, kể từ ngày tổ chức thi theo quy định.

Các khiếu nại về KQHT của SV luôn được xử lý kịp thời, thoả đáng theo quy định về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần của Nhà trường. Cuối mỗi học kỳ đều có tổng kết công tác phúc khảo bài thi của SV và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan tại Phòng KT&BĐCLGD và Phòng ĐTĐH&CTSV [H05.05.05.04], [H05.05.05.07].

Trong giai đoạn đánh giá, từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, trong tổng số 5.065 bài thi của SV ngành ĐPH, chỉ có 04 bài thi đề nghị chấm phúc khảo, chiếm tỷ lệ 0,08% [H05.05.04.05]. Điều đó chứng tỏ công tác chấm thi của GV được tiến hành nghiêm túc, kết quả chính xác, công bằng và khách quan.

2. Điểm mạnh

SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT. Nhà trường, Khoa và Bộ môn giải quyết đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho SV. Quy trình chấm phúc khảo chặt chẽ, kết quả phúc khảo đáng tin cậy, được công bố công khai, kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Còn hạn chế trong việc công bố đáp án đề thi kết thúc học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Công khai đáp án đề thi kết thúc học phần để SV tự đối chiếu với bài làm và kết quả chấm thi.	Phòng KT&BĐCLGD	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về KQHT theo hướng thực hiện qua mạng (online) hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký trực tiếp như hiện nay.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá KQHT của NH đối với CTĐT ngành ĐPH được thực hiện một cách chuyên nghiệp, tuân thủ đúng các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới NH. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, phù hợp với nội dung và CDR của từng học phần; đảm bảo tính công bằng, tin cậy và công khai. Việc công bố KQHT công khai, kịp thời và cơ chế phản hồi, khiếu nại rõ ràng để NH biết và thực hiện. Cùng với đó, Nhà trường có cơ chế cảnh báo học tập đối với những SV có kết quả học tập yếu, kém trong từng học kỳ để SV biết và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

- Điểm mạnh nổi bật: Có quy trình kiểm tra đánh giá KQHT của NH rõ ràng. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo sự tin cậy, công bằng và công khai.

- Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng học phần có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều; việc rà soát, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án chưa thực hiện thường xuyên.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.1				x				4.60	5	100.00
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5					x					

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

GV, NCV là những người trực tiếp tham gia các hoạt động thực hiện CTĐT. Chất lượng đội ngũ GV, NCV được coi là yếu tố then chốt quyết định sự thành công và phát triển của một trường đại học. Đội ngũ GV của Khoa Lịch sử được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ GV được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của GV. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCD. Ngoài ra, GV được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và NCKH.

Tỷ lệ GV/SV và khối lượng công việc của đội ngũ GV phù hợp, đảm bảo yêu cầu trong công tác dạy và học. Các kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV được thực hiện thường xuyên, số lượng GV được tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn hàng năm tăng đều, đáp ứng yêu cầu đào tạo của Khoa và Nhà trường.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Việc phát triển đội ngũ GV, NCV được lãnh đạo Nhà trường quan tâm sâu sắc, đưa vào nội dung và kế hoạch hoạt động hàng năm, được ban hành rộng rãi trong toàn Trường qua các năm [H06.06.01.01], [H06.06.01.02], [H06.06.01.03], [H06.06.01.04], [H06.06.01.05]. Cụ thể, quy hoạch đội ngũ GV, NCV của Khoa Lịch sử được thực hiện theo quy định chung và chiến lược phát triển của Nhà trường [H06.06.01.06], [H06.06.01.07], [H06.06.01.08]. Theo kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn năm

2020 đến năm 2025 và đề án vị trí việc làm của Trường ĐHKH, ĐHH, Nhà trường đã ban hành những tiêu chuẩn chức danh cán bộ để thực hiện công tác quy hoạch [H06.06.01.09], [H06.06.01.03], [H06.06.01.10], [H06.06.01.11]. Căn cứ theo nhu cầu và tình hình công việc hiện tại, Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể, đồng thời triển khai công tác tuyển dụng theo đúng kế hoạch hàng năm. Xây dựng quy định thời gian làm việc và quy đổi giờ chuẩn của cán bộ, GV, làm cơ sở để xác định số lượng cán bộ, nhân viên phù hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng [H06.06.01.12], [H06.06.01.13]. Nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự của Khoa, Nhà trường đã có quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng Khoa, Phó Trưởng Khoa và Trưởng các Bộ môn của Khoa Lịch sử [H06.06.01.10].

GV, NCV sau khi tuyển dụng được bồi dưỡng, đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Theo những quy định chung của Nhà trường, hằng năm, Khoa Lịch sử tiếp nhận, tuyển dụng cán bộ đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ để giảng dạy và NCKH. Nếu trong năm 2020, số lượng GV cơ hữu của khoa có học hàm, học vị mức trung bình thì đến năm 2023 số GV có học hàm, học vị tăng cao nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu về đào tạo và NCKH [H06.06.01.14]. Thời gian tới, từ năm học 2023-2024, Khoa Lịch sử tiếp tục tuyển dụng để bổ sung đội ngũ có học hàm, học vị tiêu chuẩn TS trở lên.

Việc thu hút đội ngũ GV, NCV tham gia các hoạt động PVCĐ thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường một cách công khai, minh bạch, có sức hấp dẫn đối với đội ngũ GV [H06.06.01.15], [H06.06.01.05], [H06.06.01.07].

Công tác chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được Nhà trường thực hiện nghiêm túc đúng quy định và có các chế độ hỗ trợ phù hợp đã quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H06.06.01.16], [H06.06.01.17], [H06.06.01.14], [H06.06.01.18].

1.2. Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường thực hiện quy hoạch cán bộ theo đúng quy trình, thủ tục. Thực hiện những quy định của Nhà trường, Khoa Lịch sử triển khai đúng quy hoạch chuyên môn cho cán bộ [H06.06.01.09], [H06.06.01.03], [H06.06.01.10], [H06.06.01.19]. Nhờ công tác quy hoạch được triển khai đồng bộ, Khoa Lịch sử đã xây dựng và phát triển đội ngũ GV đáp ứng được nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H06.06.01.20].

Công tác quy hoạch được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định đã tạo điều kiện để Khoa phát triển đội ngũ GV, NCV đáp ứng được nhu cầu về hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ [H06.06.01.20]. Hiện nay, các hướng nghiên cứu của GV rất phù hợp với chuyên môn và có giá trị.

Việc quy hoạch đúng quy định cũng giúp đội ngũ GV của Khoa đã đáp ứng được yêu cầu về PVCĐ. Bên cạnh công tác đào tạo và NCKH, GV trong Khoa tham gia nhiều hoạt động PVCĐ, bao gồm tham gia công tác tư vấn tuyển sinh, cố vấn dự án và hỗ trợ công tác coi thi [H08.08.01.18], [H03.03.01.20], [H03.03.01.21].

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch đội ngũ GV, NCV của Khoa Lịch sử được thực hiện có kế hoạch và đúng quy trình, quy định, xây dựng được đội ngũ GV, NCV ngành ĐPH đủ năng lực đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ GV có học vị TS, học hàm cao PGS chưa nhiều; việc bổ sung đội ngũ GV được thực hiện còn chậm so với yêu cầu của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kế hoạch tuyển dụng thêm GV theo hướng ưu tiên GV có học vị, học hàm cao. Thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn theo lộ trình đã quy hoạch một cách nghiêm túc để bổ sung nguồn GV có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh các chính sách để tiếp tục thu hút và phát triển đội ngũ GV có chất lượng cao làm việc tại Khoa.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Theo thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành về “Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”, số SV đại học chính quy trên một GV quy đổi của khối ngành VII - Khoa học xã hội và hành vi là 1:25 [H06.06.02.01], [H06.06.02.02]. Khoa Lịch sử hiện tại có 24 GV cơ hữu, trong đó có 04 PGS, TS, 12 TS và 08 ThS. Số lượng GV quy đổi là 49,8. Với tổng số SV đại học chính quy của Khoa là 110 SV, như vậy tỷ lệ NH/GV của Khoa là 2,21 (110/49,8) phù hợp với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H06.06.01.14], [H06.06.05.07]. Hiện tại, 100% GV của Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH có đủ năng lực chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Hằng năm, Nhà trường đều công khai thông tin tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để xã hội cùng giám sát.

2.2. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện đúng quy định. Nhà trường ban hành quy định về số giờ giảng dạy, số giờ NCKH và số giờ tham gia các hoạt động PVCĐ tối thiểu đối với đội ngũ GV, NCV và chuyên viên [H06.06.07.01], [H06.06.02.03], [H06.06.02.04]. Dựa vào các quy định trên, Khoa Lịch sử đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV.

2.3. Có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV.

Nhà trường có quy định thời gian làm việc và quy đổi giờ chuẩn của GV, NCV một cách cụ thể. Cán bộ, GV của Trường có thời gian làm việc là 44 tuần/năm, tương đương 1.760 giờ hành chính/năm. Tùy theo ngạch, bậc của cán bộ phải thực hiện số giờ giảng dạy, NCKH và PVCĐ theo quy định.

TT	Nội dung	Định mức thời gian làm việc (giờ)			
		Trợ giảng	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
1	Giảng dạy	90	810	810	810
2	NCKH	200	600	720	840
3	PVCD và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác	1470	350	230	110
Tổng cộng		1.760	1.760	1.760	1.760

Bên cạnh chất lượng, khối lượng công việc giảng dạy của GV cũng được quy định cụ thể, làm tiêu chuẩn để đo lường, giám sát và cải tiến chất lượng đào tạo. Vào thời điểm quyết toán cuối năm, khối lượng công tác của GV vượt giờ chuẩn sẽ được chi trả theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H06.06.07.01], [H06.06.02.03], [H06.06.05.12]. Kết quả thực hiện công việc của đội ngũ GV Khoa Lịch sử qua các năm đều đạt chỉ tiêu đặt ra, trong đó, nhiều GV vượt trên định mức về giảng dạy, NCKH và tham gia nhiều hoạt động PVCD.

2.4. Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Để đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, hàng năm, Nhà trường yêu cầu GV thực hiện việc đăng ký khối lượng công tác và thi đua cho từng năm học. Trên cơ sở đó, Khoa Lịch sử cân đối, điều chỉnh, tổng hợp khối lượng công tác chuyên môn cho toàn đơn vị [H06.06.06.01], [H06.06.06.02]. Sau đó, bảng đăng ký được trình lên cấp trên phê duyệt trước khi thực hiện. Vào cuối năm học, căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng công việc và mức độ hoàn thành, Bộ môn và Khoa đánh giá và trình lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường bình xét, đánh giá xếp loại cuối năm [H06.06.02.05], [H06.06.06.10], [H06.06.06.11], [H06.06.02.06].

Nhà trường còn thành lập đoàn thanh tra kiểm tra công tác phân công giờ giảng nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Nhà trường [H06.06.02.07]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo chặt chẽ, chính

xác và được đội ngũ cán bộ, GV hài lòng, đồng thuận cao [H06.06.02.08], [H06.06.06.15].

2. Điểm mạnh

Khoa Lịch sử có đội ngũ GV đủ về số lượng và chất lượng, đáp ứng tốt hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Tỷ lệ NH/GV đáp ứng quy định hiện hành. Khối lượng công việc của GV, NCV được đo lường theo giờ chuẩn tạo thuận lợi cho việc giám sát, đánh giá và làm cơ sở để quản lý và phát triển đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Khối lượng công việc của GV phân bổ theo các học kỳ chưa thực sự cân đối. Một số hoạt động PVCD của GV chưa được quy ra giờ chuẩn cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch và thực hiện phân giờ dạy từng học kỳ phù hợp, đảm bảo cân đối số giờ giảng dạy/GV. Nhà trường tiếp tục ban hành các văn bản định lượng cụ thể nhằm đo lường khối lượng công việc của GV trong các hoạt động PVCD.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đánh giá, giám sát GV, NCV trên cơ sở khối lượng công việc các mặt hoạt động quy đổi ra giờ chuẩn.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển.

Công tác tuyển dụng cán bộ, GV của Trường ĐHKH, ĐHH được quản lý chặt chẽ trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Chỉ thị số 1586/BNV-CCVC

ngày 16/05/2014, Thông tư liên tịch số 36/2014/TT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Nội vụ và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ [H06.06.03.01], [H06.06.05.11], [H06.06.03.02], [H06.06.03.03]. Căn cứ vào các kế hoạch từ các đơn vị gửi về, Nhà trường sẽ phê duyệt cụ thể số lượng, trình độ và chức danh các vị trí tuyển dụng từ mỗi đơn vị [H06.06.03.04], [H06.06.03.02]. Tiếp đó, Nhà trường cũng lên kế hoạch cụ thể cho công tác tuyển dụng, bao gồm hình thức tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng, chỉ tiêu và thông báo tuyển dụng, thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ, công tác chuẩn bị thành lập Hội đồng tuyển dụng và thời điểm, các nội dung thi xét tuyển. Các nội dung thi xét tuyển cho từng vị trí và thang điểm tương ứng cũng được thông báo rõ ràng cho từng vị trí cụ thể [H06.06.03.04], [H06.06.03.05].

3.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai.

Trên cơ sở các tiêu chí chung về tuyển dụng GV và đặc thù riêng từng ngành, Khoa Lịch sử đã tổ chức thảo luận, thống nhất đề xuất và tham mưu để Hiệu trưởng Nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV cả về mặt đạo đức và chuyên môn đào tạo, được thông báo công khai. Các tiêu chí và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) được xác định rõ ràng và công bố công khai bằng nhiều hình thức. Trong các tiêu chí tuyển dụng GV, NCV, Nhà trường và Khoa nhấn mạnh đến các tiêu chí như đạo đức, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học [H07.07.02.07], [H07.07.02.08], [H07.07.02.09], [H07.07.02.10], [H07.07.02.11].

Cụ thể, tiêu chuẩn tuyển dụng GV năm 2021 của Khoa Lịch sử gồm: có bằng TS, có chứng chỉ Ứng dụng CNTT, có chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp, có kinh nghiệm công tác trong các cơ quan, tổ chức từ 05 năm trở lên [H06.06.03.06].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như website của Trường, Khoa, Đài Phát thanh và Truyền hình Thừa Thiên Huế, Báo Thừa Thiên Huế [H06.06.03.07], [H06.06.03.06]. Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Khoa và Nhà trường, phù hợp với mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ của Nhà trường. Việc tuyển dụng được thực hiện đúng quy trình và do Hội đồng tuyển dụng của Nhà trường quyết định nhằm đảm bảo sự khách quan, chính xác [H06.06.03.02]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai, rộng rãi bằng nhiều hình thức [H06.06.03.06].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng GV, NCV được xác định cụ thể, phù hợp với chuyên ngành đào tạo, góp phần tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, NCKH. Công tác lựa chọn để bổ nhiệm và điều chuyển GV, NCV được tiến hành một cách công khai, minh bạch, khách quan.

3. Điểm tồn tại

Các kênh để phổ biến thông tin tuyển dụng, kết quả tuyển dụng chưa thật sự phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hơn các kênh để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng như thông báo trên các website, fanpage của Trường, Khoa, trên báo, đài phát thanh truyền hình, gửi thư đến các cơ quan, doanh nghiệp, liên hệ với cựu SV.	Phòng TC&HC	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ GV phù hợp với tình hình thực tiễn. Đồng thời bổ sung, điều chỉnh các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cụ thể và chi tiết hơn, phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.	Phòng TC&HC	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành.

Đội ngũ GV, NCV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng

và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập [H06.06.04.01], [H06.06.04.02]. Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các BLQ, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn Trường [H06.06.04.03], [H06.06.04.04], [H06.06.06.11]. Theo các tiêu chuẩn đó, GV Khoa Lịch sử đều đáp ứng các tiêu chuẩn và nghiệp vụ theo quy định của Nhà trường về chuyên môn đào tạo, học vị, tin học, ngoại ngữ, lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm và NCKH [H06.06.01.14], [H06.06.01.05], [H06.06.04.05]. Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực GV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ GV [H06.06.04.06], [H06.06.06.09].

Để đánh giá năng lực giảng dạy thực tế của GV, Khoa triển khai công tác dự giờ GV theo đúng kế hoạch [H06.06.04.07]. Sau khi dự giờ, GV nhận được phiếu góp ý của đồng nghiệp về nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy, tác phong sư phạm và những vấn đề liên quan khác. Qua đó, GV được dự giờ tiếp thu những ý kiến góp ý và điều chỉnh để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của bản thân [H06.06.04.07]. Đồng thời, định kỳ vào cuối mỗi học kỳ, sau khi GV kết thúc giảng dạy học phần, Phòng KT&BDCLGD triển khai công tác khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát được GV xem trực tiếp qua tài khoản cá nhân trên Trang thông tin đào tạo đại học, từ đó có sự điều chỉnh phù hợp. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của GV Khoa Lịch sử đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH. Kết quả khảo sát cho thấy SV đánh giá cao hoạt động giảng dạy của GV, mức độ hài lòng rất cao, đạt tỷ lệ 95,59% [H03.03.01.19], [H01.01.01.02], [H05.05.03.05].

4.2. Năng lực của GV, NCV được đánh giá

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và đánh giá dựa trên khối lượng và kết quả thực hiện ở các lĩnh vực hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Theo quy định thời gian làm việc và quy đổi giờ chuẩn của GV Trường ĐHKH, ĐHH, khối lượng giảng

dạy (nhiệm vụ 1), khối lượng NCKH (nhiệm vụ 2) và khối lượng PVCD (nhiệm vụ 3) của GV là 1.760 giờ chuẩn/năm. Cụ thể, giờ chuẩn giảng dạy là 270 giờ/năm; giờ chuẩn NCKH của GV, GVC, GVCC lần lượt là 100, 120 và 140 giờ/năm [H06.06.06.10], [H06.06.04.06], [H06.06.06.09].

Năng lực của GV được xác định qua những hoạt động cụ thể và được đánh giá thường xuyên, công khai và dân chủ thông qua hoạt động đánh giá phân loại viên chức hàng năm. Thông qua phiếu đánh giá phân loại viên chức, GV tự đánh giá khối lượng và mức độ hoàn thành công việc. Khoa tổ chức họp tổng kết, đánh giá góp ý cho mỗi GV, sau đó Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường rà soát, đánh giá. Năng lực của đội ngũ GV được xác định và đánh giá dựa trên khối lượng và kết quả thực hiện ở các lĩnh vực hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD [H06.06.04.08], [H06.06.04.09].

Kết quả đánh giá cho thấy đội ngũ GV Khoa Lịch sử luôn đáp ứng yêu cầu công việc theo các nhiệm vụ 1, 2, 3 của Nhà trường. Tỷ lệ GV, NCV thực hiện nhiệm vụ đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc tăng lên hàng năm [H04.04.01.13], [H04.04.01.14]. Quy trình đánh giá minh bạch, khách quan, căn cứ vào các quy định về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng, GV tự đánh giá, tự đăng ký danh hiệu thi đua, tiếp đến Hội đồng Khoa đánh giá và sau cùng là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Nhà trường đánh giá [H06.06.06.02], [H06.06.06.01], [H06.06.04.10], [H06.06.04.04], [H06.06.06.11].

Hàng năm, vào cuối học kỳ I và học kỳ II, Phòng KT&BĐCLGD tiến hành khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát một mặt để đánh giá nhiệm vụ giảng dạy của GV, qua đó GV cải tiến hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo; mặt khác đó là cơ sở để đánh giá năng lực của GV [H01.01.01.02], [H06.06.04.11], [H06.06.04.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở kết quả công việc đã thực hiện và thành tích cá nhân, tiêu chí đánh giá được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn Trường. Các hoạt động đánh giá năng lực GV được số hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc và độ chuẩn xác cao. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau, phản ánh chính xác, khách quan năng lực của đội ngũ GV giảng dạy CTĐT ngành ĐPH.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi học kỳ có tỷ lệ phản hồi không cao, vì vậy chưa đủ thông tin để đánh giá chính xác năng lực hoạt động giảng dạy của GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện đồng bộ các giải pháp như tuyên truyền vận động, thông qua trợ lý CTSV&BDCLGD, trợ lý CVHT, sinh hoạt Đoàn Hội để nâng cao tỷ lệ phản hồi ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Qua đó kết quả đánh giá có tính thuyết phục hơn, Khoa có đủ thông tin để đánh giá chính xác năng lực hoạt động giảng dạy của GV.	Phòng KT&BDCLGD, Trợ lý CVHT, Trợ lý CTSV&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hiệu quả năng lực chuyên môn của đội ngũ GV, NCV có chất lượng cao nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập của NH. Đồng thời tiếp tục rà soát, hoàn thiện và nâng cao các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Thực hiện khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV, NCV của Khoa Lịch sử luôn bám sát Quy định về phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn của Nhà trường cũng như của Bộ GD&ĐT về số lượng, trình độ và chất lượng. Kế hoạch đào tạo phát triển đội ngũ GV, NCV của Khoa Lịch sử được xác định qua việc khảo sát, đánh giá nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV hàng năm. Nhiều học phần đòi hỏi GV phải có chuyên môn nghiệp vụ đặc thù, do đó căn cứ vào nội dung học phần đảm trách, GV đề xuất nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để Khoa và Nhà trường xem xét và đề ra kế hoạch thực hiện [H06.06.05.01], [H06.06.05.02], [H06.06.05.03], [H06.06.05.04], [H06.06.02.03].

5.2. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT.

Hàng năm, Khoa Lịch sử xây dựng kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV theo yêu cầu của CTĐT dựa trên nhu cầu được đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV, NCV [H06.06.05.05], [H06.06.02.03]. Trên cơ sở đó, GV, NCV sẽ đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo từng năm học. Danh sách đăng ký sẽ được Khoa tổng hợp và gửi về Trường phê duyệt. Trên cơ sở đó, Trường tổng hợp danh sách số lượng GV của các đơn vị toàn Trường cần được đào tạo cho từng khóa học ngắn hạn hoặc dài hạn, trong nước hoặc ngoài nước. Sau khi GV có kết quả dự xét tuyển ở các cơ sở đào tạo trong nước (hoặc nước ngoài), Nhà trường ra quyết định cử GV đi học tập các ngành phù hợp với yêu cầu của Khoa và nguyện vọng của GV [H06.06.05.05], [H06.06.05.06].

5.3. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của CSGD.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV trong Khoa được triển khai thực hiện hàng năm và dựa trên yêu cầu của CTĐT đồng thời bám sát mục tiêu và sứ mạng, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và của Khoa. Do vậy, trong thời gian qua, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã được Nhà trường triển khai, hỗ trợ kinh phí, đã thu hút đông đảo đội ngũ GV của Khoa Lịch sử tham gia như: Làm nghiên cứu sinh; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy ở bậc đại học và các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ ở những

trung tâm đào tạo hàng đầu trong nước [H06.06.05.01], [H06.06.05.02], [H06.06.05.03], [H06.06.05.04].

Tính đến năm 2023, trong tổng số 24 GV của Khoa Lịch sử, có 04 PGS. TS, 12 TS và 08 ThS. Tỷ lệ GV có trình độ TS trở lên chiếm 66,67% [H06.06.05.07], [H06.06.01.14].

5.4. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV của Khoa Lịch sử nói riêng và của Nhà trường nói chung được giám sát, tổng kết và đánh giá hàng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học của Khoa và của Nhà trường [H04.04.01.13], [H04.04.01.14]. Quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của GV, NCV được giám sát ở nhiều mức độ. Vào cuối mỗi năm học, kết quả thực hiện học tập, bồi dưỡng của cá nhân GV là căn cứ để Nhà trường, Khoa bình xét đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức [H06.06.05.08], [H06.06.05.09], [H06.06.05.10]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức rà soát định kỳ tiến trình phấn đấu của các đơn vị. Việc học tập nâng cao trình độ của GV cũng được quản lý thường xuyên. Trong quá trình đi học, GV có trách nhiệm báo cáo tiến độ học tập về Khoa và Trường. Nhà trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi làm NCS và tham gia các lớp bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn đều được Nhà trường miễn, giảm giờ chuẩn, hỗ trợ học phí và các chế độ hỗ trợ khác theo quy chế chi tiêu nội bộ [H07.07.01.08], [H06.06.05.11], [H06.06.07.01], [H06.06.05.12], [H06.06.06.15].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NCV luôn được xác định một cách đúng đắn và có kế hoạch cụ thể. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi thông qua các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho việc thực hiện nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của GV, NCV.

3. Điểm tồn tại

Một số cán bộ chưa phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn từ ThS lên TS. Đơn vị chưa có nhiều GVCC, GV có học hàm từ PGS trở lên nên hạn chế trong việc nghiên cứu chuyên môn sâu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường có kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy GV học tập nâng cao trình độ, nâng cao tỷ lệ GV có học vị TS và học hàm PGS, GS.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV nhằm đáp ứng mục tiêu và sứ mạng, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

6.1. Đơn vị có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV, NCV.

Kế hoạch công tác cụ thể của GV, NCV là cơ sở cho việc đánh giá, phân loại và bình xét các danh hiệu thi đua vào cuối năm học. Đầu mỗi năm học, Khoa Lịch sử và Nhà trường triển khai việc giao định mức các hoạt động giảng dạy, học tập kèm theo kinh phí của từng nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị [H06.06.06.01], [H06.06.06.02], [H06.06.06.03]. Trên cơ sở đó, Bộ môn căn cứ vào năng lực chuyên môn, sở trường của mỗi GV để phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định của Nhà trường. Mỗi GV sẽ đăng ký kế hoạch công tác cụ thể, bao gồm khối lượng công việc của cá nhân cho năm học đó theo 3 nhóm công việc chính gồm: giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCD để đảm bảo hoàn thành công việc theo quy định chế độ làm việc của GV và tiêu chuẩn để đạt các danh hiệu thi đua khen thưởng cho năm học, cũng như kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H06.06.06.04], [H06.06.06.05], [H06.06.06.06], [H06.06.06.07].

Bên cạnh đó, GV của Khoa nói chung và ngành ĐPH nói riêng còn phải hoàn thành các khối lượng công việc cụ thể như: biên soạn và chỉnh sửa ĐCCT học phần,

soạn bài giảng, viết bài báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp... [H03.03.01.12], [H02.02.02.05], [H05.05.01.12].

6.2. Triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc.

Tổ chức đánh giá khối lượng công việc thực hiện của GV theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật, xếp loại, thi đua của Nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện nghiêm túc và công khai [H06.06.06.01], [H06.06.06.08], [H06.06.06.09]. Kết quả đánh giá, xếp loại và thi đua khen thưởng hàng năm được thực hiện từ Bộ môn, Khoa và sau cùng là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường trên cơ sở phiếu tự đánh giá, nhận xét của cá nhân GV, NCV. Việc đánh giá kết quả hoạt động và bình xét thi đua khen thưởng của GV ở cuối năm học được thực hiện công khai, minh bạch, rõ ràng theo đúng quy trình, quy định và hướng dẫn của Nhà trường [H04.04.01.13], [H04.04.01.14], [H06.06.02.06], [H06.06.04.08].

Kết quả thực hiện hoạt động giảng dạy của GV (nhiệm vụ 1) được kiểm tra, xác minh bởi Phòng ĐTĐH&CTSV, được công khai trên Trang thông tin đào tạo đại học ở mục thống kê giờ chuẩn giảng dạy của GV (<https://teacher.husc.edu.vn/Teaching/WorkHours>). GV kê khai các nhiệm vụ NCKH đã thực hiện (nhiệm vụ 2), các hoạt động PVCĐ (nhiệm vụ 3) đính kèm minh chứng và được kiểm tra, xác minh bởi Phòng KHCN&HTQT thông qua phần mềm kê khai giờ chuẩn (<https://giochuan.husc.edu.vn/>) [H06.06.06.10]. Như vậy, có thể thấy rằng Nhà trường đã quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV một cách chính xác, khoa học. Quá trình quản trị được thực hiện có quy trình, có công cụ hỗ trợ, do đó kết quả bảo đảm sự chính xác, công bằng và minh bạch.

6.3. GV, NCV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Sự công nhận kết quả và khen thưởng, bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hằng năm đối với GV, NCV luôn được triển khai kịp thời, công khai, đúng quy định và được GV, NCV hài lòng về kết quả đánh giá [H06.06.06.11]. Đó chính là động lực cho đội ngũ GV, NCV tích cực hơn trong công tác. Đặc biệt, những GV, NCV có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 02 năm liên tục được Nhà trường xem xét nâng bậc lương trước hạn [H06.06.06.12], [H06.06.06.13], [H06.06.06.14].

Quy trình và kết quả đánh giá khách quan, trung thực đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của các cấp có thẩm quyền rất khách quan nên GV, NCV hài lòng về kết quả đánh giá [H06.06.06.15], [H06.06.06.16], [H06.06.06.17], [H06.06.02.08], [H06.06.06.18].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa quản trị GV, NCV theo kết quả công việc, nhờ đó việc xếp loại, đánh giá và khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, công bằng, khách quan, chính xác. Việc khen thưởng hàng năm cơ bản đã tạo động lực cho GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ của Bộ môn, Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí cho các mức thưởng còn hạn chế nên chưa kích thích được tinh thần cầu thị trong công tác thi đua, đặc biệt đối với những GV trẻ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh chính sách khen thưởng, nhằm khuyến khích GV nỗ lực trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Phòng TC&HC	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy những ưu điểm phù hợp, tích cực trong việc tổ chức đánh giá kết quả công việc của GV, NCV để tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Phòng TC&HC	Từ năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

7.1. Có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện.

Cùng với hoạt động giảng dạy, hoạt động NCKH được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng của GV, NCV Trường ĐHKH, ĐHH theo đúng quy định hiện hành.

Thực hiện những quy định của ĐHH về đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức, người lao động trong ĐHH, Nhà trường đã ban hành quy định thời gian làm việc và quy đổi giờ chuẩn của cán bộ, GV, trong đó có hoạt động về NCKH [H06.06.07.01]. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được Nhà trường quy định rõ, đảm bảo giờ NCKH theo quy định gồm: thực hiện các đề tài, dự án NCKH các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo; hướng dẫn SV NCKH; tổ chức seminar chuyên môn [H06.06.07.01].

Cụ thể, các loại hình NCKH bao gồm: (1) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, đề tài NCKH, chuyển giao công nghệ; (2) NCKH để phục vụ CTĐT, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá học phần; (3) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; (4) Viết chuyên đề, báo cáo, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ở trong và ngoài nước; (5) Tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học của Khoa, Bộ môn, hướng dẫn NH tham gia NCKH; (6) Thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; (7) Tham gia đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; (8) Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; (9) Tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về khoa học và công nghệ; (10) Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống.

Các kết quả NCKH của GV, NCV theo 10 loại hình trên đều được quy đổi thành giờ chuẩn. Định mức giờ chuẩn NCKH của mỗi GV phải thực hiện trong một năm học tùy theo ngạch GV đang đảm nhận, cụ thể là 100 giờ/GV, 120 giờ/GVC và 140 giờ/GVCC [H06.06.07.01], [H06.06.06.10].

Căn cứ vào các quy định nhiệm vụ NCKH của GV; định mức NCKH cho từng đối tượng GV; tiêu chuẩn chủ nhiệm, thành viên đề tài NCKH, hàng năm GV sẽ đăng ký nhiệm vụ NCKH phù hợp với năng lực và chuyên môn của mình [H06.06.07.01].

7.2. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Vào đầu năm học, bên cạnh việc lập kế hoạch đăng ký khối lượng công tác giảng dạy, GV còn đăng ký nhiệm vụ NCKH, trong đó ghi rõ loại hình, công trình nghiên cứu sẽ tham gia, tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu theo đúng quy trình hiện hành. Đơn vị, Khoa và Trường sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch NCKH của GV để có những hỗ trợ kịp thời cũng như tạo động lực, thúc đẩy hoạt động NCKH của GV nói riêng và của Khoa nói chung. Kết quả NCKH hàng năm của mỗi GV được quy định trong nhiệm vụ 2, được quy ra giờ chuẩn và được ghi nhận trên hệ thống quản lý chung của Trường. Lý lịch NCKH của từng GV được lưu trữ trong hệ thống cơ sở dữ liệu của ĐHH [H06.06.07.02], [H06.06.07.03], [H06.06.07.03], [H06.06.07.04].

Nhìn chung, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Nhà trường nói chung và Khoa Lịch sử nói riêng đều được giám sát chặt chẽ, xác định chính xác khối lượng quy đổi và có điều chỉnh kịp thời. Cụ thể như đối với các đề tài NCKH, định kỳ hàng quý, chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ triển khai đề tài với lãnh đạo Khoa và Nhà trường, kèm theo các kiến nghị, đề xuất cụ thể; bên cạnh đó Nhà trường còn thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện đề tài NCKH của GV, NCV, kết quả kiểm tra là cơ sở để Nhà trường kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai đề tài của GV, NCV để kịp thời hỗ trợ chủ nhiệm các đề tài thực hiện đúng cam kết hợp đồng đã ký [H06.06.07.04]. Trên cơ sở thống kê kết quả về hoạt động NCKH của đội ngũ GV, NCV của Khoa Lịch sử trong giai đoạn đánh giá từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 cho thấy cán bộ, GV của Khoa đã thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 08 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 01 đề tài cấp cơ sở (Trường), đăng tải 01 bài báo trên tạp chí ISI/SCOPUS, 96 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, xuất bản 01 giáo trình và 35 sách chuyên khảo/tham khảo [H06.06.07.05]. Sau mỗi năm học, Khoa có thống kê, phân tích, đánh giá và đối sánh với các đơn vị trong Trường, qua đó đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc thù ngành nghề và lĩnh vực đào tạo của Khoa, góp phần nâng cao số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đơn vị nói riêng và Nhà trường nói chung [H06.06.07.05].

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH trong nội dung đánh giá GV, NCV. Kết quả đánh giá hoạt động NCKH được tổng kết hàng năm, làm cơ sở cho quá trình xây dựng phương hướng nhiệm vụ NCKH cho năm tiếp theo [H06.06.07.01], [H06.06.07.06], [H06.06.07.07],

[H06.06.07.04]. Nhìn chung, hoạt động NCKH của GV được thực hiện nghiêm túc theo các định mức tiêu chuẩn rõ ràng, quy trình đánh giá cụ thể, làm cơ sở cho việc kiểm soát, cải tiến chất lượng.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của cán bộ, GV Khoa Lịch sử ngày càng nâng cao, luôn vượt định mức giờ NCKH so với quy định của Nhà trường, đặc biệt có công trình công bố trên tạp chí quốc tế. Khối lượng giờ NCKH được xác lập, quy đổi đúng quy định, quá trình thực hiện được giám sát chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Nhà nước còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và năng lực NCKH của đội ngũ GV. Số lượng bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chủ động thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, đăng ký đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước; phấn đấu công bố được nhiều công trình trên các tạp chí quốc tế có uy tín.	Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy tiềm năng, thế mạnh trong NCKH của đội ngũ GV, NCV của Khoa nhằm không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của đơn vị.	Khoa Lịch sử	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Công tác quy hoạch GV được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, vì vậy Trường đã quy hoạch và phát triển được đông đảo đội ngũ GV, về cơ bản đảm bảo được tỷ lệ GV/SV. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng với tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng, công khai cũng góp phần quan trọng cho chiến lược phát triển đội ngũ GV của Khoa và Trường. Song song đó, Khoa và Trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ GV, thực hiện đánh giá năng lực và quản trị theo kết quả công việc

của GV một cách khoa học. Với những chính sách và chương trình hành động cụ thể, Trường đã phát triển đội ngũ GV của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có năng lực trong giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Điểm mạnh nổi bật: Có kế hoạch, quy trình quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV rõ ràng.

- Điểm tồn tại cơ bản: Công tác phát triển đội ngũ GV có trình độ TS, học hàm PGS, GS còn hạn chế; các công trình NCKH được đăng tải trên các tạp chí quốc tế chưa nhiều.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 6.1				x				4.57	7	100.00
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV đóng một vai trò quan trọng, góp phần trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, và các hoạt động khác của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử. Công tác giảng dạy, tìm kiếm tài liệu, dịch vụ hỗ trợ tại Trung tâm TT&TV, phòng tư liệu đều phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ NV. Để hỗ trợ tốt nhất cho đội ngũ GV và SV ngành ĐPH trong quá trình thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác, Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử đã đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển đội ngũ NV của Khoa cũng như Nhà trường.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Để đáp ứng nguồn nhân lực cho yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác, Trường ĐHKH, ĐHH đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKH, ĐHH giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H06.06.02.03], giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040 [H06.06.01.06] và các kế hoạch về nguồn nhân lực [H07.07.01.01], [H06.06.01.01], [H07.07.01.02]. Trong chiến lược phát triển có đặt ra mục tiêu về nguồn nhân lực như chuẩn hóa, chuyên môn hóa đội ngũ GV, chuyên viên các phòng ban và khoa chuyên môn theo vị trí công việc, đảm bảo sự tương thích về số lượng và chất lượng đội ngũ theo quy định hiện hành. Bên cạnh đó, ĐHH đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHKH, ĐHH giai đoạn 2019-2021 [H07.07.01.03], giai đoạn 2022-2026 [H06.06.01.08], trong đó xác định các vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của tất cả các đơn vị trong Nhà trường. Ngoài ra, tùy tình hình cụ thể mà lãnh đạo Nhà trường có kế hoạch định hướng quy hoạch bổ sung, điều chỉnh đội ngũ CBVC để phù hợp với tình hình phát triển chung của Nhà trường [H07.07.01.04]. Đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ CBVC của Nhà trường trong đó có đội ngũ NV [H07.07.01.05].

Việc quy hoạch đội ngũ NV của Nhà trường được thực hiện nhằm đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ cho cán bộ, GV và SV liên quan đến hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Trên cơ sở quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị, Nhà trường đã xác định số lượng đội ngũ NV của các phòng, ban để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định [H07.07.01.06].

1.2. Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

Nhà trường đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng cũng như đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng trong quy định về tuyển dụng viên chức trong ĐHH [H07.07.01.07], và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H07.07.01.08], [H07.07.01.09], [H06.06.05.12]. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực và khối lượng công việc đảm trách và tình hình nhân sự hiện tại, các đơn vị đề xuất, Nhà trường phê duyệt chỉ tiêu, đồng thời xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể, triển khai công tác tuyển dụng theo

đúng kế hoạch hằng năm [H06.06.03.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng đề án việc làm, các kế hoạch cụ thể nhằm triển khai công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định [H07.07.01.10], [H06.06.03.01], [H06.06.03.03], [H07.07.01.11] và các chính sách phát triển đội ngũ NV [H07.07.01.12], [H07.07.01.07], [H07.07.01.13].

1.3. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

Việc quy hoạch đội ngũ NV của Nhà trường được thực hiện nhằm đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ cho cán bộ, GV và SV liên quan đến hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trên cơ sở quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị, Nhà trường đã xác định số lượng đội ngũ NV của các phòng, ban để hoàn thành nhiệm vụ theo quy định [H07.07.01.06]. Nhà trường đã tiến hành quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn theo từng nhiệm kỳ dựa trên phân tích nhu cầu về đội ngũ [H07.07.01.14], [H07.07.01.15], [H07.07.01.16]. Công tác quy hoạch này dựa trên phân tích tình hình về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ NV.

Khoa Lịch sử hiện nay có 01 NV đảm nhận vị trí Trợ lý đào tạo Khoa. Đây là NV có kinh nghiệm làm việc 06 năm ở Khoa; 01 NV đảm nhận vị trí Trợ lý Tổ chức, NCKH và Đối ngoại của Khoa, có trình độ ThS và đã có kinh nghiệm 16 năm làm việc tại Khoa; 01 NV đảm nhiệm vị trí phụ trách Phòng Tư liệu Khoa. 03 NV này có nhiệm vụ thực hiện các công việc hỗ trợ cho Ban Chủ nhiệm Khoa, các Trưởng bộ môn, các CB, GV và SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCĐ, bao gồm: Phối hợp với Trưởng Bộ môn và Ban chủ nhiệm Khoa để xây dựng kế hoạch giảng dạy của năm học; Hỗ trợ cho Ban chủ nhiệm Khoa và Liên chi đoàn Khoa tổ chức các buổi tổng kết năm học, hội nghị CBVC, định hướng nghề nghiệp cho SV, đối thoại giữa SV với lãnh đạo Khoa; Soạn thảo các văn bản của Khoa đề xuất với Nhà trường để ra quyết định cử GV hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp...; Phối hợp với các Trưởng Bộ môn để phân công cán bộ coi thi theo lịch thi của Nhà trường; Thực hiện công tác hoàn thành điểm thi học kỳ, điểm học phần...; Chuẩn bị dữ liệu và tham gia các buổi họp đánh giá điểm rèn luyện, họp xét thi đua, khen thưởng và kỷ luật SV và các công việc khác theo sự phân công của Trưởng Khoa; hỗ trợ SV tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập và NCKH.

Để hỗ trợ tốt nhất cho SV trong quá trình học tập tại Trường, Khoa đã phân công các GV có năng lực chuyên môn làm CVHT cho các lớp thuộc ngành ĐPH. Với kinh nghiệm, lòng yêu nghề và kiến thức chuyên môn vững chắc, các CVHT của Khoa thông qua nhiều hình thức khác nhau như trao đổi trực tiếp qua các buổi sinh hoạt lớp định kỳ, điện thoại, gửi email, trao đổi qua nhóm zalo, facebook... đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ cho SV thực hiện các công việc liên quan để đạt được KQHT và rèn luyện theo mong đợi.

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của đội ngũ NV được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành và quy định chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H06.06.01.15] [H07.07.01.09] [H06.06.05.12].

1.4. Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, đội ngũ NV hỗ trợ từ các phòng ban có 31/82 có trình độ ThS, Khoa Lịch sử có 02 NV trình độ đại học làm công tác hành chính, trợ lý đào tạo và phụ trách phòng tư liệu [H07.07.01.17]. Đội ngũ NV hỗ trợ đang làm việc tại các phòng ban chức năng của Trường ĐHKH, ĐHH được đánh giá là đáp ứng tốt cho việc hỗ trợ các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H07.07.01.18], [H08.08.05.25], [H07.07.01.19] [H07.07.01.20] [H07.07.01.21] [H07.07.01.22] [H07.07.01.23]. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của BLQ về thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban cho thấy, BLQ đánh giá mức độ hài lòng đạt 82-92% [H07.07.01.18]. Điều này cũng thể hiện rõ trong kết quả đánh giá phân loại cán bộ viên chức và người lao động của Trường ĐHKH, ĐHH hàng năm [H07.07.01.24], [H07.07.01.25], [H07.07.01.26], [H07.07.01.27]. Cụ thể, tất cả các NV này đều được đánh giá ở mức hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm học.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH đã thực hiện việc quy hoạch để đảm bảo đáp ứng tốt về số lượng và trình độ của đội ngũ NV cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Chưa có dự báo đầy đủ về số lượng SV tuyển sinh được để có sự bố trí công việc

cho các NV phù hợp với nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Dự báo số lượng SV hàng năm để bố trí khối lượng công việc phù hợp cho đội ngũ NV của Khoa và các phòng ban.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ NV để đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường và của Khoa.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên.

Nhà trường thực hiện công tác tuyển dụng theo Quy định về tuyển dụng viên chức trong ĐHH [H07.07.01.11], [H07.07.01.07]. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển được thực hiện theo Quy định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, luân chuyển và chế độ phụ cấp chức vụ đối với viên chức quản lý tại ĐHH [H06.06.03.03], [H07.07.02.01].

Các tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng đội ngũ NV được ban hành cụ thể, rõ ràng. Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tu cách đạo đức, trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ và tin học [H07.07.01.10], [H06.06.03.01] [H07.07.01.07]. Bên cạnh các tiêu chí tuyển dụng được đánh giá cụ thể qua bằng cấp, khi tuyển dụng còn được xem xét các năng lực khác như: chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, năng lực về ngoại ngữ, tin học ứng dụng, đạo đức nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm công tác [H07.07.01.07]. Phòng TC&HC được Nhà trường giao nhiệm vụ làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng, ra thông báo, tiếp nhận hồ sơ, thành lập các Hội đồng tuyển dụng chuyên

mo□n để nghiệ□n cứu hồ so□ và tổ chức thi tuyển [H07.07.01.11] [H07.07.02.02] [H07.07.02.03] [H06.06.03.02].

Trường ĐHKH, ĐHH hiện tại có 06 phòng chức năng gồm Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng ĐTSĐH, Phòng KT&BĐCLGD, Phòng KHTC&CSVC, Phòng KHCN&HTQT, Phòng TC&HC và 01 Trung tâm TT&TV. Ngoài chức năng nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị, tất cả các phòng ban và Trung tâm đều có nhiệm vụ hỗ trợ cán bộ, GV và đặc biệt là SV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu công việc và tình hình nhân sự hiện có, các đơn vị lập tờ trình đề xuất Nhà trường tuyển dụng NV, kèm theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đặc thù (nếu có). Hội đồng tuyển dụng Nhà trường họp và phê duyệt chỉ tiêu đồng thời xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể, triển khai công tác tuyển dụng theo đúng kế hoạch hàng năm. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng đề án vị trí việc làm, các kế hoạch cụ thể nhằm triển khai công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định.

2.2. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan.

Sau khi được tuyển chọn, các ứng viên phải qua thời gian tập sự tại vị trí tuyển dụng dưới sự giám sát của người hướng dẫn để đánh giá khả năng và sự phù hợp với công việc được giao. Kết quả tập sự sẽ là căn cứ để bổ nhiệm họ vào vị trí chính thức.

Nhà trường đã tuyển dụng và phát triển đội ngũ NV hỗ trợ công tác tại các phòng ban đảm bảo đủ số lượng và đáp ứng được yêu cầu của công việc chung toàn Trường. Về cơ bản, đội ngũ NV đảm bảo được yêu cầu công việc, hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động của Khoa. Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của đội ngũ NV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành. Theo kế hoạch của Trường, hàng năm lãnh đạo các đơn vị luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch cán bộ. Từ đó, Nhà trường thực hiện quy hoạch cán bộ theo đúng quy trình, thủ tục. Thông tin tuyển dụng NV được công khai trên website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác [H07.07.02.04], [H07.07.02.05], [H07.07.01.09], [H06.06.05.12], [H07.07.02.06].

Công tác tuyển dụng đội ngũ NV được thực hiện dựa vào quy hoạch đào tạo và kế hoạch tuyển dụng hàng năm do các đơn vị và Nhà trường lập kế hoạch, được trình cấp trên xét duyệt. Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm đều căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị, của Nhà trường và căn cứ vào định biên công

việc [H07.07.02.07], [H07.07.02.08], [H07.07.02.09], [H07.07.02.10], [H07.07.02.11].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển được phân tích trên tình hình thực tế của Nhà trường và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc công khai tại Khoa/Phòng và Nhà trường trước khi ĐHH phê duyệt ban hành [H07.07.02.12].

2.3. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD.

Tiêu chí tuyển dụng đội ngũ NV được Nhà trường xây dựng và xác định rõ ràng trong đó bao gồm các tiêu chí về đạo đức, năng lực chuyên môn, độ tuổi, chuyên ngành đào tạo phù hợp với từng vị trí việc làm. Bên cạnh các tiêu chí tuyển dụng được đánh giá cụ thể qua bằng cấp, khi tuyển dụng còn được xem xét các năng lực khác như: chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, năng lực về ngoại ngữ, CNTT, đạo đức nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm công tác. Phòng TC&HC được Nhà trường giao nhiệm vụ làm đầu mối, ra thông báo, tiếp nhận hồ sơ, thành lập các Hội đồng tuyển dụng chuyên môn để nghiên cứu hồ sơ và tổ chức thi tuyển.

Công tác tuyển dụng đội ngũ NV được thực hiện đúng quy trình thủ tục với những tiêu chí, tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai, rộng rãi; bước đầu phát triển được đội ngũ NV ở các phòng ban và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT [H06.06.04.01], [H07.07.02.01], [H07.07.02.13].

Hoạt động tuyển dụng của Nhà trường được tổ thường xuyên một cách quy củ từ các bước tổ chức nhân lực thành lập hội đồng tuyển dụng [H07.07.02.14], [H07.07.02.15], [H07.07.02.03]. Toàn bộ hoạt động tuyển dụng của Nhà trường luôn được đăng tải công khai trên website của Nhà trường (<https://husc.edu.vn/tuyendung.php>), Trang thông tin quản lý phổ biến quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm [H06.06.03.04]. Thông tin tuyển dụng của Nhà trường luôn được thông báo rộng rãi trên nhiều kênh thông tin [H07.07.02.16], [H06.06.03.05], [H07.07.02.17] [H06.06.03.04], [H07.07.02.18], [H07.07.02.09], [H07.07.02.10], [H07.07.02.11].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng đội ngũ NV được thực hiện đúng quy trình thủ tục với những tiêu chí, tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai, rộng rãi; bước đầu phát triển được đội ngũ NV ở các phòng ban và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Ngành ĐPH hiện tại có số lượng SV khá đông do đó khối lượng công việc thực hiện khá lớn, nhiều áp lực cho NV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ NV, khảo sát nhu cầu và góp ý của các BLQ về vị trí việc làm của NV các phòng ban.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chí tuyển dụng nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ NV.	Phòng TC&HC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ NV của Nhà trường đã và đang được tuyển dụng theo đúng quy định chung của ĐHH và Nhà trường với những tiêu chí rõ ràng [H07.07.01.07], [H07.07.02.03], [H06.06.03.02], [H07.07.01.13]. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên các tiêu chí như trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm... Nhà trường đã xây dựng Quy định đánh giá phân loại đối với đơn vị, viên chức và người lao động thuộc Trường ĐHKH, ĐHH [H07.07.05.01], [H07.07.05.02]. Trong đó có các tiêu chí chung như: chính trị tư tưởng; đạo đức lối sống, tác phong, lễ lối làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật; kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Đồng thời có

các tiêu chí cụ thể cho xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Nhiệm vụ công việc được giao cho NV được chia thành nhiệm vụ chuyên môn (nhiệm vụ 1) và nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, tham gia các hoạt động do Trường, khoa và các nhiệm vụ khác (nhiệm vụ 2). Quy trình, tiêu chí đánh giá xếp loại viên chức và người lao động, bình xét thi đua khen thưởng được ban hành công khai, điều này được thể hiện qua các hướng dẫn đã được Nhà trường ban hành [H06.06.06.02], [H07.07.03.01], [H06.06.04.10], [H06.06.04.03], [H06.06.04.04]. Các đơn vị trong Trường tiến hành họp và báo cáo bằng văn bản về Hội đồng đánh giá phân loại và Hội đồng thi đua - khen thưởng của Nhà trường để từ đó Hội đồng họp ra quyết định công nhận thành tích của mỗi cá nhân và đơn vị [H07.07.05.09], [H07.07.05.10], [H06.06.04.08], [H06.06.02.06].

Để phát triển đội ngũ NV, Nhà trường ban hành các quy định cụ thể về năng lực của đội ngũ NV trong Đề án vị trí việc làm [H06.06.01.08], [H07.07.01.03], [H07.07.03.02]. Theo đó, đội ngũ NV của Nhà trường đều đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn [H07.07.03.03].

Năng lực của đội ngũ NV được đánh giá hàng năm trong hoạt động tổng kết, sơ kết học kỳ I, thi đua khen thưởng hàng năm học của đơn vị, diễn ra vào cuối mỗi năm học cùng với hoạt động tổng kết thi đua khen thưởng cho GV. Nhà trường đã ban hành quy định và hướng dẫn đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng hàng năm đối với đơn vị, viên chức, người lao động một cách cụ thể, bao gồm: nguyên tắc đánh giá, xếp loại; tiêu chí xếp loại; quy trình, thủ tục, biểu mẫu hồ sơ.

3.2. Thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

Đối với NV, tiêu chí xếp loại chất lượng được đánh giá dựa trên việc hoàn thành nhiệm vụ 1 là khối lượng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được Nhà trường và đơn vị phân công đảm nhận; nhiệm vụ 2 là việc bồi dưỡng chuyên môn, tham gia các hoạt động do Nhà trường và đơn vị tổ chức, các nhiệm vụ khác được Nhà trường và đơn vị điều động và việc chấp hành các chủ trương, chính sách, nội quy theo quy định. Việc đánh giá năng lực của NV được tiến hành theo trình tự NV tự đánh giá bản thân, đồng nghiệp góp ý nhận xét, cấp trên (Khoa và Nhà trường) đánh giá, xếp loại [H07.07.05.06], [H07.07.05.05], [H07.07.05.07].

Bên cạnh đó, sự hài lòng của các BLQ về đội ngũ NV cũng được đánh giá dựa trên khảo sát ý kiến của GV, chuyên viên và NH về thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban. Kết quả, 82-92% BLQ hài lòng về chất lượng phục vụ của đội ngũ NV [H08.08.05.12].

2. Điểm mạnh

Năng lực NV được xác định và đánh giá rõ ràng theo đúng trình tự và quy định để đảm bảo tính chính xác, khách quan. Trong giai đoạn từ 2018-2023, NV của Khoa Lịch sử luôn đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại ngành ĐPH thuộc Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH, cùng sử dụng chung một hệ thống đánh giá, thi đua khen thưởng với các đơn vị khác, do đó các tiêu chí đánh giá thi đua và khen thưởng đều ràng buộc dựa trên một quy định chung nhưng chưa được cụ thể hoá cho từng ngành đặc thù.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản về đánh giá, xếp loại, khen thưởng đối với đội ngũ NV, trong đó có chú ý đến tính đặc thù của các đơn vị.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ NV giỏi.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc.

Trường ĐHKH, ĐHH luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của NV theo kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường qua

từng giai đoạn [H07.07.04.01], [H07.07.04.02]. Hằng năm, thường là vào đầu mỗi năm học, Trường ĐHKH, ĐHH đều tổ chức họp, phân tích yêu cầu công việc, các NV đề xuất nhu cầu được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân. Sau đó, Khoa Lịch sử/ngành ĐPH phổ biến cho NV của Khoa về những kế hoạch nêu trên và tổng hợp đề xuất nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV của Khoa và gửi về Nhà trường. Sau khi tổng hợp nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị, Nhà trường sẽ ra thông báo về thời gian và chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV.

4.2. Có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Các đơn vị, trong đó có Khoa Lịch sử gửi danh sách đăng ký tham dự tập huấn cho Nhà trường thông qua Phòng TC&HC. Tiếp theo đó, Nhà trường ra quyết định cử NV đi bồi dưỡng [H07.07.04.03], [H07.07.04.04], [H07.07.04.05], [H07.07.04.06], [H07.07.04.07], [H07.07.04.08], [H07.07.04.09], [H07.07.04.10], [H07.07.04.11], [H07.07.04.12], [H07.07.04.13], [H07.07.04.14]. Trong quá trình tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, NV chủ động sắp xếp thời gian để vừa học tập vừa hoàn thành công việc chuyên môn, đồng thời được hưởng 100% tiền lương và các khoản phụ cấp khác nếu có [H07.07.04.15], [H07.07.04.16], [H07.07.04.17].

4.3. Triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Bên cạnh việc tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV các phòng ban và Trung tâm TT&TV theo kế hoạch chung của Nhà trường hằng năm, các NV còn chủ động tham gia các khóa học đào tạo chuyên môn, chuyên ngành, tin học ứng dụng, các khóa huấn luyện kỹ năng giảng dạy do Nhà trường liên kết với tổ chức bên ngoài thực hiện đào tạo và cấp chứng chỉ.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của VC và người lao động về công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và thi đua khen thưởng. Kết quả khảo sát cho thấy trên 88% cán bộ, GV và NV toàn Trường hài lòng về công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H06.06.06.15]. Riêng cán bộ, GV và NV Khoa Lịch sử có mức độ hài lòng về công tác này đạt 87,65% [H06.06.06.18].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV. Nhà trường luôn tạo điều kiện về thời gian cho NV học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV của Khoa và Nhà trường chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung nguồn kinh phí hợp lý cho việc phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV hàng năm.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, phát triển chuyên môn nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho NV tham gia.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc cũng như các hướng dẫn về đánh giá, thi đua, khen thưởng và công nhận thành tích của đội ngũ NV phù hợp với quy định chung của ĐHH [H07.07.05.01], [H07.07.05.02], [H07.07.05.03], [H06.06.06.02], [H06.06.04.10], [H06.06.04.03], [H06.06.04.04], [H07.07.05.04]. Theo quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động; cụ thể đối với NV, định mức thời gian làm việc quy

đổi trong một năm là 1.760 giờ hành chính, trong đó nhiệm vụ 1 là 1.650 giờ và nhiệm vụ 2 là 110 giờ. Cũng theo quy định, việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc, bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng của NV do Trường đơn vị quản lý chịu trách nhiệm. Đồng thời quy định rõ các điều kiện cần và đủ để đánh giá mức độ đạt được là hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ [H07.07.05.05].

5.2. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

Cụ thể, Khoa Lịch sử và các đơn vị trong Nhà trường đã thực hiện việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của NV dựa trên đề án mô tả vị trí việc làm và phương thức thực hiện công việc hàng tuần của Nhà trường và Khoa. Việc giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV của Trường ĐHKH, ĐHH được thực hiện nghiêm túc thông qua sự đánh giá của Trưởng Khoa và Trưởng các phòng ban chức năng thực hiện quản lý trực tiếp đối với NV.

Kết quả bình xét được chuyển lên Hội đồng đánh giá phân loại của Nhà trường để đánh giá [H07.07.05.06], [H07.07.05.05], [H07.07.05.07], [H07.07.05.08], [H07.07.05.09], [H07.07.05.10], [H06.06.04.08]. Kết quả đánh giá NV giai đoạn 2018 - 2022 cho thấy 100% NV của Trường được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỉ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong khoảng từ 9,3% đến 19,3%. Kết quả xếp loại NV của Khoa Lịch sử từ 2018 đến nay đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

5.3. Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động của toàn thể cán bộ GV và NV của Trường ĐHKH, ĐHH đều xác định rõ nội dung và mục tiêu công việc phù hợp với vị trí của mình đã được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H07.07.01.03], [H06.06.01.08]. Trưởng các đơn vị phân công nhiệm vụ cho NV thuộc đơn vị mình quản lý và xây dựng các kế hoạch công tác hằng năm [H07.07.05.11], [H07.07.05.12], [H07.07.05.13], [H07.07.05.14], [H07.07.05.15], [H07.07.05.16], [H09.09.03.10], [H07.07.05.17], [H07.07.05.18], [H07.07.05.19]. Căn cứ vào phân công nhiệm vụ và kế hoạch công tác hằng năm, NV cụ thể hóa tiến độ, thời gian hoàn thành và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành tốt

công việc được giao. Đây là cơ sở để NV chủ động thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời Trưởng đơn vị thuận lợi trong việc theo dõi, giám sát hiệu quả thực hiện công việc của cán bộ, NV trong đơn vị.

Vào cuối mỗi năm học, Khoa Lịch sử và các phòng chức năng của Nhà trường đều tổ chức họp tổng kết đơn vị, thực hiện đánh giá kết quả thực hiện công việc của đội ngũ NV đang quản lý theo quy định và tiến hành bình xét thi đua, khen thưởng theo các tiêu chí và quy trình do Trường ĐHKH, ĐHH quy định, sau đó chuyển kết quả lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Nhà trường để tiếp tục phân loại, đánh giá và đưa ra quyết định cuối cùng. Nhiều cán bộ trong Khoa được khen thưởng với các hình thức khác nhau như Giấy khen của Hiệu trưởng, Giấy khen của Ban chấp hành Công đoàn Trường... [H07.07.05.20] [H07.07.05.08] [H07.07.05.09] [H07.07.05.10] [H06.06.04.08] [H07.07.05.21]. Qua đó, chứng tỏ đội ngũ NV của Nhà trường nói chung và của Khoa nói riêng luôn có kế hoạch cụ thể để thực hiện và hoàn thành các công việc được giao theo đảm bảo đúng tiến độ quy định.

5.4. Tất cả nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

Việc xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với Quy định đánh giá, xếp loại viên chức cũng như Quy định bình xét thi đua khen thưởng luôn được Nhà trường gửi Bản dự thảo về các đơn vị trực thuộc để các đơn vị triển khai đến tất cả NV của đơn vị tham gia góp ý kiến [H07.07.05.22]. Điều này được thể hiện thông qua các văn bản tổng hợp góp ý từ các đơn vị [H07.07.05.23].

5.5. Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Những NV hoàn thành tốt và xuất sắc công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng như: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen, Bằng khen các cấp [H07.07.05.08], [H07.07.05.09], [H07.07.05.10], [H06.06.04.08], [H07.07.05.21], [H07.07.05.24], [H06.06.02.06]. Theo đó, đối với bình xét các danh hiệu thi đua, tỉ lệ NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến giai đoạn 2018 - 2022 trong khoảng từ 90% đến 100%, trong đó số lượng đạt Chiến sỹ thi đua cơ sở trong khoảng từ 5% đến 8,3%. Ngoài ra, Nhà trường còn ghi nhận và có những khen thưởng, động viên kịp thời đối với các cán bộ NV có thành tích xuất sắc trong những dịp đặc biệt [H07.07.01.26], [H07.07.03.03]. Kết quả đánh giá, xếp loại và thi đua khen thưởng hằng

năm của Nhà trường luôn được công bố công khai trên các phương tiện thông tin của Nhà trường. Tính đến thời điểm hiện nay, Ban chủ nhiệm Khoa và Ban chấp hành Công đoàn Khoa Lịch sử chưa nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi nào của NV về việc không đồng ý với kết quả đánh giá phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, viên chức và người lao động hài lòng với công tác thi đua, khen thưởng của Nhà trường. Điều này cho thấy sự khách quan, công bằng trong kết quả đánh giá, phân loại, đặc biệt là việc bình xét và công nhận các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với NV của Khoa Lịch sử, Nhà trường và các cấp có thẩm quyền đối với hiệu quả công việc đã đạt được của NV trong năm học [H06.06.06.15], [H06.06.06.18].

Mức độ hài lòng của NV toàn Trường về công tác thi đua khen thưởng đạt 92% [H06.06.06.15], NV Khoa Lịch sử có mức độ hài lòng đạt 92,11% [H06.06.06.18].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng đối với đội ngũ NV hàng năm có tiêu chí, quy trình rõ ràng, công khai minh bạch đã tạo động lực cho đội ngũ NV thực hiện tốt nhiệm vụ, hỗ trợ cán bộ, GV và SV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Khối lượng làm việc của NV và các trợ lý của ngành ĐPH có đông SV tương đối nhiều, dẫn đến gây áp lực công việc nhưng Nhà trường chưa có chính sách hỗ trợ, động viên tương xứng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Có những chính sách hỗ trợ phù hợp cho đội ngũ NV và các trợ lý đối với các khoa có số lượng SV đông.	Phòng TC&HC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản trị theo kết quả công việc nhằm động viên, khuyến khích đội ngũ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Khoa Lịch sử	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ NV của ngành ĐPH học nói riêng và của Trường ĐHKH, ĐHH nói chung đảm bảo về số lượng và chất lượng. Các NV đều có năng lực chuyên môn để thực hiện tốt nhiệm vụ, trách nhiệm của mình trong hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ NV đã được Nhà trường tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo các tiêu chí được xác định rõ ràng và được công bố công khai. Trường ĐHKH, ĐHH và ngành ĐPH đã luôn tạo điều kiện tốt để khuyến khích đội ngũ NV thực hiện việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được Nhà trường và ngành ĐPH học triển khai tốt nên đã tạo động lực cho đội ngũ NV thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, cần tăng kinh phí và tổ chức nhiều các khóa học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV toàn Trường.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 7.1					x			4.60	5	100.00
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5					x					

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Xuyên suốt từ khi mở ngành ĐPH đến nay, Nhà trường cùng Khoa Lịch sử đã xây dựng một chính sách tuyển sinh cho ngành ĐPH một cách rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng; ngành ĐPH, Khoa Lịch sử xác định NH là trung tâm của quá trình đào tạo. Do vậy, NH khi trúng tuyển vào ngành ĐPH được tham gia vào tất cả các khâu trong việc thực hiện tiến trình học tập phù hợp với năng lực tài chính và quỹ thời gian của mình.

Nhà trường và Khoa đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để NH có thể học tập, rèn luyện sức khỏe tốt, cũng như rèn luyện các kỹ năng mềm, thông qua việc tổ chức các chương trình, hoạt động ngoại khóa, các CLB, tổ chức các giải thi đấu

thể thao, các cuộc thi văn nghệ, các buổi giao lưu với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm cho SV. Nhà trường và Khoa luôn xác định việc hỗ trợ NH là một trong những hoạt động quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cũng như khẳng định uy tín của Nhà trường và Khoa.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Trường ĐHKH, ĐHH luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh cho tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành ĐPH. Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của ngành ĐPH nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT tại các văn bản quy định về Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT [H08.08.01.01], [H08.08.01.02], [H08.08.01.03].

Các chính sách và quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố rõ ràng, chi tiết và đúng theo các quy định hiện hành; đồng thời cũng được thường xuyên cập nhật thông qua Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường [H08.08.01.04], [H08.08.01.05], [H08.08.01.06], [H08.08.01.07], [H08.08.01.08], [H08.08.01.09], [H08.08.01.10].

1.2. Công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...).

Các chính sách và quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố rõ ràng, chi tiết và đúng theo các quy định hiện hành [H08.08.01.06]. Các thông tin chi tiết về chính sách tuyển sinh của ngành ĐPH được công bố công khai trên trang web của ĐHH tại địa chỉ <http://tuyensinh.hueuni.edu.vn/>, trên website của Trường ĐHKH, ĐHH tại địa chỉ <https://tuyensinh.husc.edu.vn/> và trên trang web của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử tại địa chỉ <http://husc.hueuni.edu.vn/khoasu/index.php> [H08.08.01.11]. Bên cạnh đó, các thông tin này còn được công bố công khai trong các tờ rơi quảng bá tuyển sinh do Nhà trường và ngành ĐPH phát cho thí sinh, phụ huynh và những người quan tâm nắm rõ thông tin tại các đợt tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh. Thông tin tuyển sinh cũng được đăng tải công khai trên internet thông qua mạng xã hội, website của Trường và Khoa [H08.08.01.12], [H08.08.01.13], [H08.08.01.14], [H08.08.01.07].

Bên cạnh Nhà trường, Khoa đã thành lập Nhóm quảng bá, tư vấn tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả của việc cung cấp thông tin và tư vấn cho NH [H08.08.01.15], [H08.08.01.16]. Nhà trường và ngành ĐPH đã tham gia hiệu quả vào các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐHH và Trường ĐHKH, ĐHH tổ chức. Hoạt động quảng bá, tư vấn tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp đã được ngành ĐPH lồng ghép một cách linh hoạt vào các hoạt động hướng nghiệp và các ngày hội Openday do Nhà trường phối hợp cùng với các Trường THPT tổ chức [H08.08.01.17], [H08.08.01.18].

1.3. Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.

Hàng năm, trên cơ sở tham khảo chính sách, chủ trương của Nhà nước, của địa phương và nhà tuyển dụng ngành ĐPH, Khoa đã phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực đào tạo ngành để đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội [H11.11.03.03], [H04.04.01.09].

Nhằm rà soát, xây dựng chính sách tuyển sinh hàng năm phù hợp với chủ trương chung của Bộ GD&ĐT, của ĐHH, Nhà trường và ngành ĐPH đã tham khảo ý kiến đóng góp của các BLQ, đặc biệt là các đơn vị đào tạo để đề xuất phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và các vấn đề liên quan khác phù hợp với nội lực của Nhà trường, có chính sách ưu đãi đối với SV theo học ngành ĐPH [H08.08.01.19], [H04.04.01.09], [H04.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành ĐPH được xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Các thông tin về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức tuyển sinh và tổ hợp các môn xét tuyển của ngành ĐPH được cập nhật và được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau. Có nhiều chính sách ưu đãi của riêng ngành học để thu hút thí sinh.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức quảng bá, tư vấn tuyển sinh của ngành học chưa thực sự đa dạng, phong phú và có hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện

1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các hoạt động quảng bá, tư vấn tuyển sinh phù hợp với tình hình hiện nay, đẩy mạnh công tác tuyển sinh thông qua các phương tiện truyền thông, đặc biệt là mạng xã hội: Facebook, TikTok.	Tổ Quảng bá tuyển sinh, Ngành ĐPH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn cập nhật những thay đổi liên quan đến chính sách tuyển sinh ngành ĐPH, tiến hành công khai chính sách tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau. Đẩy mạnh chính sách ưu đãi cho SV theo học ngành ĐPH.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH rõ ràng.

Quá trình tuyển sinh, tuyển chọn NH vào ngành ĐPH được thực hiện theo các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn rõ ràng. Cụ thể, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH vào hệ đào tạo đại học chính quy ngành ĐPH được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05/3/2012, Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 và Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ GD&ĐT về quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hệ chính quy [H08.08.02.01]. Các tiêu chí và phương pháp này được thể hiện rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHKH, ĐHH [H08.08.01.10], [H08.08.01.09], [H08.08.01.08]. Hàng năm, Nhà trường có tổ chức cuộc họp để xác định tiêu chí, phương pháp tuyển sinh của các ngành đào tạo đại học [H08.08.02.02], [H08.08.02.03], [H08.08.02.04], [H08.08.02.05], [H08.08.02.06].

Kỳ tuyển sinh các năm từ 2019 đến 2023, ngành ĐPH tuyển sinh theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, xét học bạ kết quả THPT ở các tổ hợp C00, C19, D01, D14 với điểm tối thiểu là 16 và tối đa là 18.5 [H08.08.01.07], [H08.08.01.11], [H08.08.02.07].

2.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá hàng năm.

Đề phù hợp với chính sách tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT, với tình hình thực tế, hàng năm Nhà trường đều rà soát, đánh giá kết quả tuyển sinh để xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH phù hợp [H08.08.02.03], [H08.08.02.04], [H08.08.02.05], [H08.08.02.06], [H08.08.02.08]. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường nói chung và ngành ĐPH nói riêng đều tổ chức họp tổng kết về công tác tuyển sinh [H08.08.02.09]. Những nội dung được đề cập, thảo luận trong các buổi họp tổng kết công tác tuyển sinh gồm: hoạt động tuyên truyền tuyển sinh, kết quả tuyển sinh của các ngành đào tạo, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh, chính sách về học bổng và các vấn đề liên quan khác [H08.08.02.10]. Đây là kênh thông tin hữu ích để Nhà trường xây dựng, điều chỉnh đề án tuyển sinh cho các năm học tiếp theo [H08.08.01.04].

Để có cơ sở lập kế hoạch và triển khai công tác tư vấn, tuyển truyền tuyển sinh có hiệu quả, Nhà trường đã tiến hành đề tài cấp cơ sở “Nghiên cứu đề xuất các phương thức tuyên truyền tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh tại Trường ĐHKH, ĐHH” [H06.06.06.04].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH nói chung và ngành ĐPH nói riêng có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn này được xác định theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và được rà soát, đánh giá hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến của các BLQ về phương pháp tuyển chọn đầu vào còn chưa nhận được sự nhiệt tình tham gia của doanh nghiệp, người sử dụng lao động.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tích cực liên hệ, kết nối để thu thập đầy đủ nhất các ý kiến khảo sát, phản hồi của các doanh nghiệp và các BLQ về phương pháp	Phòng ĐTDH&CTSV, Ngành ĐPH	Từ năm 2024

		tuyển chọn đầu vào, và đề ra các tiêu chí cụ thể để tuyển sinh.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành ĐPH theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHKH, ĐHH [H06.06.05.11], [H08.08.03.01], [H08.08.03.02], Quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐTDH&CTSV [H08.08.03.03], [H08.08.03.04]. Nhà trường đã phân công cho Phòng ĐTDH&CTSV phối hợp với Khoa thông qua các trợ lý khoa và các GV được phân công làm CVHT cùng các đơn vị có liên quan giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH. Theo đó, Phòng ĐTDH&CTSV tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, quản lý KQHT, khối lượng học tập của NH, lập kế hoạch thi, kế hoạch thực tập, tốt nghiệp...; phối hợp với Khoa quản lý SV về các mặt rèn luyện, đời sống, sinh hoạt và chính trị tư tưởng. Khoa thông qua đội ngũ trợ lý và CVHT theo dõi, giám sát và hỗ trợ SV một cách thường xuyên, liên tục nhằm đạt KQHT và rèn luyện... Ngoài ra, hệ thống giám sát còn được thực hiện bởi Tổ Thanh tra - Pháp chế thuộc Phòng TC&HC với chức năng kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định của NH; Phòng KHCN&HTQT có chức năng quản lý và giám sát hoạt động NCKH của NH...

Trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của NH, Nhà trường và ngành ĐPH thường xuyên theo dõi và giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như KQHT, khối lượng học tập của NH. Việc giám sát này được thực hiện thông qua hệ thống giám sát của Trường và của Khoa. Hệ thống giám sát của Trường được thực hiện thông qua

Trang thông tin đào tạo đại học dưới sự quản lý, giám sát của Phòng ĐTĐH&CTSV, tất cả thông tin của NH về học tập và rèn luyện đều dễ dàng theo dõi mọi nơi, mọi thời điểm trên cổng Trang thông tin đào tạo đại học (<http://ums.husc.edu.vn/>). Hệ thống giám sát của Khoa được thực hiện thông qua Trợ lý đào tạo đại học, CVHT, Trợ lý CTSV&BDCLGD [H08.08.03.05].

3.2. Có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Việc giám sát, đánh giá NH được thực hiện dựa trên "Quy chế học vụ về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHKH, ĐHH" và các quy định điều chỉnh, bổ sung quy chế học vụ [H08.08.03.06] [H05.05.01.02] [H10.10.03.17] [H10.10.03.18], Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của SV chính quy của Trường ĐHKH, ĐHH [H08.08.03.07]. Trong Quy chế học vụ (Điều 20: Cảnh báo KQHT, buộc thôi học) có quy định rõ điều kiện SV bị cảnh báo học tập nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu tiên và đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo và các quy định về lý do bị buộc thôi học như bị cảnh báo KQHT 3 lần liên tiếp, đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ. Điều này giúp SV biết để lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm cải thiện KQHT của bản thân, cũng như tránh các trường hợp để bị buộc thôi học [H08.08.03.08]. Quy chế này hỗ trợ cho hệ thống trợ lý của ngành thực hiện tốt việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH [H08.08.03.09], [H08.08.03.10], [H08.08.03.11].

Hàng tháng, các lớp SV đều tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ. Trong các buổi sinh hoạt này, CVHT tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của SV, đồng thời qua đó động viên, nhắc nhở SV chú ý trong học tập và rèn luyện. Trên cơ sở KQHT của NH, Phòng ĐTĐH&CTSV đã tiến hành lập danh sách cảnh báo học vụ theo từng kỳ học và thông báo cho NH biết tình trạng học tập để từ đó có các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện KQHT. Ngoài KQHT, Nhà trường còn đánh giá SV ở khía cạnh rèn luyện đạo đức và các hoạt động khác thông qua bảng điểm đánh giá điểm rèn luyện hàng năm [H08.08.03.12], [H08.08.03.13].

3.3. Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học được thông tin cho từng SV, đăng tải trên Trang thông tin đào tạo đại học của Nhà trường. Trường có hệ thống

giám sát về sự tiến bộ của NH trong học tập thông qua hệ thống quản lý đào tạo và CVHT. Việc giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập được thực hiện sau mỗi học kỳ, Phòng ĐTDH&CTSV sẽ tổng hợp dữ liệu và thông báo về khoa quản lý SV và CVHT. Dữ liệu về KQHT và rèn luyện của NH được Nhà trường cập nhật và thể hiện chi tiết, đầy đủ trong tài khoản của SV trên Trang thông tin đào tạo đại học (<https://ums.husc.edu.vn/>)

Về phía Khoa Lịch sử, tình hình tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện được theo dõi thông qua hệ thống trợ lý giáo vụ, trợ lý CTSV&BDCLGD, CVHT [H08.08.03.14], [H08.08.03.05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phù hợp giám sát kết quả học tập, khối lượng học tập và rèn luyện của SV trong suốt quá trình học tập. Kết quả giám sát được cập nhật thường xuyên trên Trang thông tin đào tạo đại học, giúp cho Nhà trường, Khoa và CVHT thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và hiệu quả việc giám sát sự tiến bộ về học tập, rèn luyện, của SV ngành ĐPH.

3. Điểm tồn tại

Chưa triển khai đánh giá kết quả rèn luyện của SV bằng phương thức online, nhằm đồng bộ hệ thống giám sát SV trên cùng một phần mềm, góp phần theo dõi sự tiến bộ của SV trong quá trình học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật và hoàn thiện phương thức cũng như biểu mẫu để thống nhất trong việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV bằng hình thức online, đồng bộ dữ liệu để theo dõi sự tiến bộ của SV.	Phòng ĐTDH&CTSV	Từ 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động giám sát của CVHT, Phòng ĐTDH&CTSV đối với sự tiến bộ về học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV ngành ĐPH.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

Nhằm nâng cao KQHT và khả năng tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp cho SV ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử đã thực hiện nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Nhà trường đã xác định nhiệm vụ của Phòng ĐTĐH&CTSV chủ trì cùng với các khoa, trực tiếp là đội ngũ CVHT tổ chức hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH; phối hợp với các đơn vị liên quan, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong quản lý, xét và đánh giá lưu trữ kết quả rèn luyện của SV [H06.06.05.11], [H08.08.03.01], [H08.08.03.02], [H08.08.04.01], [H08.08.03.03], [H08.08.03.01], [H08.08.03.04]. Cụ thể, trên cơ sở đề xuất của Ban Chủ nhiệm Khoa, Hiệu trưởng Nhà trường đã ra Quyết định cử CVHT cho các nhóm lớp [H08.08.04.02], [H08.08.04.03], [H08.08.04.04].

Khoa Lịch sử, cụ thể là hệ thống trợ lý và Liên chi đoàn Khoa, luôn chủ động kế hoạch và đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ cho SV về các vấn đề liên quan đến học tập, NCKH, định hướng nghề nghiệp như: tư vấn cho SV phương pháp học ở bậc đại học, phương pháp tự học và kỹ năng NCKH; kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tài liệu học tập; hướng dẫn cho SV hiểu biết về CTĐT của toàn khóa học, cách lựa chọn các học phần đăng ký của từng học kỳ; hướng dẫn SV về quy trình thủ tục, đăng ký học phần hoặc hủy đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập cá nhân cho từng học kỳ [H04.04.02.04]; trợ giúp SV trong việc lựa chọn nơi thực tập, lựa chọn đề tài tiểu luận, tốt nghiệp, đề tài NCKH phù hợp với năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của SV [H04.04.02.10], [H08.08.04.05]. Việc thành lập và đưa vào hoạt động của đội ngũ CVHT đã giúp SV rất nhiều trong việc xác định kế hoạch và phương pháp học tập phù hợp, từ đó giúp SV nâng cao khả năng học tập và rèn luyện để đạt được kết quả tốt [H08.08.01.19].

Bên cạnh đó, GV ngành ĐPH khuyến khích SV tham gia các hoạt động ngoại khóa do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức nhằm tạo cho SV có thêm môi trường sinh hoạt tích cực và bổ ích, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động. Giúp cho NH có thêm các sân chơi hướng đến cộng đồng và xã hội. [H04.04.02.14], [H04.04.02.11], [H04.04.02.12], [H08.08.05.05], [H08.08.05.06], [H08.08.05.05].

4.2. Có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Thế mạnh của Trường ĐHKH, ĐHH và ngành Đông phương học đó là có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ SV trong việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp mà đơn vị kết nối là Đoàn thanh niên của Khoa và Tổ quan hệ doanh nghiệp & khởi nghiệp SV thuộc Trường ĐHKH, ĐHH [H08.08.04.06]. Nhà trường đã tổ chức Ngày hội việc làm cho SV [H08.08.04.07], [H08.08.04.08], riêng ngành ĐPH đã thực hiện các lớp tập huấn định hướng nghề nghiệp, giúp SV có thêm các kiến thức cũng như kỹ năng về định hướng việc làm, chuẩn bị tốt các yêu cầu của công việc tương lai [H04.04.02.04], [H08.08.04.09]. Ngoài ra, ngành ĐPH, Khoa Lịch sử thường xuyên tổ chức các buổi định hướng nghề nghiệp cho SV với sự tham gia của đại diện lãnh đạo các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực có tuyển dụng nhân sự ngành, đồng thời luôn thông tin, giới thiệu việc làm cho SV đã ra trường. Các hoạt động này đã làm tăng khả năng có việc làm của SV ngành ĐPH ngay khi đang còn theo học ở Trường, đặc biệt với sự hỗ trợ tìm kiếm việc làm từ cán bộ, GV mà nòng cốt là Liên chi đoàn Khoa Lịch sử và toàn thể CB, GV Khoa Lịch sử [H04.04.01.09], [H08.08.04.10] [H08.08.04.11].

4.3. Có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Nhà trường có kế hoạch triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác hằng năm [H08.08.04.12], [H08.08.04.13], [H08.08.04.14], [H08.08.04.15], [H08.08.04.16]. Đồng thời, CVHT cũng trực tiếp tổ chức và tư vấn về hoạt động học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, việc làm cho SV thuộc từng CTĐT theo chức năng nhiệm vụ của mình [H08.08.04.17], [H08.08.04.18].

Ngành ĐPH luôn quan tâm kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH [H08.08.04.19]. Liên chi đoàn Khoa Lịch sử được xem là nòng cốt

triển khai các hoạt động hỗ trợ nêu trên, ngoài ra SV ngành ĐPH thường xuyên tham gia các buổi tham quan, các cuộc thi được tổ chức bởi CLB Sử học. Đây là CLB do Liên chi đoàn Khoa thành lập với mục đích tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo sân chơi cũng như hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập và rèn luyện để đạt được kết quả tốt [H08.08.04.20], [H08.08.04.21].

Để giúp SV, đặc biệt là SV mới nhập học có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Khoa Lịch sử và ngành ĐPH thường niên tổ chức Hội nghị "Kinh nghiệm học đại học và NCKH", Hội nghị "Định hướng nghề nghiệp", "Ngày hội Đông phương", góp phần nâng cao hiệu quả học tập của SV. [H04.04.02.12], [H04.04.02.04], [H04.04.01.10], [H08.08.04.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong Tuần sinh hoạt công dân - học sinh, SV đầu năm học [H08.08.05.07], [H08.08.05.08], [H08.08.05.09], [H04.04.01.08].

4.4. Có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH (liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm, ...).

Trong quá trình học tập tại Trường, trên cơ sở kế hoạch học tập của năm học, Bộ môn đã liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực ĐPH để tổ chức cho SV đi thực tập thực tế thông qua các đợt tiếp cận nghề, thực tế nghề, thực tập tốt nghiệp để nâng cao tay nghề và kiến thức chuyên môn [H04.04.03.03]. Thời gian đi thực tập được triển khai hằng năm, phân bổ phù hợp trong chương trình học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GV nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn [H04.04.01.09]. Các GV tham gia hướng dẫn SV thực tập là những cán bộ GV có chuyên môn sâu, có nhiều kinh nghiệm thực hành, quản lý SV và mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ sở tiếp nhận SV đến thực tập. Bên cạnh đó, trong các đợt thực tập, SV luôn được đại diện của các cơ sở tiếp nhận giới thiệu về cơ cấu tổ chức, hoạt động và vị trí việc làm mà SV ngành ĐPH có thể tham gia thi tuyển. Các hoạt động này đã góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thực tế của SV từ đó nâng cao KQHT và khả năng tìm kiếm việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H08.08.04.11], [H03.03.01.20].

4.5. Ít nhất 75% số NH, NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

Bằng những hoạt động cụ thể trên, kết quả là SVTN ngành ĐPH có việc làm đạt tỉ lệ cao và đa số làm việc đúng và liên quan ngành nghề được đào tạo. Kết quả khảo sát tình hình SVTN ngành ĐPH có việc làm sau 12 tháng trong giai đoạn 2018 - 2022 đạt tỉ lệ 90,63%, tỉ lệ phản hồi khảo sát là 98,16%, mức độ hài lòng là 85,65% cho thấy sự đánh giá cao của SVTN đối với ngành ĐPH [H08.08.04.22], [H03.03.01.19], [H01.01.01.02].

Kết quả kết quả khảo sát NH về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho thấy, có 90,02% NH đánh giá cao về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H08.08.04.23]. Bên cạnh đó, NH năm cuối toàn Trường đánh giá mức độ hài lòng về hoạt động quản lý và dịch hỗ trợ đạt 88% [H10.10.01.05], riêng NH năm cuối ngành ĐPH đạt 89,80% [H01.01.01.02].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH và ngành ĐPH đã thực hiện nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các hoạt động thi đua và tư vấn hỗ trợ, giúp SV đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện và đặc biệt là gia tăng cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn thụ động trong việc tham gia các hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động thi đua và các hoạt động hỗ trợ khác nhằm nâng cao tính chủ động trong học tập và khả năng có việc làm của NH.	Ngành ĐPH	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức ngày hội việc làm và các buổi định hướng nghề nghiệp cho SV một cách thường xuyên.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Về tổng thể, Trường ĐHKH, ĐHH có đầy đủ các phòng chức năng, phòng học cùng hệ thống sân vườn, cảnh quan hoàn chỉnh. Các khối phòng học ngày càng được nâng cấp, chỉnh trang không gian và các trang thiết bị đảm bảo môi trường thân thiện, thoải mái dành cho SV học tập. Các phòng học lý thuyết và Bảo tàng Khoa Lịch sử được đầu tư ngày càng hoàn thiện, đáp ứng được nhu cầu học tập và trải nghiệm thực tế [H08.08.05.01], [H08.08.05.02], [H08.08.05.03]. Ngoài Trung tâm TT&TV của Nhà trường, phòng tư liệu Khoa Lịch sử phục vụ học liệu cho ngành ĐPH luôn được đầu tư [H09.09.02.01]. Khuôn viên Nhà trường bao gồm hệ thống phòng học và cảnh quan hàng năm được đầu tư, cải tạo và nâng cấp tốt hơn, tạo không gian thư giãn và các hoạt động sinh hoạt khác cho SV. Các phòng học, giảng đường được trang bị hệ thống kỹ thuật như máy chiếu, màn hình tivi, hệ thống ánh sáng, quạt mát, âm thanh, một số phòng được trang bị điều hòa tạo nên các không gian học tập thoáng đãng, mát mẻ tạo tâm lý thoải mái nhất cho việc học tập, giảng dạy cũng như NCKH của cán bộ GV và SV [H08.08.05.04].

Các tân SV được Trường chào đón bằng buổi lễ long trọng nhằm tạo tâm lý tích cực cho các em SV hoà nhập vào môi trường học tập mới [H08.08.05.05], [H08.08.05.06], [H08.08.05.05]. Các buổi sinh hoạt công dân đầu khoá sẽ giúp tân SV nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ và ý thức trách nhiệm của công dân [H08.08.05.07], [H08.08.05.08], [H08.08.05.09], [H04.04.01.08]. Hoạt động đoàn hội: mùa hè xanh, hoạt động giúp đỡ cộng đồng, hiến máu, phong trào thể thao, văn nghệ... giúp SV giao lưu học tập và nâng cao kỹ năng sống [H08.08.05.05], [H08.08.05.06], [H08.08.05.05].

5.2. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn CSGD.

Nhà trường đã tập huấn hướng dẫn thông tin an toàn, an ninh trường học cùng với những hướng dẫn và tập huấn phòng chống cháy nổ, PCCC và cứu hộ cứu nạn tại cơ sở cho cán bộ, GV và SV [H08.08.05.10], [H08.08.05.11]. Việc ký kết và đảm bảo

các quyền lợi và nghĩa vụ của hợp đồng bảo hiểm cũng như những hợp tác với các đơn vị chuyên trách đã được Nhà trường thực hiện đầy đủ [H08.08.05.12], [H08.08.05.13], [H08.08.05.04]; đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh và thu gom rác thải với đơn vị chuyên nghiệp [H08.08.05.14], [H08.08.05.15].

Để nâng cao sức khỏe, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn CSDG, Nhà trường đã đầu tư và thường xuyên nâng cấp các khu vui chơi, giải trí như: sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng bàn, phòng tập khiêu vũ, văn nghệ... [H08.08.05.16].

Nhà trường đảm bảo và duy trì đội ngũ nhân viên y tế luôn túc trực, bao gồm phòng y tế, thuốc men và các các CSVC hỗ trợ, thăm khám kịp thời, phục vụ tốt nhất cho SV [H07.07.05.17]. Các hoạt động y tế học đường theo quy định đã được Nhà trường triển khai hằng năm, kết hợp với các cơ sở y tế địa phương nhằm đảm bảo điều kiện y tế cho việc hỗ trợ, tư vấn sức khỏe, tâm lý cho SV. Ngoài ra, Nhà trường đã thực hiện hợp đồng với các cơ sở y tế để tổ chức khám sức khỏe định kỳ đảm bảo quyền lợi và các lợi ích khác cho SV của các khóa học mới, cũng như triển khai hợp đồng mua bảo hiểm tai nạn cho SV hàng năm [H08.08.05.17], [H08.08.05.18], [H08.08.05.19], [H08.08.05.20].

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường đã đưa ra những quyết định, các cách thức xử lý kịp thời để hỗ trợ và tạo điều kiện cho những SV có hoàn cảnh khó khăn, cũng như thay đổi thích ứng cách thức dạy học từ trực tiếp chuyển sang hình thức trực tuyến để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong cả nước. [H08.08.05.21], [H08.08.05.22], [H08.08.05.23], [H08.08.05.24], [H04.04.02.13].

Ngoài ra, Trung tâm TT&TV của Nhà trường luôn được cải tạo, nâng cấp [H08.08.05.03]. Phòng đọc được trang bị điều hòa tạo nên các không gian học tập thoáng đãng, mát mẻ tạo tâm lý thoải mái nhất cho việc học tập, giảng dạy cũng như NCKH của GV và SV [H08.08.05.03].

5.3. Có khảo sát/lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong CSGD.

Nhà trường định kỳ thực hiện khảo sát cán bộ và NH về mức độ đáp ứng của CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban [H08.08.05.12], [H08.08.05.25], [H08.08.05.26], [H08.08.05.27]. Kết quả trong chu kỳ đánh giá cho thấy tất cả các cán bộ, GV và SV được khảo sát đều hài lòng từ 77-91%, riêng cán bộ

và NH ngành ĐPH đạt 86-88%. Mức độ hài lòng khảo sát đều có xu hướng tăng dần qua các năm, đối với ngành ĐPH, nhóm cán bộ tăng từ 81,65% lên 90,52%, trong khi nhóm NH tăng từ 85,60% lên 92,19% [H08.08.05.25].

Bên cạnh đó, thông qua các buổi đối thoại dân chủ, thẳng thắn giữa SV với cán bộ, GV và lãnh đạo Khoa đã giải đáp rõ những vướng mắc trong đào tạo, thông qua những hoạt động này đã tạo được môi trường thân thiện, kết nối chặt chẽ và đem lại tâm lý an tâm cho SV trong quá trình học tập tại Trường [H08.08.05.28], [H08.08.05.12], [H04.04.02.08], [H08.08.05.29], [H08.08.05.30], [H08.08.05.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường cũng như ngành ĐPH đã tạo nên một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tốt, với nhiều thuận lợi. SV có nhiều cơ hội để thể hiện bản thân, thể hiện cá tính nổi trội, năng động, sáng tạo và tiếng nói dân chủ trong môi trường học đường. SV được tiếp cận, tích lũy nhiều những kiến thức, kinh nghiệm và những trải nghiệm thông qua quá trình học tập và thực hành, thực tập thực tế, hữu ích cho công việc sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Các không gian sinh hoạt công cộng, không gian sinh hoạt nhóm chưa được đầu tư thích đáng và tạo sức thu hút đối với SV. Bộ phận chuyên trách thực hiện tư vấn tâm lý cho SV chưa hoạt động thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tạo nhiều không gian sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt nhóm cho SV. Bố trí bộ phận tư vấn, hỗ trợ tâm lý theo lịch cụ thể và thông báo rộng rãi cho NH được biết.	Phòng KHTC&CSVC, Phòng TC&HC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện và duy trì môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tốt để tạo sự thuận lợi và thoải mái nhất cho NH.	Phòng KHTC&CSVC	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của ĐHH, Trường ĐHKH, ĐHH luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và ĐHH. Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của ngành ĐPH học nói riêng luôn được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật kịp thời. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành ĐPH được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Trong hoạt động đào tạo, Khoa Lịch sử và Nhà trường luôn có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV. Nhà trường và Khoa có nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt các CLB, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện KQHT và tăng khả năng có việc làm của SV sau tốt nghiệp. Khuôn viên, diện tích, điều kiện CSVC của Nhà trường đã tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho NH trong hoạt động đào tạo và NCKH.

Bên cạnh đó vẫn còn một số điểm tồn tại đang được khắc phục như: các hình thức quảng bá, tư vấn tuyển sinh của ngành học chưa thực sự đa dạng, phong phú và có hiệu quả; việc thu thập ý kiến của các BLQ về phương pháp tuyển chọn đầu vào còn chưa nhận được sự nhiệt tình tham gia của doanh nghiệp, người sử dụng lao động, một số SV còn thụ động trong việc tham gia các hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm, các không gian sinh hoạt công cộng, không gian sinh hoạt nhóm chưa được đầu tư thích đáng và tạo sức thu hút đối với SV, bộ phận chuyên trách thực hiện tư vấn tâm lý cho SV chưa hoạt động thường xuyên.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.1				x				4.20	5	100.00
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

CSVCS có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả đào tạo của ngành ĐPH, bởi đây là ngành cần nhiều học liệu, học cụ phục vụ công tác đào tạo. Xác định được tầm quan trọng của vấn đề này, Nhà trường và ngành ĐPH, Khoa Lịch sử luôn đảm bảo các điều kiện về CSVCS và trang thiết bị để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng trưng bày hiện vật, phòng tư liệu Khoa và các phòng chức năng khác mà Khoa hiện có, đang được sử dụng trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu.

Bên cạnh sự đầu tư từ ngân sách Nhà nước theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa cũng luôn chủ động xây dựng, tìm kiếm dự án để bổ sung, hiện đại hóa CSVCS phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Công tác quản lý, sử dụng học liệu, học cụ và phòng trưng bày hiện vật, phòng tư liệu Khoa luôn được chú trọng, đi vào nề nếp, khai thác và sử dụng có hiệu quả.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trường ĐHKH, ĐHH tọa lạc ngay trung tâm Thành phố Huế, tổng diện tích đất Nhà trường quản lý sử dụng là 35.500m². Với tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác là 26.500m². Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng máy tính, xuồng thực tập với các trang thiết bị phù hợp, phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của cán bộ, GV và SV. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng tại Trường ĐHKH, ĐHH đảm bảo phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các đơn vị [H09.09.01.01], [H09.09.01.02], [H09.09.01.03]. Với 93 phòng học từ 50 đến 200 chỗ và tất cả đều được trang bị máy chiếu hoặc màn hình tivi cố định cùng với hệ thống ánh sáng, quạt mát đầy đủ đáp ứng số lượng NH hiện có [H09.09.01.02] [H09.09.01.03].

Tổng diện tích phòng học là 10.748 m² với tỉ số diện tích phòng học trên NH chính quy của Nhà trường là 2,23 (10.748/4814) đảm bảo tỉ lệ theo quy định.

Trung tâm TT&TV bao gồm phòng chung, phòng đọc chung, phòng đọc GV và phòng tài liệu tiếng nước ngoài, tài liệu hạn chế có tổng diện tích là 1.238m², với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu của cán bộ, GV, SV và học viên [H09.09.01.04], [H09.09.01.05].

Ngoài ra, Nhà trường còn có một số cơ sở hạ tầng kỹ thuật, CSVC sử dụng chung với các trường đại học thành viên của ĐHH, như Trung tâm Phục vụ SV, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khu giáo dục thể chất ở Khoa Giáo dục Thể chất có diện tích hàng nghìn m² với nhà thi đấu đa năng, sân vận động và các sân bóng chuyên, bóng rổ, sân tennis, bể bơi, đường chạy... phục vụ hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí và giáo dục thể chất cho SV của ĐHH.

Ngoài những khu vực sử dụng chung, Khoa Lịch sử được Nhà trường bố trí khu vực làm việc (166m²) và học tập riêng (122m²) tại tầng 3 dãy nhà A. Toàn bộ khu vực này được sử dụng với hiệu suất tối đa gồm: phòng làm việc, phòng trưng bày hiện vật; phòng họp - đa chức năng và phòng lưu trữ tư liệu phục vụ học tập, phòng họp và phòng trưng bày hiện vật còn được sử dụng để làm phòng học với quy mô từ 30 SV trở xuống. [H09.09.01.06], [H09.09.01.07].

1.2. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT.

Để đảm bảo hiệu quả việc dạy và học, Nhà trường có kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị hàng năm [H09.09.01.08], [H09.09.01.09], [H09.09.01.10], [H09.09.01.03], [H09.09.01.11], [H09.09.01.12], [H09.09.01.13], [H09.09.01.14]. Các thiết bị cùng hệ thống phòng ốc được nâng cấp, cập nhật kịp thời, đáp ứng nhu cầu NH và phù hợp với sự phát triển của công nghệ và xã hội [H09.09.01.10], [H09.09.04.02], [H09.09.01.03]. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch mua sắm thiết bị, hóa chất, xây dựng sửa chữa cho phù hợp với từng giai đoạn với ngân sách hợp lý. Nguồn kinh phí dành cho đầu tư CSVC và trang thiết bị được phân bổ và quản lý chặt chẽ [H09.09.01.12]. Nhà trường thường xuyên thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng để đảm bảo kho

gian NH luôn rộng rãi, thoáng đãng, tạo điều kiện cho NH phát triển [H09.09.01.15] [H09.09.01.02] [H09.09.01.03].

Về phòng làm việc: Khoa Lịch sử được bố trí tầng 3 dãy nhà A, bao gồm phòng Văn phòng khoa kiêm phòng làm việc của Bab chủ nhiệm Khoa, 01 phòng lớn cho 03 bộ môn trực thuộc Khoa, 01 phòng họp, 01 phòng tư liệu và 01 phòng trưng bày hiện vật (bảo tàng) [H09.09.01.16]. Phòng họp được trang bị đầy đủ hệ thống máy chiếu, tivi thông minh và hệ thống CSVC đầy đủ phục vụ nhu cầu làm việc. Phòng trưng bày được thiết kế hiện đại với nhiều hiện vật phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy và học tập [H09.09.01.06].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng bảo tàng; phòng họp - đa chức năng và phòng lưu trữ tư liệu phục vụ học tập, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, máy móc đảm bảo chất lượng, phù hợp với yêu cầu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Cần thêm không gian để đáp ứng hơn nữa nhu cầu lưu trữ hiện vật phục vụ cho công tác đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Sắp xếp không gian trưng bày hiện vật hợp lý phục vụ cho công tác đào tạo ngành ĐPH	Phòng KHTC&CSVC	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sự phối hợp giữa Khoa và Nhà trường để sử dụng hiệu quả CSVC sẵn có, cũng như đầu tư thêm kịp thời các trang thiết bị.	Phòng KHTC&CSVC	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.

Nhà trường có Trung tâm TT&TV gồm 1 tòa nhà 4 tầng, diện tích sử dụng 1.660m², bao gồm đầy đủ các phòng làm việc, phòng mượn, kho tài liệu, phòng đọc, phòng học phục vụ tốt hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV [H09.09.02.01], [H08.08.05.03], [H09.09.02.02]. Thư viện có nguồn tài liệu phục vụ các CTĐT của Nhà trường [H09.09.02.03], [H09.09.02.04], [H09.09.02.05], [H09.09.02.06]. Trong đó có 1.337 đầu sách thuộc ngành ĐPH, tại Khoa Lịch sử có 103 đầu sách thuộc ngành này.

Ngành ĐPH, Khoa Lịch sử được trang bị hệ thống CSVC phục vụ CTĐT của chuyên ngành với phòng trưng bày hiện vật, phòng tư liệu Khoa, phòng đọc và không gian "check in" cho NH [H09.09.01.06]

2.2. Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn, được trang bị các trang thiết bị để hoạt động.

Nhằm quản lý và khai thác sử dụng thư viện đạt hiệu quả cao, Trung tâm TT&TV đã xây dựng nội quy, quy định của thư viện, có các pano hướng dẫn cách tra cứu tài liệu, cách sử dụng thư viện điện tử một cách khoa học, hợp lý [H09.09.02.06], [H09.09.02.07], [H09.09.02.07].

Bên cạnh đó, Trung tâm TT&TV có phòng trưng bày truyền thống của Trường ĐHKH, ĐHH với nhiều hiện vật thể hiện rõ và chi tiết về quá trình hình thành và phát triển của Trường. Hệ thống phòng đọc được bày trí đẹp mắt, thoáng đãng và yên tĩnh, phù hợp cho môi trường học tập và làm việc. Hệ thống CSVC cũng được quan tâm đầu tư đầy đủ với bàn ghế, đèn, quạt... [H08.08.05.03], [H09.09.02.06], [H09.09.02.07], [H09.09.02.07].

Nhằm quản lý và khai thác sử dụng CSVC đạt hiệu quả cao, phòng tư liệu và phòng trưng bày hiện vật thuộc ngành ĐPH, Khoa Lịch sử đã xây dựng nội quy, quy định rõ ràng, có hướng dẫn cách tra cứu tài liệu, cách sử dụng hiện vật một cách khoa học, hợp lý [H09.09.02.08], [H09.09.01.06].

2.3. Có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Thư viện đảm bảo hàng ngàn đầu sách cho tất cả các ngành học của Nhà trường [H09.09.02.09], [H09.09.02.10]. Giáo trình và tài liệu đều đã được số hóa toàn bộ từ năm 2022 kèm theo hệ thống tra cứu trực tuyến và tải tài liệu trực tuyến, thuận lợi cho người đọc [H09.09.02.11].

Bên cạnh đó còn có các nguồn tư liệu khác bổ ích như các luận văn, báo cáo đề tài NCKH để SV tham khảo [H09.09.02.06], [H09.09.02.12], [H09.09.02.04], [H09.09.02.13], [H09.09.02.03].

Trang thông tin <http://lib.husc.edu.vn> của Trung tâm TT&TV tích hợp các cơ sở dữ liệu, Thư viện số, tài nguyên số bao gồm các bộ sưu tập số: bài báo khoa học, luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ, đề tài NCKH và sách (Sách chuyên khảo, bài giảng, giáo trình) đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH. Đồng thời là nơi kết nối với các thư viện và các trung tâm thông tin trong và ngoài nước [H09.09.02.04], [H09.09.02.06], [H09.09.02.11], [H09.09.02.13], [H09.09.02.03].

Trang thư viện số <http://husc.tailieu.vn> được Trung tâm TT&TV phối kết hợp với Công ty Tài liệu trực tuyến VINA xây dựng. Thư viện số cung cấp cho bạn đọc 5.370 nhan đề tài liệu tham khảo, đồng thời kết nối với hơn 1 triệu tài liệu của tailieu.vn và khai thác chung nguồn tài nguyên thư viện số với gần 100 trường đại học trong cả nước. Ngoài ra, cán bộ, GV, học viên và SV của Trường còn sử dụng nguồn tài liệu của Trung tâm Học liệu thuộc ĐHH. Trung tâm TT&TV cũng lưu trữ rất đầy đủ hệ thống ĐCCT các học phần của ngành ĐPH [H09.09.02.13], [H09.09.02.04], [H09.09.02.14] [H09.09.02.03].

Phòng tư liệu và phòng trưng bày hiện vật thuộc ngành ĐPH có tuồng đối đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo) bao gồm giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, sách tham khảo, luận văn, báo cáo đề tài NCKH. Ngoài ra còn có nguồn tư liệu hiện vật, trang phục của các quốc gia ở phương Đông phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của NH [H09.09.01.06], [H09.09.02.08].

2.4. Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Hàng năm, Trung tâm TT&TV đều có sự bổ sung thêm các đầu sách để tiếp tục đảm bảo tính cập nhật mới, phục vụ công tác học tập và làm việc [H09.09.02.12] [H09.09.02.11]. Nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng tốt hơn cho bạn đọc, Nhà trường đã đầu tư kinh phí hàng năm để bổ sung liên tục nguồn tài liệu phục vụ cho các ngành đào tạo của Trường [H09.09.02.15]. Danh mục, tài liệu, sách tham khảo được cập nhật hàng năm [H09.09.02.16], [H09.09.02.06], [H09.09.02.17], [H09.09.02.06], [H09.09.02.14], [H09.09.02.18], [H09.09.02.07]. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã đầu tư 314,433 triệu đồng cho mua tài liệu, giáo trình [H09.09.02.19]. Hàng năm, Nhà trường đầu tư khoảng 130 triệu đồng dùng để bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho các ngành đào tạo của Trường [H09.09.02.15].

Riêng ngành ĐPH, Khoa Lịch sử hàng năm, tài liệu và học liệu (cả bắt buộc lẫn tham khảo) đều được cập nhật và số hóa, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của SV và GV trong và ngoài Khoa. Ngành luôn luôn ưu tiên nguồn kinh phí cho công tác bổ sung tài liệu và học liệu [H09.09.02.20], [H09.09.02.08].

2.5. Có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trung tâm TT&TV luôn theo dõi và có thống kê về hoạt động của thư viện để từ đó có những phương hướng hoạt động cũng như những thay đổi theo chiều hướng tích cực, phù hợp với nhu cầu mới của khoa học và đào tạo [H09.09.02.11], [H09.09.02.21], [H09.09.02.22], [H09.09.02.23], [H09.09.02.24], [H09.09.02.25]. Ngoài ra, Nhà trường còn định kỳ tiến hành khảo sát ý kiến bạn đọc về mức độ đáp ứng của thư viện và có kết quả khảo sát khá tốt với đa số ý kiến đồng ý về cách thức hoạt động và CSVC của thư viện Nhà trường [H09.09.02.26], [H09.09.02.27], [H09.09.02.28], [H09.09.02.29]. Kết quả khảo sát bạn đọc ngành ĐPH cho thấy, 84,76% bạn đọc ngành này hài lòng với thư viện của Nhà trường.

Phòng tư liệu Khoa hiện có hàng trăm đầu sách với nhiều tư liệu phục vụ ngành ĐPH. Danh mục sách, khóa luận, niên luận được cập nhật hàng năm [H09.09.02.08]. Phòng tư liệu của Khoa có quy định về việc mượn, đọc tài liệu cụ thể; có đầy đủ bàn ghế, máy lạnh phục vụ cho SV trong học tập và nghiên cứu; có sổ ghi chép, theo dõi tình hình tại phòng tư liệu [H09.09.02.20], [H09.09.01.06].

2. Điểm mạnh

CSVC, trang thiết bị của Trung tâm TT&TV của Trường và phòng tư liệu Khoa đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV và SV. Nguồn học liệu phong phú và đa dạng, đáp ứng tương đối đầy đủ các ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Máy tính phục vụ cho việc tra cứu và học tập của SV tại Trung tâm TT&TV còn thiếu, mạng internet hoạt động chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng thêm kinh phí bổ sung nguồn tài liệu điện tử; đầu tư máy tính để phục vụ việc tra cứu, học tập của SV	Phòng KHTC&CSVC, Khoa Lịch sử	Từ năm 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung nguồn học liệu, chú trọng tài liệu số đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV và SV	Trung tâm TT&TV, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường có hệ thống phòng thực hành, thực tập với đầy đủ trang thiết bị phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV. Cụ thể, các phòng thực hành máy tính đặt tại tầng 4-5 Nhà E và tầng 2 nhà B, được trang bị đồng bộ máy tính, mạng internet, bàn ghế phục vụ tốt nhu cầu dạy học và thực hành cho SV [H09.09.03.01], [H09.09.03.02]. Tất cả các phòng thực hành máy tính đều được trang bị hệ thống ánh sáng và điều hoà, có nội quy sử dụng phù hợp [H08.08.05.12], [H09.09.02.29]. Tổng diện tích phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, xưởng thực tập là 6.010m², với 760 máy tính (dùng chung) [H09.09.03.03].

Hiện nay, ngành ĐPH sử dụng không gian phòng trung bày và phòng đa chức năng riêng để giảng dạy. Phòng Bộ môn của ngành ĐPH được kết hợp với tủ trung bày các hiện vật về ngành học [H09.09.03.04].

3.2. Các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Để đảm bảo hệ thống CSVC, trang thiết bị vận hành hiệu quả, quy định về mua sắm, sử dụng tài sản, theo dõi trình trạng sử dụng luôn được thực hiện để đảm bảo các trang thiết bị, máy móc luôn sẵn sàng vận hành phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, GV và SV [H09.09.03.05], [H09.09.03.06], [H09.09.01.10]. Các phòng học, phòng tư liệu, phòng trung bày luôn kiểm tra sau khi kết thúc sử dụng, nhanh chóng thay thế các bàn ghế, máy móc bị sự cố hoặc bị xuống cấp hư hỏng, riêng phòng trung bày còn được lắp camera giám sát hiện vật 24/24 [H09.09.01.10], [H09.09.01.09].

Bên cạnh đó hằng năm ngành ĐPH luôn có kế hoạch đề xuất mua sắm bổ sung các trang thiết bị, công cụ cho để đáp ứng tốt nhu cầu cho giảng dạy. [H09.09.03.04] [H09.09.01.06].

Định kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, NH về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị đáp ứng tốt [H09.09.03.07], [H09.09.03.08].

3.3. Có người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Phòng KHTC&CSVC là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường [H09.09.03.09]. Theo đó, Tổ Quản trị và CSVC có trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng, bảo dưỡng hệ thống CSVC cũng như phòng thực hành của Nhà trường. [H09.09.03.10].

Nhà trường đã triển khai hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, GV và SV về mức độ đáp ứng CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban chức năng để làm cơ sở đánh giá và có kế hoạch nâng cấp CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT [H08.08.05.25], [H08.08.05.12], [H08.08.05.26], [H08.08.05.27].

Định kỳ, Nhà trường đã tiến hành kiểm kê số lượng và chất lượng các trang thiết bị của các phòng thực hành, thí nghiệm để phân loại chất lượng của trang thiết bị dạy học [H09.09.03.11], [H09.09.03.12].

Hàng năm, cán bộ phụ trách phòng tư liệu, phòng trưng bày hiện vật đều có báo cáo tổng hợp về việc sử dụng CSVC, trang thiết bị, máy móc [H09.09.03.13]. Thông qua đó để đánh giá tính hiệu quả của phòng tư liệu, phòng trưng bày hiện vật đóng góp vào hoạt động dạy học và nghiên cứu của GV và SV; đồng thời đề xuất những thay đổi, bổ sung, nguồn tư liệu; sửa chữa, thay mới CSVC nhằm nâng cao hiệu quả của các phòng, đáp ứng nhu cầu của hoạt động dạy học và NCKH của GV và SV [H09.09.01.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Lịch sử có hệ thống phòng tư liệu, phòng trưng bày hiện vật với nhiều đầu sách, báo, tạp chí, học cụ cùng các trang thiết bị, máy móc hiện đại, đáp ứng tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, GV và SV ngành ĐPH.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp cận của SV với nguồn tư liệu hiện tại chưa đạt hiệu suất tối ưu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tạo điều kiện tối ưu để SV được tiếp cận nhiều hơn với nguồn học liệu trong việc học và nghiên cứu.	Trung tâm TT&TV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quản lý và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, nguồn học liệu của các phòng, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo.	Phòng KHTC&CSV, Trung tâm TT&TV, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường đã cho thành lập "Tổ ứng dụng CNTT thuộc Trường ĐHKH, ĐHH giai đoạn 2020 - 2025" [H09.09.04.01]. Tổ này chịu trách nhiệm tổ chức vận hành ổn định, an toàn hệ thống mạng thông tin đảm bảo hỗ trợ tốt cho các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Phòng KHTC&CSVC là đơn vị đầu mối, có chức năng trực tiếp việc lắp đặt, quản lý và bảo trì bảo dưỡng hệ thống máy móc, trang thiết bị điện tử từ máy chủ, máy tính, đầu phát wifi, camera an ninh, thiết bị mạng, đường truyền kết nối liên thông mạng LAN, đến hợp đồng cung cấp sử dụng internet nhằm đảm bảo hệ thống mạng của Nhà trường hoạt động hiệu quả [H08.08.03.01], [H09.09.04.02], [H09.09.04.03], [H09.09.04.04].

Để hỗ trợ người dùng khai thác hiệu quả, an toàn hệ thống CNTT, Nhà trường đã ban hành Quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong của Trường ĐHKH, ĐHH [H05.05.05.05]; có hướng dẫn, hỗ trợ người dùng khai thác, sử dụng hệ thống CNTT tại các vị trí phù hợp.

Ngoài việc đảm bảo về hệ thống máy móc, thiết bị điện tử phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu thì hiện nay Nhà trường đã cho triển khai và sử dụng các phần mềm để hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu cho GV, NH cũng như các hoạt động khác của Nhà trường [H09.09.04.05].

Hiện nay, Phòng thực hành của Trường luôn được sự quan tâm đầu tư thiết bị mới, hiện đại, được kết nối mạng nội bộ và nối mạng internet phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu [H09.09.04.02]. Năm 2021 đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật về hệ thống mạng LAN quang kết nối toàn bộ khu vực trong Trường cũng như đường truyền từ dịch vụ internet chất lượng cao và trang thiết bị do Nhà trường đầu tư đa số hiện đại, đạt chất lượng và hỗ trợ có hiệu quả cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy

[H09.09.04.02], [H09.09.04.03], [H09.09.04.04], [H09.09.04.05], [H09.09.04.06], [H09.09.04.07].

4.2. Hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hiện nay, phòng IDC server từ dự án năm 2007 đã được nâng cấp theo Dự án Bộ GD&ĐT năm 2021 và được hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu của công nghệ 4.0 [H08.08.05.02], [H09.09.04.02]. Theo đó, cơ sở hạ tầng kỹ thuật về hệ thống mạng LAN quang kết nối toàn bộ khu vực trong Trường cũng như đường truyền từ dịch vụ internet chất lượng cao đã được đầu tư và hiện đại hóa, đạt chất lượng và hỗ trợ có hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Sự đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật của hệ thống CNTT giúp GV và SV dễ dàng truy cập vào các trang học thuật khi làm việc tại Trường. Từ lâu, Nhà trường đã cung cấp đường truyền cáp quang và phủ sóng wifi toàn Trường tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu trên mạng của GV và SV để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H05.05.02.03], [H02.02.03.06].

GV và SV của Trường được cung cấp một tài khoản trên Trang thông tin đào tạo đại học để đăng nhập phục vụ công tác dạy và học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn cung cấp cho mỗi GV và SV địa chỉ email có tên miền là @husc.edu.vn để trao đổi, nhận các thông tin, tài khoản này có thể sử dụng giảng dạy trực tuyến trong các trường hợp cần thiết [H05.05.02.03].

4.3. Hệ thống công nghệ thông tin được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng và thực hiện các kế hoạch về mua sắm, sửa chữa trang thiết bị [H09.09.04.08], [H09.09.04.09], [H09.09.04.10]. Theo dõi tình hình hoạt động các của các thiết bị từng năm [H09.09.04.11], [H09.09.04.12], [H09.09.04.04].

Để đảm bảo hệ thống CNTT (các thiết bị máy móc và phần mềm) hoạt động ổn định, hỗ trợ tối đa cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của GV và NH thì Phòng KHTC&CSVC phân công nhiệm vụ cho Tổ CSVC; theo đó công việc chung của Tổ này là lên kế hoạch kiểm tra, sửa chữa, đề xuất phương án sửa chữa và thay thế các thiết bị không đáp ứng yêu cầu; phối hợp, sửa chữa, lắp đặt mới hệ thống mạng toàn Trường; phối hợp sửa chữa và thay thế các thiết bị văn phòng, máy in, máy photocopy, máy vi

tính, máy chiếu toàn Trường... [H09.09.04.13]. Hệ thống mạng truyền thông wifi cấp quang luôn được theo dõi để đảm bảo xử lý nhanh nhất khi có sự cố.

Để nâng cao việc ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động, mọi lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, Nhà trường đã thành lập Tổ ứng dụng CNTT, có nhiệm vụ xây dựng các phần mềm ứng dụng, nâng cấp và hỗ trợ cán bộ sử dụng có hiệu quả [H09.09.04.01]. Các phần mềm, các website luôn có đội ngũ cán bộ quản lý giám sát và theo dõi để bảo dưỡng và cập nhật kịp thời. [H09.09.04.14], [H09.09.04.15].

4.4. Có lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

Theo định kỳ, Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ và NH về mức độ đáp ứng CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ cán bộ phòng ban chức năng [H08.08.05.12], [H08.08.05.26], [H08.08.05.27]. Theo đó, BLQ đánh giá mức độ hài lòng với CSVC đạt trung bình 69-88%, riêng đối với cán bộ và NH ngành ĐPH hài lòng 82-87% [H08.08.05.25].

Kết quả khảo sát NH năm cuối về chất lượng toàn khóa học trong chu kỳ đánh giá có nội dung đánh giá về CSVC có mức độ hài lòng chung đạt 85% [H10.10.02.13], đối với NH ngành ĐPH có mức độ hài lòng đạt 86,25% [H01.01.01.02].

Nhà trường căn cứ kết quả khảo sát để lập kế hoạch đầu tư, trang bị, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu cán bộ và NH [H09.09.01.09], [H09.09.04.02], [H08.08.05.01].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT, hạ tầng kỹ thuật đi kèm được trang bị tốt và đầy đủ, phục vụ tốt cho nhu cầu sử dụng, tương tác của cán bộ, GV và SV Nhà trường trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống phát wifi chưa phủ sóng được toàn bộ các khu vực trong Trường, do đó vẫn còn một số khu vực sóng wifi còn yếu, hạn chế trong việc truy cập thông tin.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, lắp thêm điểm phát wifi, đảm bảo phủ sóng wifi đến toàn bộ các khu vực trong Trường.	Phòng KHTC&CSVC	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư, quản lý và sử dụng có hiệu quả hệ thống hạ tầng CNTT, hỗ trợ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, GV và SV.	Phòng KHTC&CSVC	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

Việc tạo lập một môi trường đào tạo lành mạnh, đáp ứng được sức khỏe và đảm bảo tính an toàn trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu của NH đã được Nhà trường luôn quan tâm, coi trọng và luôn đảm bảo các điều kiện tốt nhất thực hiện theo “Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường” [H09.09.05.01], [H09.09.05.02].

Ngoài ra, Nhà trường thành lập Ban phòng chống bão lụt, cứu nạn và Phương án cứu hộ cứu nạn để hỗ trợ cho NH và người khuyết tật trong các tình huống nguy cấp của điều kiện thời tiết khó khăn và nhiều bất lợi của miền Trung. Bên cạnh đó, việc thành lập Đội PCCC của Nhà trường là rất cấp thiết nhằm giảm thiểu và hạn chế những thiệt hại về CSVC, thiết bị cũng như hỗ trợ an toàn cho cán bộ, GV, NV, SV và người khuyết tật [H08.08.05.10].

Trong những trường hợp đặc biệt, khi hỏa hoạn xảy ra, khuôn viên Nhà trường có lối giao thông dành cho xe cứu hỏa tiếp cận đến tất cả các khối phòng chức năng. Cán bộ, GV, NV, SV và người khuyết tật cũng được tiếp cận các lối thoát hiểm gần và

hợp lý nhất. Có thể nói, các quy định về các tiêu chuẩn PCCC, sức khỏe và an toàn đều được đảm bảo và lưu tâm. Các công tác PCCC của Nhà trường luôn được đảm bảo với những trang thiết bị PCCC, các hướng dẫn, tuyên truyền và thực hiện nội quy PCCC trong khuôn viên là rất cấp thiết và triệt để [H09.09.05.03], [H08.08.05.10].

5.2. Quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện.

Các vấn đề về chăm sóc sức khỏe NH, bảo đảm vệ sinh trường học, an toàn thực phẩm, yêu cầu về CSVC, nhân viên y tế nói riêng hay công tác y tế học đường nói chung luôn được chú trọng và bảo đảm tại Trường ĐHKH, ĐHH [H09.09.05.04].

Trong quy hoạch tổng thể, Nhà trường có vị trí tiếp cận và kết nối bởi 3 trục đường giao thông chính với 3 mặt tiền thông thoáng, mặt còn lại cách ly được với khu dân cư lân cận. Đây là một điểm thuận lợi rất lớn so với các sơ sở đào tạo khác trên địa bàn và trong cả nước. Tổng thể các không gian và chức năng phục vụ cho việc học tập và NCKH được kết nối liên hoàn và thuận tiện trong giao thông đi lại. Xen kẽ là các không gian sân vườn với nhiều cây xanh tạo nên các không gian thiên nhiên với không khí trong lành. Từ đây các khối phòng học được tiếp cận tốt với những lối xanh này. Các hành lang dài, rộng và sạch đẹp kết nối các ram dốc với lan can kiên cố tạo được sự an toàn cho cán bộ, GV, SV và người khuyết tật trong quá trình làm việc, dạy học và nghiên cứu [H09.09.05.05], [H09.09.05.06], [H09.09.05.07], [H08.08.05.17], [H09.09.05.08], [H07.07.05.17].

Nhà trường có bố trí phòng Y tế - Môi trường học đường với trang bị CSVC đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sơ cứu và hỗ trợ thăm khám kịp thời cho NH và người khuyết tật khi gặp vấn đề về sức khỏe và tâm lý. Nhà trường cũng đã tổ chức và triển khai khám sức khỏe hằng năm nhằm đảm bảo sức khỏe toàn diện cho NH, người khuyết tật cũng như cán bộ, GV trong quá trình công tác, kèm theo các chế độ bảo hiểm thường kỳ [H09.09.05.09], [H08.08.05.19], [H08.08.05.20]. Mỗi năm Nhà trường đều thực hiện khám sức khỏe cho NH [H09.09.05.10], [H08.08.05.18], tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ và NH trong Trường [H09.09.05.07], [H08.08.05.17], [H09.09.05.08]. Nhà trường thực sự quan tâm đến sức khỏe của cán bộ và NH kèm theo đó là những chế độ bảo hiểm thường kỳ [H07.07.05.17].

Tổ Bảo vệ trực thuộc Phòng TC&HC gồm 05 NV được Nhà trường phân công trực bảo vệ và tuần tra xung quanh khuôn viên trường 24/24 giờ

trong ngày, đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn cho SV. Ngoài ra, những dịp Lễ, Tết, công tác bảo vệ được tăng cường thêm các cán bộ, GV trẻ thuộc trung đội tự vệ của Nhà trường tham gia. Bên cạnh Tổ Bảo vệ của Trường, Nhà trường còn thành lập đội SV tự quản đối với phía SV để kết hợp với lực lượng Tự vệ của Nhà trường nhằm thực hiện tốt hơn trong vấn đề đảm bảo, an ninh trật tự và phát hiện những trường hợp có hành vi vi phạm quy định của Nhà trường và pháp luật [H09.09.05.11], [H09.09.05.12], [H09.09.05.13].

Để đảm bảo môi trường được xanh – sạch – đẹp, Nhà trường đã bố trí thùng thu gom rác ở tất cả hành lang phòng học, các điểm công cộng. Hợp đồng thu gom và xử lý rác thải với công ty vệ sinh môi trường, công việc thu gom rác thải được tiến hành hàng ngày vào những thời điểm phù hợp, không ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà trường. Hợp đồng với công ty phụ trách vệ sinh môi trường các phòng học, phòng làm việc và những vị trí công cộng trong toàn Trường [H08.08.05.14], [H09.09.05.14].

5.3. Có lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Nhà trường luôn chú trọng và quan tâm nhiều đến việc khảo sát và phân tích những phản hồi tích cực thông qua các số liệu khảo sát từ NH và các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn nhằm đưa ra các quyết định, các giải pháp phù hợp, đảm bảo sự yên tâm trong công tác học tập, làm việc và NCKH của Cán bộ, GV, NV, SV và người khuyết tật [H08.08.05.12], [H08.08.05.26], [H08.08.05.27]. Nhà trường tiến hành khảo sát trên 03 nhóm đối tượng gồm: GV, chuyên viên, NH cho các nội dung về CSVC, cảnh quan môi trường, thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban; theo kết quả khảo sát tỉ lệ hài lòng của các nhóm đối tượng trên về cảnh quan môi trường trung bình từ các năm học 2020- 2021 và 2022-2023 là: nhóm GV có mức độ hài lòng là 76,12%; nhóm chuyên viên mức độ hài lòng lên đến 89,36% và nhóm NH có mức độ hài lòng là 90,81% [H08.08.05.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, PCCC, đảm bảo an toàn cho cán bộ, GV và SV học tập, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa bố trí lối thang riêng lên các tầng của khối học, khu vệ sinh

dành riêng cho người khuyết tật. Các không gian và thiết bị giáo dục hỗ trợ dành cho người khuyết tật còn tồn tại những hạn chế nhất định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp lối giao thông và các không gian hỗ trợ người khuyết tật.	Phòng KHTC&CSVC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, PCCC, đảm bảo môi trường an toàn trong Nhà trường.	Phòng KHTC&CSVC, Phòng TC&HC	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Ngành ĐPH, Khoa Lịch sử luôn được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện đầu tư đầy đủ phòng làm việc, phòng học, phòng tư liệu Khoa, phòng trưng bày hiện vật; các phòng chức năng được trang bị đầy đủ máy móc hiện đại, phù hợp với đặc thù đào tạo ngành ĐPH, đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ, GV và SV trong Khoa; nguồn học liệu tại Trung tâm TT&TV phong phú, đa dạng, được bổ sung, cập nhật hàng năm. Bên cạnh sự đầu tư của Nhà trường, Khoa cũng tự nỗ lực trong việc kêu gọi và tìm kiếm nhà đầu tư cho hệ thống CSVC, môi trường làm việc và học tập trong Khoa. Hệ thống CNTT được đầu tư, nâng cấp đồng bộ, phục vụ tốt nhu cầu trao đổi, tìm kiếm thông tin của cán bộ, GV và SV, đặc biệt hỗ trợ tốt cho hoạt động dạy học bằng phương thức trực tuyến.

Tuy nhiên, để thích ứng với sự phát triển của xã hội, trong tương lai ngành ĐPH, Khoa Lịch sử sẽ đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt hơn việc học tập và NCKH cho NH trong đó chú trọng hơn đối với người khuyết tật.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.1					x			4.60	5	100.00

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5				x						

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo là vấn đề sống còn, là uy tín và trách nhiệm của cơ sở đào tạo, do vậy Nhà trường và Khoa Lịch sử đặc biệt chú trọng vấn đề này. Để nâng cao chất lượng đào tạo, trong thời gian qua Khoa Lịch sử đã phối hợp với Nhà trường và các BLQ thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, có hệ thống nhiều nội dung liên quan đến nâng cao chất lượng như: sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH; việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến; quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; các kết quả NCKH đã được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; chú trọng đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các BLQ.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, nhân viên, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp).

Nhằm thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ để làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung các hoạt động ngày càng hoàn thiện, Nhà trường đã ban hành quy định về hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ phục vụ công tác BĐCLGD và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện [H10.10.01.01],

[H10.10.01.02]. Các BLQ bao gồm: nhà sử dụng lao động, SV, cựu SV, GV và cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, để thu thập, quản lý thông tin phục vụ hoạt động BĐCLGD bên trong, Nhà trường đã ban hành quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin BĐCLGD bên trong của Trường ĐHKH, ĐHH [H05.05.05.05]. Theo đó, Phòng KT&BĐCLGD là đơn vị làm đầu mối, tập hợp, quản lý thông tin; các đơn vị trong Trường theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực công tác có trách nhiệm định kỳ cung cấp dữ liệu cho Nhà trường phục vụ công tác BĐCLGD.

Công tác thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTĐT cũng được thể hiện rõ trong Quy định xây dựng CTĐT đại học theo CĐR tại Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.02.02], [H01.01.03.02].

1.2. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH.

Về phía Khoa Lịch sử, đã phân công cán bộ thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về nhu cầu nguồn nhân lực ngành ĐPH và các thông tin liên quan khác phục vụ công tác xây dựng CTĐT của Khoa [H01.01.03.02], [H02.02.01.10]. Căn cứ vào phiếu điều tra khảo sát ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu SV về CTĐT của ngành ĐPH, Khoa Lịch sử, Trường ĐHKH, ĐHH; tổ xây dựng CĐR và CTĐT đã tập hợp được các ý kiến góp ý về Dự thảo CTĐT [H10.10.01.03]. Kết quả thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về nhu cầu nguồn nhân lực ngành ĐPH cho thấy hiện tại và trong tương lai, nhu cầu nhân lực ngành ĐPH rất lớn, đặc biệt nhân sự làm việc trong các công ty liên doanh nước ngoài, các công ty tư nhân, các dự án, tổ chức liên quan đến du lịch, xuất nhập khẩu, đào tạo ngôn ngữ, biên phiên dịch... Đây là thông tin hữu ích giúp Khoa điều chỉnh, bổ sung CTĐT và đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm [H10.10.01.04], [H10.10.01.05].

Khoa Lịch sử trong giai đoạn 2019 - 2023 đã tiến hành chỉnh sửa, cập nhật CTĐT ngành ĐPH trình độ cử nhân đảm bảo đúng trình tự, thủ tục của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Theo đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho các khoa chuyên môn thành lập hội đồng để rà soát, cập nhật CTĐT. Các nhóm đã tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ, cụ thể là GV, SV, đại diện đơn vị sử dụng lao động. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các BLQ, nhóm đã đề xuất điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.06], [H04.04.02.02], [H10.10.01.07], [H10.10.01.08].

Cụ thể, biên bản họp ngày 12/4/2021 với thành phần gồm GV Khoa Lịch sử, Trưởng phòng ĐTĐH&CTSV, ThS. Phạm Phú Ngọc (Giám đốc Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An), TS. Lê Tiến Công (Phó Giám đốc phụ trách Nhà trưng bày Hoàng Sa, Đà Nẵng), Cán Đình Hiếu (HDV du lịch quốc tế - cựu SV ngành ĐPH K31). Ý kiến các BLQ cho rằng cử nhân ngành ĐPH bên cạnh kiến thức chuyên môn về văn hóa, lịch sử các nước phương Đông, cần bổ sung các môn học mang tính thời sự xã hội hiện này vào chương trình để sau khi ra trường SV có thể tiếp cận và không quá ngỡ ngàng; SV khi ra trường cần ít nhất nghe hiểu và nói thành thạo được 1 ngôn ngữ (ưu tiên tiếng Trung, Hán văn); có kỹ năng nghề nghiệp, cần phải có phẩm chất đạo đức tốt và thái độ đúng đắn với các hành vi xã hội và phải thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của xã hội trong lĩnh vực ĐPH, nghĩa là phải có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng tin học cũng cần được chú trọng hơn nữa [H10.10.01.03].

Việc sử dụng thông tin góp ý, phản hồi của doanh nghiệp, của nhà sử dụng lao động, của GV, của SV và cựu SV về CTĐT. Trên cơ sở đó, Khoa Lịch sử điều chỉnh, bổ sung để thiết kế và xây dựng CTĐT phù hợp, đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Đó là những thông tin rất thực tế, hết sức quý giá để Khoa Lịch sử rà soát, cập nhật, bổ sung CDR, xây dựng CTĐT, thiết kế và phát triển CTDH phù hợp để đào tạo cử nhân ngành ĐPH đáp ứng các yêu cầu của nhà tuyển dụng [H10.10.01.04].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã tiến hành các khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H03.03.01.19], khảo sát NH năm cuối về chất lượng toàn khóa học [H01.01.01.02], khảo sát GV về CTĐT [H01.01.02.04], khảo sát SVTN về CTĐT [H05.05.03.05], nhà tuyển dụng về chất lượng của SVTN [H11.11.03.03]. Khoa Lịch sử và Phòng ĐTĐH&CTSV hàng năm đã tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại với SV [H10.10.01.09]. Những ý kiến đóng góp, đề xuất của SV về CTĐT, về hoạt động dạy học cũng như những vấn đề liên quan khác là nguồn thông tin xác thực, đáng tin cậy để Khoa điều chỉnh, bổ sung trong quá trình xây dựng và thiết kế CTDH [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh

Khoa có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ, đặc biệt là của các chuyên gia, GV, nhà sử dụng lao động và cựu SV về CTĐT. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Kênh thu thập thông tin phản hồi từ GV, SV, cựu SV chưa đa dạng, chưa phản ánh đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thu thập thông tin phản hồi, tăng cường triển khai khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu SV làm cơ sở thiết kế và phát triển CTDH.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Củng cố, mở rộng mạng lưới cựu SV, nhà sử dụng lao động, đa dạng hóa hình thức thu thập thông tin từ SV và cựu SV.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Phòng KT&BĐCLGD, Khoa Lịch sử	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Có quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Việc xây dựng CTĐT, thiết kế và phát triển CTDH ngành ĐPH của Khoa Lịch sử được thực hiện theo đúng quy định, quy trình của Nhà trường, gồm 9 bước [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06], cụ thể:

(1) Thành lập Tổ xây dựng CTĐT cho từng CTĐT trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa quản lý ngành đào tạo;

(2) Thành lập Ban xây dựng CTĐT cấp Trường và Tổ thư ký trên cơ sở tham mưu của Trưởng Phòng ĐTĐH&CTSV;

(3) Ban xây dựng CTĐT cấp Trường họp thống nhất mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch, cách thức triển khai và nguồn lực để thực hiện;

(4) Ban xây dựng CTĐT cấp Trường cùng với các Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa họp thống nhất các học phần chung của các lĩnh vực đào tạo, các nhóm ngành;

(5) Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa rà soát CTĐT đang thực hiện, tham khảo CTĐT của các CSGD đại học trong và ngoài nước, thống nhất dự thảo CTĐT lần 1;

(6) Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT, thống nhất dự thảo CTĐT lần 2;

(7) Tổ xây dựng CTĐT cấp Khoa tổ chức hội thảo, gặp mặt lấy ý kiến đóng góp của các BLQ và hoàn thiện dự thảo CTĐT lần 3;

(8) Tổ chức biên soạn ĐCCT cho tất cả các học phần;

(9) Ban xây dựng CTĐT cấp Trường tập hợp, rà soát CTĐT và ĐCCT của các ngành, trình HĐ KH&ĐT Nhà trường thông qua, sau đó trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành. Đối với trường hợp mở ngành đào tạo mới phải được Hội đồng thẩm định ĐHH thông qua.

2.2. Thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

CTĐT được rà soát, điều chỉnh, cập nhật định kỳ (2 năm/lần) theo kế hoạch chung của Nhà trường. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa Lịch sử thành lập nhóm chuyên gia về chuyển đổi CTĐT bao gồm đại diện các cơ sở sử dụng SVTN, GV, cán bộ quản lý các cấp, các chuyên gia trong lĩnh vực ĐPH. Theo hướng dẫn của Nhà trường, nhóm chuyên gia đề xuất chương trình, sau đó HĐ KH&ĐT Khoa tổng hợp các ý kiến đóng góp của các BLQ [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.06], [H01.01.03.05], [H10.10.02.07].

2.3. Cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Từ 2020 trở về trước, công tác này được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHH, chưa có văn bản hướng dẫn chính thức từ Nhà trường. Sau quá trình rà soát các công tác được thực hiện, nhằm chuẩn hóa quy trình thực hiện chuyên môn, Nhà trường đã tiếp thu các quy định và văn bản hướng dẫn của các cấp, rút kinh nghiệm thực tế thực hiện tại các đơn vị, tiến hành xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng CTĐT đại học theo CĐR tại Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.02.02].

Nhà trường tổ chức cập nhật CTĐT, theo đó CTĐT đại học các ngành đã được thay đổi một cách tích cực. Chương trình cử nhân có khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ với thời gian học tập là 8 học kỳ, chương trình kỹ sư, kiến trúc sư có khối lượng kiến thức tối thiểu là 150 tín chỉ với thời gian học tập là 9-10 học kỳ. Cơ cấu chương trình có 2 phần, gồm: phần kiến thức giáo dục đại cương, phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó phần kiến thức giáo dục đại cương có tối thiểu 24 tín chỉ,

phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm nội dung khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành (bao gồm cả khối kiến thức chuyên ngành, tối thiểu 30 tín chỉ đối với CTĐT cấp bằng cử nhân, 45 tín chỉ đối với CTĐT cấp bằng kỹ sư, kiến trúc sư), khối kiến thức thực tập - thực tế, khối kiến thức bổ trợ và khối kiến thức tốt nghiệp. Mỗi khối kiến thức có các học phần bắt buộc, học phần tự chọn và được bố trí phù hợp vào các học kỳ, đảm bảo mỗi học kỳ, một SV bình thường học tập khối lượng kiến thức trong khoảng từ 14 tín chỉ đến 18 tín chỉ [H10.10.02.02], [H10.10.02.08]. Trường ĐHKH, ĐHH cũng đưa thêm các kiến thức giáo dục kỹ năng vào các CTĐT như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp với khối lượng 2 tín chỉ và nâng cấp, cải tiến tăng lên 3 tín chỉ được thể hiện ở học phần Kỹ năng mềm. Để đảm bảo tính liên thông giữa các ngành trong cùng lĩnh vực, nhóm ngành, Nhà trường đã cho xây dựng CDR và học phần chung cho các ngành cùng lĩnh vực, nhóm ngành [H10.10.02.02].

Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến GV, NCV, chuyên gia ngành quản lý nhà nước, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của hội đồng cấp Trường và chỉnh sửa để Nhà trường thẩm định lần cuối và Phòng ĐTDH&CTSV tổ chức cuộc họp thông qua quy trình thiết kế phát triển CTDH [H10.10.02.09], [H10.10.02.10], [H10.10.02.11], [H10.10.02.12], [H10.10.02.13].

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành ĐPH được thiết kế và phát triển đúng quy định, quy trình và định kỳ được rà soát, đánh giá, cải tiến cả quy trình triển khai thực hiện lẫn nội dung nhằm đảm bảo đạt CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của GV và các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH có tỉ lệ phản hồi chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật cơ sở dữ liệu, đa dạng hóa hình thức khảo sát để tăng tỉ lệ phản hồi khảo sát của các BLQ về CTDH.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH cho các đợt kế tiếp.	Phòng ĐTDH&CTSV, Khoa Lịch sử	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Quá trình dạy, học và đánh giá KQHT của NH được Trường quy định trong các văn bản pháp quy của Trường: Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHKH, ĐHH [H08.08.03.08], [H05.05.01.02]; Quy định tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần của Trường ĐHKH, ĐHH [H05.05.05.01], [H10.10.03.01]; Quy định thực tập cuối khóa, làm khóa luận tốt nghiệp/báo cáo tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.02]; Kế hoạch đào tạo các năm học [H10.10.03.03] và ĐCCT các học phần [H10.10.03.04].

Quá trình dạy và học được rà soát, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng. Để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên. Về phía Khoa Lịch sử đã tổ chức dự giờ đối với GV trong Khoa nói chung và ngành ĐPH nói riêng. Hoạt động này rất có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng hoạt động dạy học của GV. Thông qua hoạt động dự giờ, GV được góp ý, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy, nội dung bài giảng, phương thức kiểm tra đánh giá quá trình, cách thức tổ chức, điều hành lớp học có hiệu quả.

3.2. Triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

GV đã sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng, phong phú và phù hợp với nội dung và CDR của học phần như: thuyết giảng, nêu vấn đề, thảo luận, seminar, bài tập nhóm, thuyết trình... Các hình thức này được mô tả cụ thể trong ĐCCT mỗi học phần [H03.03.03.01].

Bên cạnh đó, Khoa Lịch sử cũng có những nghiên cứu, tham gia hội thảo về đổi mới CTĐT và phương pháp giảng dạy nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành ĐPH [H04.04.02.03].

Mỗi học kỳ, Khoa Lịch sử tổ chức 2 cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, Trợ lý CTSV&BDCLGD, CVHT và các cán bộ lớp, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Về phía Nhà trường, Phòng KT&BDCLGD mỗi học kỳ đều tổ chức khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV. Việc khảo sát được tiến hành theo phương thức online, GV vào Trang thông tin đào tạo đại học để xem kết quả đánh giá và góp ý của SV của mỗi học phần, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy học để nâng cao chất lượng (<https://teacher.husc.edu.vn/Teaching/SurveyResult>). Kết quả khảo sát từng học kỳ được xử lý, thống kê số liệu, phân tích và viết báo cáo gửi Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm Khoa Lịch sử để nắm bắt, theo dõi, giám sát và có kế hoạch phù hợp khắc phục kịp thời, nâng cao chất lượng dạy học của GV trong đơn vị [H10.10.03.05], [H10.10.03.06],[H10.10.03.07], [H10.10.03.08], [H10.10.03.09], [H10.10.03.10], [H10.10.03.11], [H10.10.03.12], [H10.10.03.13], [H10.10.03.14], [H10.10.03.05], [H10.10.03.15], [H10.10.03.16]...

Việc KTĐG KQHT của SV được quy định rõ trong ĐCCT, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức KTĐG cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV để đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm [H10.10.03.17], [H10.10.03.18], [H10.10.03.19].

Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, phù hợp với nội dung và CDR của học phần. Cụ thể, GV có thể áp dụng một trong các hình thức thi kết thúc học phần sau: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận. Nhà trường cũng đã ban hành hướng dẫn về việc

sử dụng tổ hợp phương pháp KTĐG kết quả NH [H10.10.03.20]. Việc tổ chức thi, chấm thi kết thúc học kỳ được thực hiện theo quy trình như sau: Phòng ĐTĐH&CTSV gửi lịch thi kết thúc học kỳ đến Khoa và các phòng ban liên quan chậm nhất là 02 tuần so với ngày thi đầu tiên. Đối với hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, GV ra đề thi, đáp án đối với những học phần chưa có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi theo mẫu quy định, nộp về Phòng KT&BĐCLGD chậm nhất là 03 ngày làm việc so với ngày thi. Các học phần đã có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi được Phòng KT&BĐCLGD sử dụng phần mềm chuyên dụng bốc ngẫu nhiên. Các học phần dạy chung cho nhiều nhóm lớp, nếu tổ chức thi cùng lúc thì sử dụng chung đề thi. Bài thi sau khi được Phòng KT&BĐCLGD đánh phách, cắt phách và bàn giao về khoa chuyên môn phân công 02 GV chấm độc lập trong thời gian 05 ngày làm việc, GV nhập điểm bài thi lên Trang thông tin đào tạo đại học (điểm theo phách) và gửi biên bản chấm thi cho Phòng KT&BĐCLGD ráp điểm tổng hợp. Nếu thi theo hình thức vấn đáp, 02 GV là cán bộ coi thi sau khi thống nhất điểm sẽ công bố cho SV ngay sau khi kết thúc buổi thi. Có thể nói, công tác tổ chức thi và chấm thi được quản lý bởi 1 đầu mối là Phòng KT&BĐCLGD và hầu hết các học phần đều có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi, do vậy đảm bảo được tính công bằng và khách quan [H10.10.03.21], [H10.10.03.22], [H05.05.04.02].

Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, được sử dụng phù hợp với nội dung và CDR của học phần. Nhà trường thường xuyên bổ sung, cập nhật các hình thức thi phù hợp. Đối với hình thức thi trắc nghiệm, tiểu luận, SV làm bài, GV chấm bài trên phần mềm (<https://quizuser.husc.edu.vn/Identity/Account/Login?ReturnUrl=%2FAdmin>), (<https://chamtieluan.husc.edu.vn/TuiBai/Index>) [H10.10.03.23]. Tuy nhiên, hiện tại Nhà trường chưa có phần mềm chuyên dụng để kiểm tra việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu của SV khi làm bài tiểu luận [H10.10.03.23], [H10.10.03.24]. Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng hoạt động đánh giá KQHT của NH, Trường ĐHKH, ĐHH đã tiến hành đánh giá hiệu quả các hình thức thi kết thúc học phần làm cơ sở để chọn lựa hình thức thi cho phù hợp với từng điều kiện và hoàn cảnh của Nhà trường [H10.10.03.25].

Quy trình bảo vệ khóa luận tốt nghiệp của SV năm cuối được thực hiện như sau: (1) Phòng ĐTĐH&CTSV thông báo cho GV và SV trước 1 tháng về thời gian, địa điểm bảo vệ khóa luận tốt nghiệp; (2) Khoa phân công GV phản biện khóa luận của SV; (3) Trợ lý đào tạo đại học của Khoa thu nhận khóa luận tốt nghiệp của SV và gửi đến các GV phản biện, GV hướng dẫn đọc và viết nhận xét; (4) Khoa thành lập Hội đồng và

các tiểu ban bảo vệ khóa luận tốt nghiệp; (5) Các tiểu ban tổ chức bảo vệ khóa luận theo kế hoạch; (6) Thư ký các tiểu ban tổng hợp điểm, các tiểu ban họp cho ý kiến và tập hợp điểm khóa luận của SV từng tiểu ban; (7) Hội đồng chấm khóa luận họp xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của SV, thống nhất điểm và cuối cùng (9) Thông báo điểm khóa luận cho SV [H10.10.03.26], [H10.10.03.02], [H10.10.03.27].

Để đánh giá KQHT của SV, GV luôn tuân thủ quy định về chất lượng đề thi, đáp án và các hình thức thi. Phòng KT&BDCLGD là đơn vị phụ trách hoạt động khảo thí của Nhà trường, đã xây dựng, tham mưu cho Ban giám hiệu ban hành các quy định về tổ chức thi, chấm thi. Trong quá trình thực hiện thường xuyên rà soát, điều chỉnh và cập nhật quy trình, quy chế để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính công bằng, khách quan trong kiểm tra đánh giá KQHT của SV nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT. Ngay từ đầu khóa học, SV được CVHT tổ chức sinh hoạt lớp phổ biến cho SV nắm rõ các quy định trong quá trình học tập và kiểm tra đánh giá. Hàng năm, Khoa đã tiến hành Hội nghị học tốt và đối thoại SV để phân tích dữ liệu phản hồi của SV theo từng khóa về quá trình dạy học và KQHT. Báo cáo phân tích kết quả sẽ là một trong những cơ sở định lượng để Khoa rà soát đánh giá quá trình dạy, học và kết quả học tập của SV, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.28].

Đối với công tác tổ chức thi kết thúc học phần, Nhà trường đã thành lập Đoàn kiểm tra học chính và hành chính có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thi, công tác điều động và phân công cán bộ coi thi, trách nhiệm của cán bộ coi thi tại phòng thi, việc chấp hành nội quy, quy chế thi của SV [H10.10.03.29].

Đối với công tác tổ chức thi kết thúc học phần, Nhà trường đã thành lập Đoàn kiểm tra học chính và hành chính có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thi, công tác điều động và phân công cán bộ coi thi, trách nhiệm của cán bộ coi thi tại phòng thi, việc chấp hành nội quy, quy chế thi của SV [H10.10.03.30], [H10.10.03.29], [H10.10.03.31], [H10.10.03.32].

2. Điểm mạnh

Quy trình dạy học và KTĐG được tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc; được rà soát, đánh giá thường xuyên, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm chuyên dụng để kiểm tra việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu để đảm bảo tính khách quan, khoa học và độ tin cậy của các trích dẫn trong các bài tiểu luận và khóa luận của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường mua các phần mềm chuyên dụng để rà soát, kiểm tra việc trích dẫn tài liệu trong các bài tiểu luận và khóa luận của SV.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên đánh giá quá trình dạy học và KTĐG KQHT của SV nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học.

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Khoa Lịch sử đã đẩy mạnh phong trào NCKH của GV và SV, trong đó GV và SV ngành ĐPH cũng đã nỗ lực nhiều trong hoạt động này. Hằng năm, Nhà trường đã ban hành các thông báo, hướng dẫn thực hiện những quy định về hoạt động NCKH, qua đó cán bộ, GV và SV nắm rõ và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn này, ngành ĐPH đã có 5 đề tài NCKH cấp ĐHH [H10.10.04.01] của GV và 6 đề tài NCKH cấp Trường của SV [H10.10.04.02]. Ngoài ra, nhiều GV ngành ĐPH cũng đồng thời là thành viên của nhiều đề tài khoa học có sự liên ngành ở các cấp khác nhau. Cụ thể: PGS.TS. Hoàng Văn Hiến và TS. Hoàng Thị Anh Đào đã chủ nhiệm và nghiệm thu thành công đề tài NCKH cấp ĐHH [H10.10.04.01]. Mặc dù trong giai đoạn Covid-19 điều kiện khá khó khăn nhưng GV ngành ĐPH vẫn hoàn thành đề tài đúng thời hạn và được đánh giá cao về kết quả nghiên cứu.

- PGS.TS Hoàng Văn Hiến: “Quan hệ hợp tác về giáo dục và đào tạo của Việt Nam – Hàn Quốc (2001 – 2017)” [H10.10.04.03].

- TS. Hoàng Thị Anh Đào: “Quan hệ giữa Bồ Đào Nha với Đàng Trong (Việt Nam) thế kỷ XVI – XVII” [H10.10.04.04].

Các đề tài NCKH cấp Trường của SV ngành ĐPH (có thể dễ dàng tìm kiếm trên hệ thống thư viện số của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.04.05]):

- SV Trương Thị Như Quỳnh: Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Đài Loan thời Tổng thống Thái Anh Văn (2016-2020) và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

- SV Nguyễn Thị Phương: Âm thực cung đình Hàn Quốc trong sự đối sánh với âm thực cung đình Huế

- SV Lê Khánh Phương: Quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Shinzo Abe (2012-2017)

- SV Nguyễn Thị Thu Huyền: Tìm hiểu văn hóa Triều Tiên dưới triều đại Joseon (1392-1910)

4.2. Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

Bên cạnh đó, kết quả của các đề tài NCKH của GV và SV đã được các GV Khoa Lịch sử chất lọc, hệ thống hóa, bổ sung, chuyển tải thành nội dung giảng dạy và lồng ghép các hoạt động NCKH vào giảng dạy, cụ thể:

Đề tài “Quan hệ hợp tác về giáo dục và đào tạo của Việt Nam – Hàn Quốc (2001 – 2017)” của PGS.TS Hoàng Văn Hiến đã được sử dụng như một tài liệu tham khảo quan trọng cho GV và SV ngành ĐPH, nhất là chuyên ngành Hàn Quốc học. Đề tài cũng định hướng cho những chuyên đề liên quan đến quan hệ hai nước Việt Nam và Hàn Quốc, cũng như những vấn đề liên quan đến giáo dục, kinh tế và văn hóa của Hàn Quốc [H10.10.04.02].

Đề tài “Quan hệ giữa Bồ Đào Nha với Đàng Trong (Việt Nam) thế kỷ XVI – XVII” của TS. Hoàng Thị Anh Đào cũng được áp dụng vào những chuyên đề của chính tác giả đề tài để giảng dạy chuyên sâu hơn cho SV ngành ĐPH. Đồng thời, mảng quan hệ với Bồ Đào Nha cũng là một tài liệu tham khảo tốt cho GV và SV ngành Lịch sử Việt Nam và Lịch sử Thế giới [H10.10.04.02].

4.3. Có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

Các đề tài khoa học của GV và SV đã góp phần vào việc nâng cao, cải tiến chất lượng dạy, học và nghiên cứu. Ngoài việc trở thành tài liệu, học liệu tham khảo cho SV chuyên ngành sâu, các đề tài NCKH của GV ngành ĐPH còn được áp dụng để đi sâu vào chuyên môn chính, khơi gợi những hướng đi mới cho những công trình sau này ở cấp độ cao hơn. Những đề tài NCKH của SV cũng phần nào định hướng đề tài cũng như phương pháp để tiến hành làm khóa luận tốt nghiệp ra trường. Khoa cũng định kỳ tổ chức Hội nghị SV NCKH nhằm công bố các NCKH, trao đổi và chia sẻ các kiến thức cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực NCKH [H04.04.02.10].

2. Điểm mạnh

Khoa Lịch sử nói chung, ngành ĐPH nói riêng rất chú trọng đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích phong trào NCKH trong GV và SV, xem đây là tiền đề để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn lý thuyết với thực tiễn. Nhiều kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH được GV sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy học, gắn kết hoạt động NCKH và hoạt động giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù GV và SV ngành ĐPH đã thực hiện nhiều đề tài NCKH, đạt nhiều kết quả tốt, tuy nhiên số lượng các đề tài NCKH được ứng dụng để thiết kế và cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ưu tiên, khuyến khích GV đăng ký và thực hiện những đề tài NCKH có nội dung phù hợp, được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy học.	Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ứng dụng kết quả NCKH của các đề tài trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy học.	Khoa Lịch sử	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. Có văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản của Trường như: Quy định hoạt động ĐBCL của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.06.03]; Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến từ các BLQ phục vụ công tác ĐBCLGD [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]; Quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin ĐBCLGD bên trong của Trường ĐHKH, ĐHH [H05.05.05.05]. Theo đó, Nhà trường định kỳ triển khai khảo sát ý kiến cán bộ và NH về mức độ hài lòng tại Trung tâm TT&TV, CSV, hệ thống CNTT và các hoạt động dịch vụ tiện ích. Nhờ vậy, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường được tiến hành khách quan, nhanh chóng và thuận lợi.

Để hỗ trợ cho SV nói chung và SV ngành ĐPH nói riêng có điều kiện thuận lợi trong việc tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác, Trường ĐHKH, ĐHH đã cung cấp nhiều dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV như các phòng làm việc, phòng học, phòng đa chức năng (sử dụng chung với Khoa Lịch sử) [H10.10.05.01]. Ngoài ra, Nhà trường còn cung cấp dịch vụ trông giữ xe, dịch vụ căn tin, các tiện ích về cho mượn tài liệu tại Trung tâm TT&TV, trang bị hệ thống wifi miễn phí trong phạm vi toàn Trường và hệ thống các máy chiếu và màn hình tivi tại tất cả các phòng học [H10.10.05.02]. Hiện nay, tất cả các hoạt động đăng ký học phần, xem điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần, KQHT từng học kỳ, năm học; các thông báo... của SV được thực hiện trên Trang thông tin đào tạo đại học mà mỗi SV được cấp một tài khoản cá nhân - truy cập website <https://ums.husc.edu.vn/>.

5.2. Có thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (từ vấn đề NH, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...).

Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ theo từng năm học và có báo cáo cụ thể [H10.10.05.03], [H08.08.05.04]. Nội dung khảo sát chất lượng dịch vụ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT được thực hiện thông qua: Khảo sát ý kiến của NH năm cuối về chất lượng toàn khóa học [H10.10.05.04], [H01.01.01.02], [H10.10.02.13], [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.03.16], [H10.10.05.07]; Khảo sát cán bộ và NH về mức độ đáp ứng của CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban [H10.10.05.08], [H08.08.05.12], [H08.08.05.26], [H08.08.05.27]; Khảo sát mức độ hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H08.08.05.04], [H08.08.04.23]; Khảo sát bạn đọc về mức độ đáp ứng của Trung tâm TT&TV [H09.09.02.27], [H09.09.02.28], [H09.09.02.29].

- Đối với nội dung khảo sát về sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Trường ĐHKH, ĐHH, bao gồm cả điều kiện học tập; điều kiện sinh hoạt và chăm sóc sức khỏe; công tác tư vấn, hỗ trợ, giám sát; công tác thực hiện chế độ, chính sách và công tác Đoàn – Hội – CLB... Đối tượng được khảo sát là toàn bộ SV Trường, trong đó có ngành ĐPH. Tỷ lệ hài lòng của SV đối với mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác ở mức trên 85%. Trong đó cao nhất là mức độ SV hài lòng với công tác thực hiện chế độ, chính sách đạt 98,86%. Tuy nhiên, NH vẫn đánh giá thấp nhất ở nội dung liên quan đến hệ thống CNTT, các phần mềm ứng dụng, mạng internet và dịch vụ trông giữ xe [H10.10.05.09].

- Đối với nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng nhu cầu của bạn đọc tại thư viện. Qua kết quả khảo sát ý kiến cho thấy, đa số bạn đọc cảm thấy hài lòng khi đến với thư viện của Nhà trường, cụ thể (ĐTB: 3,05, mức độ hài lòng: 88,80%). Phần lớn ý kiến bạn đọc cho rằng Trung tâm TT&TV có bảng nội quy, quy định cụ thể rõ ràng; nhân viên Trung tâm TT&TV thể hiện thái độ thân thiện với bạn đọc; Trung tâm TT&TV có quy định về thời gian mượn/trả tài liệu phục vụ bạn đọc hợp lý; các dịch vụ mượn/trả tài liệu tại chỗ đáp ứng nhu cầu phục vụ bạn đọc; Trung tâm TT&TV có quy định về số lượng mượn tài liệu hợp lý [H10.10.05.03].

5.3. Có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của GV và SV, Nhà trường và Khoa Lịch sử đã thực hiện các hoạt động cụ thể để cải thiện các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Cụ thể, Trường

đã đầu tư kinh phí để mua thêm các tài liệu mới để bổ sung cho Trung tâm TT&TV nhằm nâng cao khả năng phục vụ cho nhu cầu tham khảo tài liệu của SV [H10.10.05.10], [H10.10.05.11], [H10.10.05.12]. Các đầu sách dành cho ngành ĐPH ở Thư viện và Phòng Tư liệu của Khoa Lịch sử đã được bổ sung khá nhiều trong 5 năm trở lại đây, đáp ứng nhu cầu dạy và học [H10.10.05.13], [H10.10.05.14], [H10.10.05.15]. Nhà trường đã đầu tư xây dựng nhà xe thông minh để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV, GV [H10.10.05.16].

Về hệ thống CNTT, Nhà trường đã sử dụng hệ thống cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng học, phòng máy, phòng Lab, phòng làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn Trường [H10.10.05.11] [H10.10.05.02]. Mỗi SV được trang bị địa chỉ truy cập riêng có thể truy cập, đăng ký, khai báo, xem KQHT trên Trang thông tin đào tạo đại học (<https://ums.husc.edu.vn/>). Đầu tư nhiều thiết bị phục vụ nâng cấp chất lượng hệ thống CNTT, các phần mềm ứng dụng, mạng internet như máy tính, bộ phát... [H10.10.05.17].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ĐHKH, ĐHH được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá, cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm đã nâng cao hiệu quả chất lượng giảng dạy và học tập cho GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Tốc độ truy cập mạng internet đôi lúc, đôi chỗ còn chậm mặc dù Nhà trường đã phủ sóng wifi toàn Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cao tốc độ đường truyền để đảm bảo cho việc truy cập mạng internet diễn ra thuận lợi hơn.	Phòng KHTC&CSV	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy lợi thế về CNTT của Trường để thực hiện các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để tạo thuận lợi cho NH thực hiện	Phòng KHTC&CSV	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		tốt hoạt động học tập, nghiên cứu và các hoạt động khác.		

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

6.1. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các BLQ phục vụ công tác BDCLGD. Trong đó, nêu rõ 9 nội dung khảo sát; các đối tượng khảo sát (gồm nhà tuyển dụng, SV, cựu SV...), với các hình thức khảo sát đa dạng (gồm cả online, offline) dưới sự chủ trì của các phòng chức năng và sự phối hợp của các Khoa [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]. Một quy trình khảo sát chính chu được xây dựng theo mô hình P-D-C-A (Plan – Lên kế hoạch; Do – Thực hiện; Check – Rà soát, đánh giá; Act – Cải tiến). Theo đó: Phòng KT&BDCLGD là đơn vị đầu mối lập kế hoạch, triển khai và báo cáo kết quả khảo sát thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ; Phòng ĐTDH&CTSV làm đầu mối rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT; thiết kế và phát triển CTDH; Khoa/Bộ môn là đơn vị thực hiện, phân tích và sử dụng thông tin từ các BLQ để phát triển, cải tiến CTĐT và CTDH. Cơ chế phản hồi được thực hiện theo hình thức kết nối giữa các BLQ thông qua hoạt động khảo sát bằng phiếu hỏi theo hình thức trực tiếp/trực tuyến và hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Trường với các BLQ.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của Trường hoạt động theo cơ chế kết nối, trao đổi thông tin thu thập được từ BLQ, đối sánh với các quy định, quy chế, tiêu chuẩn đã được Nhà trường phê duyệt làm cơ sở điều chỉnh các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: Quy định xây dựng CTĐT đại học theo CĐR [H10.10.02.02]; Các CTĐT đã được ban hành; Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố CĐR CTĐT trình độ đại học tại ĐHH [H10.10.02.01]; Quy định hoạt động ĐBCL của Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.06.03].

Bên cạnh đó, Phòng ĐTDH&CTSV thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các Khoa để rà soát kế hoạch giảng dạy cho năm học tiếp theo. Trên cơ sở ý kiến phản hồi này,

Phòng thực hiện xây dựng và ban hành chính thức kế hoạch giảng dạy cho năm học sau. GV có thể dễ dàng thấy được kết quả đánh giá GV của SV vào cuối mỗi học kỳ ở trên Trang thông tin đào tạo đại học, mục Công tác giảng dạy --> Kết quả khảo sát giảng dạy, qua website chính thức <https://teacher.husc.edu.vn/>.

6.2. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá.

Cơ chế phản hồi của các BLQ luôn được Nhà trường rà soát, đánh giá định kỳ. Trong quá trình thực hiện thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ, Nhà trường đã tiến hành rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp phù hợp hơn với từng đối tượng và nội dung lấy ý kiến. Trước năm 2021, các khảo sát được thực hiện dựa trên các yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHH, nội dung, quy trình, công cụ được tham khảo từ sổ tay ĐBCL của ĐHH, các văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ GD&ĐT và được thể hiện ở các công văn, kế hoạch triển khai từng khảo sát. Năm 2021, Trường đã rà soát, tập hợp và ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các BLQ phục vụ công tác ĐBCLGD bên trong Trường ĐHKH, ĐHH [H10.10.06.02], nhằm chuẩn hóa công tác này từ nội dung, quy trình và công cụ. Đến năm 2022, Nhà trường đã đánh giá cơ chế phản hồi, rút kinh nghiệm các tồn tại qua các đợt để đưa ra quy trình và công cụ mới phù hợp hơn với xu thế hiện đại và đối tượng phản hồi [H10.10.06.01].

6.3. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được Nhà trường và các phòng, ban chức năng không ngừng cải tiến. Phương thức thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được cải tiến hàng năm và theo hướng số hóa. Hiện tại, Nhà trường đang sử dụng nhiều phần mềm ứng dụng để triển khai các hoạt động khảo sát, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác ĐBCLGD [H10.10.06.04]; [H10.10.06.05].

Từ việc khảo sát dùng phiếu hỏi trực tiếp, Nhà trường đã thực hiện khảo sát online bằng các công cụ miễn phí của Google. Năm 2022, Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm khảo sát các BLQ và không ngừng nâng cấp, bổ sung các chức năng phù hợp nhằm thuận tiện cho công tác lấy ý kiến cũng như thống kê số liệu khảo sát (<http://khaosat.husc.edu.vn>) [H10.10.06.06]. Bên cạnh công cụ, quy trình cũng được cải tiến cho phù hợp và được thể hiện ở các văn bản quy định được điều chỉnh [H10.10.06.01]; [H10.10.06.02]. Nhà trường cũng bổ sung thêm các nội dung khảo sát phù hợp hơn với các yêu cầu ĐBCL bên trong cũng như phục vụ KĐCL CSGD và CTĐT định kỳ.

Như vậy, việc khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ của Khoa và Nhà trường được thực hiện một cách có hệ thống, được đánh giá, được sử dụng để cải tiến các hoạt động. Hoạt động này được triển khai liên tục và có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của CTĐT ngành ĐPH.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ đến CTĐT của ngành ĐPH được triển khai có tính hệ thống, có đơn vị chuyên môn phụ trách. Kết quả phản hồi được đánh giá qua các báo cáo kết quả khảo sát và được sử dụng để cải tiến các mặt hoạt động liên quan đến đào tạo, nghiên cứu của CTĐT ngành ĐPH.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ phản hồi của nhà sử dụng lao động còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết lập mối quan hệ thường xuyên với đối tác nhà sử dụng lao động với Bộ môn nhằm tăng tỉ lệ phản hồi khảo sát.	Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thực hiện thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau để tạo cơ sở cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành ĐPH.	Phòng KT&BĐCLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Có thể thấy, thông qua các hoạt động cụ thể, Khoa Lịch sử đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Theo đó, CTDH của ngành ĐPH thường xuyên được đánh giá bởi các BLQ và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất. Trên cơ sở đó, CTĐT được thiết kế, xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên thông tin phản hồi của các BLQ và so sánh, đối chiếu, tham khảo CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước. Bên cạnh đó, trong quá

trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH cũng được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện các mục tiêu của CTĐT. Hoạt động NCKH của GV, SV Khoa đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và các NCKH đã được ứng dụng hiệu quả vào việc dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được đánh giá, cải tiến phục vụ cho các hoạt động của GV và SV; cơ chế phản hồi của các BLQ được thực hiện có hệ thống, đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, thời gian tới nhà Trường và Khoa tiếp tục phối hợp với các phòng/ban chức năng của Nhà trường cũng như các BLQ trong việc tăng cường đầu tư cho hoạt động NCKH, rà soát và hoàn thiện CTĐT, nâng cấp CSVC để phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 10.1				x				4.33	6	100.00
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6					x					

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là tiêu chuẩn, thước đo phản ánh chất lượng đào tạo của Nhà trường và Khoa. Chính vì vậy, ngành ĐPH thuộc Khoa Lịch sử luôn coi trọng công tác đánh giá chất lượng, giám sát kết quả đầu ra, như: tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp; thống kê, tổng kết hoạt động NCKH của SV; mức độ hài lòng của các bên: SV, SVTN, GV, nhà sử dụng lao động, nhân viên, cán bộ quản lý...

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm.

Để đảm bảo giám sát và có báo cáo khách quan chất lượng đầu ra trong quá trình đào tạo ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH đã thực hiện việc thống kê và giám sát danh sách SV nhập học, tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04]. Theo quy định chức năng, nhiệm vụ và giải quyết công việc của các đơn vị, Phòng ĐTĐH&CTSV được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp hàng năm [H08.08.03.03], [H08.08.03.01], [H08.08.03.04].

Theo đó, Nhà trường định kỳ tiến hành dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, học lại mỗi năm học [H11.11.01.05]. Phòng ĐTĐH&CTSV tiến hành thực hiện việc thống kê các thông tin về tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN để từ đó làm cơ sở đánh giá và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H11.11.01.06], [H11.11.01.07].

Theo kết quả thống kê của Phòng ĐTĐH&CTSV, tỉ lệ SV thôi học của ngành ĐPH trong giai đoạn 2019 - 2023 là rất thấp thấp, chỉ có 01 SV nghỉ học ở năm 1, chiếm 0,55% [H11.11.01.07].

Bảng 11.1.1. Thống kê số SV thôi học giai đoạn 2019-2023

Năm học tuyển sinh	Tổng số SV nhập học	Số SV thôi học năm thứ nhất	Số SV thôi học năm thứ hai	Số SV thôi học năm thứ ba	Số SV thôi học năm thứ tư	Tổng số SV thôi học	Tỉ lệ SV thôi học/SV nhập học (%)
2018- 2019	55	01	0	0	0	0	1,82
2019-2020	33	0	0	0	0	0	0
2020-2021	30	0	0	0	0	0	0
2021-2022	38	0	0	01	0	0	0
2022-2023	27	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	183	01	0	01	0	0	0,55

(Nguồn: [H11.11.01.07])

Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành ĐPH chiếm tỉ lệ khoảng 65,36% [H11.11.02.04]. Nguyên nhân dẫn đến một số SV ngành ĐPH chưa tốt nghiệp đúng hạn là vì chưa hoàn thành các chứng chỉ bắt buộc như: chứng chỉ tiếng Anh B1, chứng chỉ Giáo dục thể chất, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng hoặc chưa hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định của CTĐT. Bên cạnh đó, một bộ phận SV tự bỏ học nhưng không làm đơn xin thôi học nên Phòng ĐTDH&CTSV chưa thực hiện thống kê được.

1.2. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát.

Hàng năm, trên cơ sở KQHT tích lũy của SV, Phòng ĐTDH&CTSV lập cảnh báo học vụ và thông báo đến Khoa quản lý và SV biết để có kế hoạch cải thiện KQHT, nếu không sẽ bị thôi học theo quy định. Việc thống kê, giám sát tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SVTN đã giúp cho Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử nắm bắt được tình trạng theo học cũng như tình trạng tốt nghiệp của SV ngành ĐPH. Trên cơ sở đó, Nhà trường và Khoa có những hoạt động cụ thể nhằm hạn chế tình trạng SV thôi học cũng như nâng cao tỉ lệ SVTN đúng hạn [H11.11.01.07].

Bên cạnh đó, tại các buổi sinh hoạt lớp định kỳ hàng tháng, CVHT thường xuyên nhắc nhở SV chủ động hoàn thành sớm các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp đúng thời hạn.

Ngoài ra, trong các hội nghị SV học tập tốt, rèn luyện tốt, Khoa cũng thường xuyên nhắc nhở SV cần kiểm tra kết quả, tiến độ học tập của bản thân, lập kế hoạch cụ thể để hoàn thành các chứng chỉ điều kiện về ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng; các học phần còn thiếu so với CTĐT để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn [H04.04.02.09].

1.3. Đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT.

Để nâng cao và cải tiến chất lượng đào tạo, Nhà trường đã thường xuyên thực hiện công tác đối sánh về tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của các ngành học giữa các khóa đào tạo, đối sánh với SV các ngành khác của Nhà trường [H11.11.01.08]; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tất cả các CTĐT [H11.11.01.09]; tỉ lệ học lại, thi lại môn học/học phần [H11.11.01.10]. Trên kết quả thống kê của Nhà trường về tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học, Khoa Lịch sử và ngành ĐPH đã thực hiện đối sánh các tỉ lệ này đối với các ngành đào tạo khác trong Trường. Từ đó Khoa đã tiến hành họp,

phân tích những ưu thế, hạn chế, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp hạn chế tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp cho SV ngành ĐPH trong những năm tiếp theo.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SV ngành ĐPH được Trường ĐHKH, ĐHH xác lập, giám sát thường xuyên qua từng năm học. Thông tin về cảnh báo học vụ được thông báo kịp thời hàng năm đến khoa quản lý, hệ thống CVHT và SV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa Lịch sử chưa có những giải pháp hiệu quả nhằm hạn chế tỉ lệ bỏ học và đặc biệt là tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tìm hiểu chính xác nguyên nhân, tổ chức hội thảo đề xuất giải pháp hiệu quả nhằm giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Định kỳ 1 học kỳ/năm
2	Phát huy điểm mạnh	CVHT thường xuyên nhắc nhở SV chủ động hoàn thành các chứng chỉ điều kiện để đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Định kỳ 1 học kỳ/năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá.

CTĐT ngành ĐPH tổng cộng 123 tín chỉ được thiết kế để đào tạo trong 4 năm với 8 học kỳ. Tuy nhiên, theo quy định về việc đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Trường ĐHKH, ĐHH ban hành thì tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà SV có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học. Tùy vào trường hợp cụ thể thì SV ngành ĐPH có thể tốt nghiệp sớm nhất là 3.5 năm [H11.11.02.01].

Theo sự phân công nhiệm vụ của Trường ĐHKH, ĐHH, Phòng ĐTĐH&CTSV có chức năng và nhiệm vụ giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.02.02], [H11.11.02.03]. Theo đó, vào thời điểm đầu tháng 5 hàng năm, Phòng ĐTĐH&CTSV tiến hành xác định danh sách SV đủ điều kiện tốt nghiệp đúng thời hạn để chuẩn bị các thủ tục liên quan đến việc xét tốt nghiệp vào cuối tháng 5, tổ chức Lễ tốt nghiệp và trao vào cuối tháng 6.

Theo thống kê kết quả xét tốt nghiệp cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ĐPH là 4,17 năm [H11.11.02.04].

Bảng 1.2.1. Thống kê thời gian tốt nghiệp của SV ngành ĐPH
giai đoạn 2019 - 2023

Khoá đào tạo	Tổng số SV năm cuối	TN trước hạn	TN đúng hạn	Tỉ lệ TN đúng hạn (%)	TN sau hạn 01 năm	TN sau hạn 02 năm	TN sau hạn 03 năm	TN sau hạn 04 năm	Thời gian tốt nghiệp trung bình
2015 - 2019	30	0	20	66,67	01	02	0	0	4,22
2016 - 2020	40	0	34	85,00	02	0	0	0	4,06
2017 - 2021	39	0	27	69,23	07	01	0	0	4,26
2018 - 2022	45	0	17	37,78	06	0	0	0	4,26
2019 - 2023	25	0	19	76,00	01	0	0	0	4,05
Trung bình tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (%)				65,36	Trung bình thời gian tốt nghiệp trung bình				4,17

Theo đó, phần lớn SVTN đúng theo thời gian thiết kế của CTĐT, tuy nhiên vẫn có một số SV tốt nghiệp với thời gian kéo dài hơn 4 năm. Nguyên nhân của việc kéo dài thời gian tốt nghiệp của SV so với thời gian thiết kế của CTĐT ngành ĐPH là do một số SV chưa hoàn thành các chứng chỉ bắt buộc như: chứng chỉ tiếng Anh B1, chứng chỉ

giáo dục thể chất, chứng chỉ giáo dục quốc phòng hoặc chưa hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định của CTĐT. Bên cạnh đó, có một số SV đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng muốn cải thiện KQHT nên đã làm đơn xin hoãn xét tốt nghiệp để đăng ký học cải thiện KQHT của một số học phần. Các nguyên nhân này đã làm cho thời gian tốt nghiệp của các SV này kéo dài hơn so với thời gian thiết kế của chương trình quy định.

2.2. Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập.

Nắm bắt được tình trạng kéo dài thời gian tốt nghiệp và nguyên nhân dẫn đến việc phải kéo dài thời gian tốt nghiệp của SV ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH đã thực hiện các hoạt động cụ thể nhằm hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp như tổ chức các lớp học lại, học cải thiện, học vượt vào học kỳ hè để giúp SV nhanh chóng đủ điều kiện tốt nghiệp [H11.11.02.05], [H11.11.02.06], [H11.11.02.07], [H11.11.02.08].

Nhằm tư vấn, giám sát và hỗ trợ SV trong suốt quá trình học tập, Nhà trường đã cử CVHT cho các nhóm lớp SV [H11.11.02.09], [H08.08.04.02], [H11.11.02.10], [H11.11.02.11], ban hành quy định chức năng và nhiệm vụ của CVHT [H11.11.02.12]. Các CVHT của Khoa đã căn cứ vào KQHT để tư vấn cho SV đăng ký số lượng tín chỉ phù hợp cho từng kỳ học, tư vấn về phương pháp học tập, cách tìm kiếm và sử dụng hiệu quả các tài liệu tham khảo để nâng cao KQHT.

2.3. Có tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường và Phòng ĐTĐH&CTSV đã tổ chức các cuộc họp nhằm tổng kết, đánh giá tình hình tốt nghiệp của NH nhằm đưa ra những biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian và tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.13], [H11.11.02.14], [H11.11.02.15]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã bước đầu thực hiện đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ở tất cả các CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.08].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKH, ĐHH đã thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ĐPH. CVHT có các giải pháp hỗ trợ giúp SV đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp của SV ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH với thời gian tốt nghiệp của SV ngành ĐPH thuộc các trường đại học trong và ngoài nước chưa thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện thu thập thông tin về thời gian tốt nghiệp của SV ngành ĐPH thuộc các trường đại học trong và ngoài nước để thực hiện đối sánh với thời gian tốt nghiệp của SV ngành ĐPH, Trường ĐHKH, ĐHH.	Phòng ĐTĐH&CTSV, Khoa Lịch sử	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp hỗ trợ nhằm giúp SVTN đúng thời gian thiết kế của CTĐT.	Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

3.1. Có bộ phận/quy trình thống kê/lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác trong thời gian đánh giá.

Công tác đào tạo ngành ĐPH luôn đặt mục tiêu là đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ hiện nay. Đây là một trong những sứ mạng quan trọng của Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử đối với xã hội. Mục tiêu này được kiểm chứng thông qua tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01].

Theo sự phân công nhiệm vụ của Trường ĐHKH, ĐHH, Phòng KT&BĐCLGD có chức năng và nhiệm vụ làm đầu mối triển khai kế hoạch khảo sát tình hình có việc làm của SVTN sau 12 tháng, tổng hợp, xử lý kết quả, lập báo cáo kết quả khảo sát và gửi Nhà trường, ĐHH và Bộ GD&ĐT theo đúng yêu cầu và thời gian [H11.11.03.02]. Phòng ĐTĐH&CTSV có nhiệm vụ cung cấp thông tin liên lạc của SVTN. CVHT có nhiệm vụ liên lạc với SVTN để khảo sát tình hình việc làm [H11.11.03.03]. Quá trình tiến hành

khảo sát gồm các bước: (1) CVHT thu thập thông tin tình hình việc làm của SVTN thông qua phỏng vấn bằng điện thoại, hoặc qua email, qua facebook, tiếp đến là gửi phiếu khảo sát bằng hình thức trực tuyến (Google Form) cho SVTN để thu thập thông tin một cách đầy đủ hơn (2) Kết quả khảo sát được trợ lý CTSV&BDCLGD của Khoa tổng hợp, gửi cho Phòng KT&BDCLGD. (3) Phòng KT&BDCLGD tập hợp số liệu, phân tích, thống kê, lập báo cáo gửi cho Nhà trường, ĐHH, Bộ GD&ĐT và đăng tải công khai trên website của Nhà trường [H11.11.03.04], [H11.11.03.05], [H11.11.03.06], [H11.11.03.07], [H11.11.03.08]. Từ năm 2022, công tác khảo sát SVTN được tiến hành trên phần mềm (<http://khaosat.husc.edu.vn>).

Trên CSDL SVTN do Phòng ĐTDH&CTSVC cung cấp, Phòng KT&BDCLGD lập kế hoạch khảo sát, chuẩn bị các tài liệu, biểu mẫu liên quan, dự trù kinh phí và tổ chức tập huấn cho trợ lý CTSV&BDCLGD và CVHT các nhóm lớp có SVTN cần khảo sát, triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SVTN; bổ sung số liệu NH có việc làm, vị trí, mức thu nhập, đơn vị công tác...

3.2. Có số liệu tin cậy về tỉ lệ NH có việc làm trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

Theo kết quả khảo sát kết quả tình hình việc làm của SVTN, SVTN ngành ĐPH có việc làm chiếm tỉ lệ trên 90,63% trong 5 năm 2018 - 2022 [H03.03.01.17]. Thống kê cụ thể trong từng năm học được thể hiện rõ nét qua bảng 11.3.1 như sau:

Bảng 11.3.1 Thống kê tình hình việc làm SVTN của ngành ĐPH

TT	Năm SVTN	Số phản hồi	Có việc làm			Tiếp tục học nâng cao	Chưa có việc làm	Tỉ lệ có việc làm (*) (%)
			<i>Đúng ngành đào tạo</i>	<i>Liên quan đến ngành đào tạo</i>	<i>Không liên quan đến ngành đào tạo</i>			
1	2018	33	3	16	3	8	3	90,91
2	2019	23	4	4	6	5	4	82,61
3	2020	38	2	8	23	3	2	94,74
4	2021	31	0	10	15	5	1	96,77
5	2022	35	0	7	14	9	5	85,71
Tổng cộng		180	9	45	61	30	15	90,63

Theo thống kê thời gian tìm việc của SVTN có việc làm cho thấy, đa số SVTN ngành ĐPH tìm được việc làm dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp (TB: 82,30%), trong đó: trước khi tốt nghiệp chiếm 11,76% và từ 0-6 tháng chiếm 70,54%. Tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp là rất thấp (1,58%) [H03.03.01.17].

3.3. Tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong CSGD với cùng hình thức đào tạo, đối sánh cùng ngành/chuyên ngành đào tạo trong nước/quốc tế.

Định kỳ, Nhà trường tiến hành đối sánh tỉ lệ NHTN có việc làm giữa các CTĐT trong Trường [H11.11.03.09], [H03.03.01.17]. Kết quả đối sánh hằng năm giữa ngành ĐPH với các CTĐT khác trong Trường qua các năm cho thấy, vị trí đối sánh của SVTN ngành ĐPH lần lượt là: 05/24 (SVTN2018), 10/24 (SVTN2019), 06/24 (SVTN2020), 08/24 (SVTN2021) và 09/19 (SVTN2022). Đây là vị trí tương đối cao so với mặt bằng chung của toàn Trường.

Đối sánh tỉ lệ SVTN ngành ĐPH có việc làm qua các năm cho thấy, tỉ lệ này có xu hướng biến động từ 82%-96%. Tỷ lệ SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo có xu hướng biến động trong 5 năm, tăng từ 9,09%-17,39% giai đoạn 2018-2019, giảm xuống 0,00% vào năm 2021 và 2022. Tỷ lệ SVTN ra trường có việc làm trái ngành có xu hướng tăng từ năm 2018-2020 và giảm nhẹ ở năm 2021 và 2022, chiếm tỉ lệ trung bình 38,13%.

3.4. Tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục; thực hiện các phương án hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm.

Đề SV ngành ĐPH nói riêng và SV Trường ĐHKH, ĐHH nói chung có cơ hội tiếp xúc các đơn vị tuyển dụng và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử đã thực hiện một số giải pháp nhằm hỗ trợ và nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho SV ngay khi đang được đào tạo trong Nhà trường. Cụ thể Nhà trường đã đẩy mạnh phát triển mạng lưới quan hệ hợp tác với các đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp bằng các hoạt động cụ thể như: mời doanh nghiệp tham gia các chương trình đồng hành cùng SV để chia sẻ kiến thức thực tế về ngành nghề được đào tạo; tổ chức ngày hội việc làm hàng năm để tạo điều kiện SV năm cuối gặp gỡ trực tiếp các nhà tuyển dụng để tăng khả năng tìm kiếm việc làm; mời đại diện doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các chuyên gia đến chia sẻ kinh nghiệm về phỏng vấn việc làm [H03.03.01.22], [H03.03.01.21], [H04.04.01.09], [H08.08.04.10].

Khoa Lịch sử cũng thường xuyên đăng tải những thông tin tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp là đối tác của Khoa giúp cho SV có cơ hội tiếp cận với thông tin việc làm của ngành học. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên giữ mối liên lạc với các cựu SV để cung cấp thông tin tuyển dụng ở các địa phương khác nhau, kịp thời thông báo đến các bạn SV có cơ hội tìm kiếm việc làm nhanh chóng, kịp thời.

2. Điểm mạnh

ĐPH hiện nay là một ngành có cơ hội việc làm rất lớn ở khu vực miền Trung, vì vậy, cơ hội việc làm của SV sau khi ra trường là tương đối tốt. Ý thức được thế mạnh này, Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử đã thực hiện các biện pháp cụ thể để hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm ngay khi đang còn học trên ghế Nhà trường, đặc biệt là sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm của SV ngành ĐPH với các trường trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện đối sánh tỉ lệ có việc làm đối với các CTĐT khác.	Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp để hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm đúng ngành nghề đào tạo ngay sau khi tốt nghiệp như tổ chức ngày hội việc làm, mở rộng ký kết hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp trong việc tuyển dụng SV.	Phòng KT&BDCLGD, Khoa Lịch sử	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 5/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

4.1. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập.

Phòng KHCN&HTQT với chức năng và nhiệm vụ chính là quản lý, giám sát hoạt động NCKH của cán bộ, GV, SV và hoạt động HTQT. Phòng KHCN&HTQT đã ban hành các quy định chi tiết về NCKH của SV, trong đó nhấn mạnh các tiêu chuẩn về SV NCKH, nội dung nghiên cứu và quy trình thực hiện các đề tài khoa học [H11.11.04.01], [H11.11.04.02].

Dựa trên các văn bản hướng dẫn, chỉ tiêu số lượng đề tài NCKH của SV, Khoa Lịch sử tổ chức cho SV đăng ký, HĐ KH&ĐT của Khoa xét duyệt các đề tài đủ tiêu chuẩn, cử GV hướng dẫn và trình HĐ KH&ĐT Nhà trường thẩm định và ra quyết định để thực hiện [H11.11.04.03].

Ngoài việc căn cứ vào các tiêu chuẩn chung xét chọn đề tài do SV đăng ký, Khoa Lịch sử còn phân công GV hướng dẫn, tạo điều kiện để giúp SV triển khai thực hiện tốt đề tài NCKH. Số lượng đề tài NCKH của SV Khoa Lịch sử thực hiện trong thời gian qua chưa nhiều, SV chưa thật sự tích cực tham gia NCKH, đây là vấn đề trong thời gian tới Khoa sẽ quan tâm hơn nữa, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm tăng số lượng SV tham gia các hoạt động NCKH [H11.11.04.04].

Hàng năm, SV của Khoa đều hoàn thành các công trình NCKH đúng hạn và đạt kết quả khá, tốt [H11.11.04.05].

4.2. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát.

Các đề tài NCKH của SV được tiến hành có sự hướng dẫn, tư vấn của GV trong Khoa. Công tác nghiệm thu, đánh giá đề tài NCKH của SV được tiến hành đúng quy định, nghiêm túc, khách quan. Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu, Khoa tổ chức thực hiện nghiệm thu các đề tài NCKH của SV. Trong buổi nghiệm thu, SV sẽ trình bày về các kết quả nghiên cứu mà đề tài đã đạt được. Trên cơ sở đó, Hội đồng nghiệm thu sẽ tiến hành đánh giá chất lượng của các đề tài nghiên cứu với các mức: Không nghiệm thu, Đạt, Khá, Tốt. Quá trình nghiệm thu, đánh giá đề tài có sự giám sát của Phòng KHCN&HTQT [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.03].

4.3. Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH.

Những kết quả NCKH của SV được sử dụng trong công tác đào tạo và ứng dụng vào công việc trong tương lai. Khoa thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học, bàn thảo các vấn đề nêu trong các đề tài NCKH của SV. Từ kết quả thảo

luận trong các buổi tọa đàm, SV đánh giá được chất lượng nghiên cứu để không ngừng cải tiến nâng cao hiệu quả nghiên cứu ở các công trình sau [H11.11.04.04], [H11.11.04.08], [H11.11.04.09], [H11.11.04.10], [H11.11.04.11], [H11.11.04.12].

Bảng 11.4.1. Bảng tổng hợp số lượng đề tài SV NCKH của ngành ĐPH.

Năm học	2018-2019	2019- 2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng	1	1	1	2	1

4.4. Có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác nhau.

Hiện tại đã thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của ngành ĐPH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, nhưng vẫn chưa đối sánh giữa các CSGD khác nhau. Hằng năm, SV ngành ĐPH luôn đăng ký thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở nhằm trau dồi kiến thức chuyên môn. So sánh với các ngành khác trong Nhà trường, số lượng đăng ký thực hiện NCKH của SV ngành ĐPH luôn được đảm bảo theo chỉ tiêu đề ra. Các đề tài đăng ký đều được nghiệm thu đúng thời hạn và đa phần đạt mức khá trở lên [H11.11.04.03].

Bảng 11.4.2. Đối sánh số lượng đề tài NCKH của SV giữa các ngành đào tạo trong Trường qua các năm

Ngành đào tạo	2019		2020		2021		2022		2023	
	Số đề tài	Tỉ lệ (%)	Số đề tài	Tỉ lệ (%)	Số đề tài	Tỉ lệ (%)	Số đề tài	Tỉ lệ (%)	Số đề tài	Tỉ lệ (%)
Sinh học	1	2,2	1	4,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Công nghệ sinh học	12	26,1	6	24,0	9	31,0	5	31,3	3	18,8
Địa chất học	0	0,0	0	0,0	2	6,9	1	6,3	0	0,0
Vật lý học	2	4,3	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Hóa học	8	17,4	5	20,0	6	20,7	3	18,8	3	18,8
Địa lý tự nhiên	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Khoa học môi trường	3	6,5	0	0,0	2	6,9	0	0,0	0	0,0
Toán học	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Toán ứng dụng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	1	6,3
Công nghệ thông tin	1	2,2	1	4,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	3	6,5	3	12,0	2	6,9	2	12,5	3	18,8
Kỹ thuật địa chất	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Kỹ thuật trắc địa-bản đồ	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Kiến trúc	2	4,3	0	0,0	1	3,4	1	6,3	1	6,3
Hán Nôm	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Ngôn ngữ học	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Văn học	3	6,5	2	8,0	2	6,9	1	6,3	1	6,3
Đông phương học	1	2,2	1	4,0	2	6,9	1	6,3	1	6,3
Triết học	1	2,2	1	4,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Lịch sử	1	2,2	1	4,0	0	0,0	1	6,3	1	6,3
Xã hội học	2	4,3	1	4,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Báo chí	2	4,3	1	4,0	2	6,9	0	0,0	0	0,0
Công tác xã hội	2	4,3	1	4,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Quản lý tài nguyên và môi trường	3	6,5	1	4,0	1	3,4	1	6,3	2	12,5
Tổng	46	100	25	100	29	100	16	100	16	100

4.5. Có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH.

Trong những năm qua, Nhà trường luôn nỗ lực đầu tư và khuyến khích hoạt động NCKH của NH. Phòng KHCN&HTQT luôn triển khai kịp thời các thông báo đề xuất các nhiệm vụ cấp cơ sở và SV NCKH hàng năm [H11.11.04.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã tăng mức hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH của SV trong quy chế chi tiêu nội bộ [H11.11.04.13].

Bảng 11.4.3. Thống kê kinh phí thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở

Năm thực hiện	2019	2020	2021	2024
Kinh phí (VNĐ)	5.000.000	5.000.000	6.000.000	7.000.000

(Nguồn: Trường ĐHKH)

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Lịch sử đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Khoa Lịch sử cử các GV có kinh nghiệm và nhiệt tình hỗ trợ SV trong hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, hoạt động NCKH của Khoa chưa thật sự thu hút SV tham gia, nhất là tham gia thực hiện các đề tài khoa học, các hội thảo khoa học SV. Vẫn chưa đối sánh với các CSGD khác trong NCKH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung các quy định mới phù hợp và điều chỉnh các quy định liên quan đến quyền lợi NCKH của SV hấp dẫn hơn nhằm thu hút và khuyến khích SV đăng ký và tham gia NCKH. Tiến hành đối sánh loại hình và số lượng NCKH SV ngành ĐPH với các trường trong và ngoài nước.	Phòng KHCN&HTQT, Khoa Lịch sử	Từ năm 2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH của SV, đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn hoạt động NCKH nhằm khơi gợi SV niềm đam mê NCKH và xem hoạt động này vừa là nhiệm vụ bắt buộc và vừa có quyền lợi.	Phòng KHCN&HTQT, Khoa Lịch sử	Định kỳ

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

5.1. *Thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,...*

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến các hoạt động, Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng các BLQ, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các BLQ, làm cơ sở để lập kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng để Trường và Khoa có những điều chỉnh thiết thực trong CTĐT, NCKH, CSVC, các dịch vụ hỗ trợ người dạy và học.

- Đối với cán bộ: Nhà trường đã tiến hành thu thập mức độ hài lòng của GV về CTĐT ngành ĐPH giai đoạn từ 2018 - 2022 [H01.01.02.04]. Kết quả cho thấy GV đánh giá về CTĐT rất cao, có 97,74% GV đồng ý với chất lượng của CTĐT. Ngoài ra, Phòng KT&BDCLGD của Trường cũng đã thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ về mức độ đáp ứng CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban [H08.08.05.25]. Kết quả thống kê giai đoạn 2019-2023 cho thấy, 86,09% cán bộ hài lòng với khảo sát này, tỉ lệ này có xu hướng tăng qua các năm, từ 81,65% (Năm 2021) lên 90,52% (Năm 2023). Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chính sách thi đua khen thưởng [H06.06.06.18], kết quả khảo sát cho thấy trên 87,65% cán bộ Khoa Lịch sử phản hồi hài lòng về công tác đào tạo bồi dưỡng, 92,11% hài lòng về thi đua khen thưởng.

- Đối với NH: Hàng năm, Nhà trường đề ra kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H03.03.01.19]. Kết quả khảo sát cho thấy: giai đoạn 2019 - 2023 mức độ hài lòng của NH với hoạt động giảng dạy của GV đạt tỉ lệ rất cao, và có xu hướng tăng dần qua các năm, từ 94,83% lên 96,29%. Trong đó ND7 – Tác phong sư phạm của GV được đánh giá cao nhất, đạt 95,91%, tuy nhiên ND3 - Tài liệu học tập và phương tiện dạy học bị đánh giá thấp, chỉ đạt 95,29%. Bên cạnh đó, Phòng KT&BĐCLGD cũng tiến hành khảo sát NH năm cuối của ngành đào tạo về mức độ hài lòng đối với CTĐT [H01.01.01.02]. Kết quả khảo sát giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy, NH hài lòng với chất lượng đào tạo của Nhà trường, ĐTB đạt mức Khá 3,03, mức độ hài lòng đạt 89,38%. Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát ý kiến NH về mức độ đáp ứng CSVC, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban năm học 2020-2021 và năm học 2022-2023 [H08.08.05.25]. Theo đó, trong giai đoạn 2019 - 2023, mức độ hài lòng chung đạt 88,89%, tỉ lệ này có xu hướng tăng qua các năm, 85,60% (Năm 2021) lên 92,19% (Năm 2023). Ngoài ra, Phòng KT&BĐCLGD còn tiến hành khảo sát ý kiến của bạn đọc ngành ĐPH về mức độ đáp ứng nhu cầu tại Trung tâm TT&TV [H09.09.02.27]. Thống kê giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy: đa số bạn đọc cảm thấy hài lòng khi đến thư viện của Trường, mức độ hài lòng đạt: 85,65%.

- Đối với cựu SV: Nhà trường định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của SVTN ngành ĐPH về CTĐT [H05.05.03.05]. Thống kê khảo sát giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy: 100% SVTN có khả năng đáp ứng hoặc đáp ứng 1 phần yêu cầu công việc. Có 85,65% SVTN hài lòng về chất lượng CTĐT, ĐTB được đánh giá là 3,05, mức Khá. Để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và tăng tỉ lệ SVTN có việc làm trong những năm tiếp theo Nhà trường và Khoa Lịch sử đã tiếp thu ý kiến của SVTN như một kênh thông tin hữu ích để đổi mới CTĐT phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng và thị trường lao động hiện nay. Phòng KT&BĐCLGD đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SVTN ngành ĐPH [H03.03.01.17]. Thống kê khảo sát giai đoạn 2018 - 2022 cho thấy: có 90,63% SVTN có việc làm, trong đó: 5,63% SVTN có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo, 28,13% SVTN có việc làm liên quan chuyên ngành đào tạo, 38,13% SVTN có việc làm không liên quan chuyên ngành đào tạo.

- Đối với nhà tuyển dụng: Khảo sát nhà sử dụng lao động về chất lượng của SVTN ngành ĐPH [H11.11.03.03]. Kết quả thống kê giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy, 80,84% nhà sử dụng lao động hài lòng với SVTN ngành ĐPH.

5.2. Mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT hoặc của các CTĐT khác trong và ngoài CSGD.

Nhà trường và Khoa Lịch sử đã định kỳ tổ chức các đợt khảo sát ý kiến của các BLQ gồm: Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV mỗi học kỳ; khảo sát ý kiến bạn đọc về mức độ đáp ứng của Trung tâm TT&TV; khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng lao động chất lượng SVN; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng toàn khóa học; khảo sát ý kiến cán bộ và NH về cảnh quan môi trường, CSVC và thái độ phục vụ của các phòng ban và các dịch vụ tiện ích hỗ trợ khác. Những nội dung khảo sát được thể hiện cụ thể trong các phiếu khảo sát cho từng đối tượng và được rà soát cập nhật phù hợp với tình hình thực tế. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các BLQ khá cao. Kết quả khảo sát đã tổng hợp thống kê, lưu trữ và đối sánh giữa các lần khảo sát và đối sánh với các ngành trong Trường. Số liệu được thể hiện đầy đủ trong các báo cáo thống kê [H01.01.02.04], [H05.05.03.05], [H02.02.01.13], [H03.03.01.17], [H03.03.01.19], [H06.06.06.18], [H08.08.05.25], [H09.09.02.27], [H11.11.03.03].

5.3. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh được sử dụng làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng.

Bên cạnh đó, Khoa Lịch sử hàng năm còn nhận được những ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng về chất lượng của SVTN đang làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp. Trên cơ sở góp ý của nhà tuyển dụng, Khoa Lịch sử có cơ sở để điều chỉnh CTĐT, cải tiến hoạt động dạy học nhằm đào tạo đội ngũ nhân lực ngày càng đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng [H01.01.03.05].

Kết quả khảo sát của các năm học cho thấy, mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng, CBVC, GV trong Nhà trường, SV và cựu SV ngành ĐPH về CTĐT, CSVC, dịch vụ hỗ trợ dạy và học có những tiến triển rất tích cực, năm sau cao hơn năm trước. Kết quả này phản ánh sự cải tiến các điều kiện dành cho công tác đào tạo, NCKH, CSVC, các dịch vụ hỗ trợ của Khoa và Nhà trường không ngừng được đầu tư và quan tâm theo từng năm [H11.11.05.01].

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng, CBVC, GV trong nhà trường, SV và cựu SV là rất cần thiết để Khoa có những thay đổi phù hợp trong công tác đào tạo. Định kỳ 2 năm/1 lần, Khoa Lịch sử căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ hài lòng, các ý kiến đóng góp của các BLQ để xây dựng, điều chỉnh lại CTĐT theo hướng chọn NH làm trung tâm [H01.01.03.02].

Trên cơ sở kết quả khảo sát các BLQ, Nhà trường ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm, nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy điểm mạnh để không ngừng nâng cao chất lượng [H03.03.03.05].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa Lịch sử thường xuyên thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng CTĐT, chất lượng SVTN và những hoạt động khác. Kết quả khảo sát được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh ngoài cơ sở đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của BLQ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp với các phòng ban của Trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng.	Phòng KT&BĐCLGD, Khoa Lịch sử	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí Đạt, 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhà trường và Khoa Lịch sử có hệ thống theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV nhưng chưa thực hiện thống kê và phân tích nguyên nhân, chưa tiến hành đối sánh với các trường đại học khác ở trong nước và trên thế giới để đề xuất các biện pháp và tổ chức đánh giá thực hiện các biện pháp để hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp, tăng tỉ lệ tốt nghiệp và giảm tỉ lệ thôi học. Có số liệu đáng tin cậy về tình hình việc làm của NHTN. Định kỳ hàng năm khảo sát NHTN về chất lượng CTĐT và tình hình việc làm. Có quy định cụ thể về hoạt động NCKH cho NH tương thích với mục tiêu và CĐR của CTĐT.

- Điểm mạnh nổi bật: Tỉ lệ SVTN có việc làm cao. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng SVTN.

- Điểm tồn tại cơ bản: Chưa đối sánh mức độ hài lòng BLQ với các cơ sở giáo dục ngoài Trường.

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 11.1				x				4.20	5	100.00
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3					x					
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT.

- *Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:* Mục tiêu của CTĐT ngành ĐPH được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHKH, ĐHH, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp. CDR được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai trên nhiều kênh thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ tiếp cận.

- *Bản mô tả chương trình đào tạo:* Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành ĐPH có đầy đủ các thông tin theo quy định; được rà soát, bổ sung và cập nhật các thông tin mới liên quan đến đặc thù của ngành đào tạo theo kế hoạch chung của Nhà trường; được công bố công khai bằng nhiều hình thức, các BLQ có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách thuận lợi.

- *Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học:* CTDH được sắp xếp theo từng khối kiến thức, có cấu trúc hợp lý, nội dung đảm bảo tính logic, khoa học và luôn được cập nhật. Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung có tham khảo CTĐT của một số trường đại học uy tín trong nước, của chuyên gia, của các BLQ như nhà tuyển dụng, SV và cựu SV. Các học phần có nội dung, phương pháp dạy học, phương thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp, đảm bảo đạt được CDR.

- *Phương pháp tiếp cận trong dạy và học:* Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Các hoạt động dạy và học đa dạng, phong phú, phù hợp với đặc thù của ngành ĐPH, giúp SV đạt được CDR. Các hoạt động NCKH, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hợp tác với doanh nghiệp giúp SV nâng cao kiến thức, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết, kỹ năng tự học và tinh thần học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng và của xã hội.

- *Đánh giá kết quả học tập của người học:* Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được xây dựng phù hợp với mức độ đạt được CDR, được công bố công khai đến GV và SV. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng, phù hợp với nội dung học phần, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng. Kết quả học tập của SV được phản hồi kịp thời, đúng quy định; SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập và được giải quyết đúng quy định, qua đó SV có thể tự điều chỉnh việc học tập của bản thân để đạt được

kết quả tốt hơn.

- *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên:* Công tác quy hoạch, tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV được xây dựng, thực hiện có kế hoạch, tiêu chuẩn rõ ràng, công khai và đúng quy trình, thủ tục. Khoa Lịch sử đã xây dựng và phát triển đội ngũ GV, NCV đảm bảo chất lượng, có trình độ, có năng lực và đủ về số lượng, đảm bảo tỷ lệ SV/GV đáp ứng nhu cầu về hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nhà trường chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn đối với đội ngũ GV, NCV, thực hiện quản trị và đánh giá năng lực GV, NCV theo kết quả công việc một cách chính xác, khoa học, phù hợp với quy định.

- *Đội ngũ nhân viên:* Đội ngũ NV của Khoa Lịch sử nói riêng và Trường ĐHKH, ĐHH nói chung đảm bảo về số lượng và chất lượng, thực hiện tốt nhiệm vụ, trách nhiệm của mình trong hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ NV đã được Nhà trường tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo các tiêu chí được xác định rõ ràng và được công bố công khai. Nhà trường và Khoa Lịch sử luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất để khuyến khích đội ngũ NV thực hiện việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc quản trị và đánh giá năng lực của đội ngũ NV theo kết quả công việc được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, điều đó đã góp phần tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- *Người học và hoạt động hỗ trợ người học:* Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xác định rõ ràng, được rà soát, cập nhật kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế và được công bố công khai bằng nhiều hình thức, được rà soát và đánh giá hàng năm. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Trong hoạt động đào tạo, Khoa và Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV; có nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt các CLB, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp SV cải thiện kết quả học tập, rèn luyện kỹ năng và tăng khả năng tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Khuôn viên, diện tích, môi trường và điều kiện CSVC của Nhà trường đã tạo được môi trường tâm lý thoải mái cho SV trong hoạt động đào tạo và NCKH.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị:* Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng tư liệu, phòng bảo tàng được bố trí đầy đủ, các trang thiết bị phù hợp, khá hiện đại đã hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV. Trung tâm TT&TV đáp ứng tốt nguồn học liệu và môi trường học tập cho SV; cán bộ phụ trách thân thiện và nhiệt

tình. Hệ thống phòng tư liệu, phòng trưng bày hiện vật với nhiều đầu sách, báo, tạp chí, học cụ cùng các trang thiết bị, máy móc hiện đại, đáp ứng tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, GV và SV trong Khoa.

- *Nâng cao chất lượng*: Trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến các BLQ, Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH. Phương pháp dạy học và phương thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phong phú, phù hợp với nội dung học phần, đảm bảo sự tương thích với CĐR. Các GV và SV của Khoa Lịch sử đã thực hiện nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, những kết quả NCKH đã được áp dụng để cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học. Nhà trường có nhiều dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực hiện tốt hoạt động học tập, NCKH và các hoạt động khác. Việc phản hồi của các BLQ được tiến hành thường xuyên, có tính hệ thống, được đánh giá và kết quả được sử dụng để làm căn cứ cải tiến các hoạt động liên quan đến chất lượng dạy - học nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung.

- *Kết quả đầu ra*: Trường ĐHKH, ĐHH và Khoa Lịch sử có quy định và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, bộ phận, cá nhân theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH và tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp. Trên cơ sở kết quả giám sát, Nhà trường và Khoa Lịch sử đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân và có những giải pháp cụ thể, kịp thời nhằm hạn chế tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp muộn và đặc biệt là hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm ngay khi đang còn học trên ghế Nhà trường và sau khi tốt nghiệp. Định kỳ triển khai công tác khảo sát sự hài lòng các BLQ về chất lượng đào tạo, chất lượng SV tốt nghiệp, hoạt động giảng dạy của GV, sự đáp ứng của Trung tâm TT&TV, CSVC, thái độ của nhân viên các phòng ban,... Thông tin phản hồi được ghi nhận và làm căn cứ để lập kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.

- *Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*: Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về mục tiêu và CĐR của CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, rộng rãi và tỷ lệ phản hồi còn thấp.

- *Bản mô tả chương trình đào tạo*: Việc thu thập ý kiến của các BLQ về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần chưa được tiến hành trên phạm vi rộng, nên ý kiến nhận xét, góp ý chưa thật sự phong phú. Việc tiếp cận thông tin cụ thể của bản mô tả

CTĐT và ĐCCT các học phần ngành Đông phương học chưa được các BLQ khai thác có hiệu quả.

- *Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*: Việc bố trí các học phần ngoại ngữ trong CTĐT chưa thật sự hợp lý. Việc phân chuyên ngành chưa được thực hiện ngay từ năm học thứ nhất, các học phần ngoại ngữ còn tương đối ít và phải đến năm thứ ba SV mới được học. Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

- *Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Một số GV trẻ còn thiếu kinh nghiệm thực tế để bổ sung kiến thức thực tế vào bài giảng; khoá luận của SV phần lớn mang tính lý thuyết, thiếu tính ứng dụng. Một bộ phận SV chưa ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu. Các hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học chưa được tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

- *Đánh giá kết quả học tập của người học*: Số lượng các học phần có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án được nghiệm thu và đưa vào sử dụng chưa nhiều; việc rà soát, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án chưa được thực hiện thường xuyên. Một bộ phận nhỏ SV chậm cập nhật những quy định về kiểm tra đánh giá được đăng tải trên website của Nhà trường. Một số SV chưa chủ động trong việc kiểm tra kết quả học tập kịp thời và không thường xuyên tham gia sinh hoạt lớp để nắm bắt tình hình học tập.

- *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*: Công tác phát triển đội ngũ GV có trình độ TS, học hàm PGS, GS còn chậm. Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Nhà nước chưa nhiều, chưa tương xứng với tiềm năng và năng lực NCKH của đội ngũ GV. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế còn ít. Công tác NCKH chưa đồng đều giữa các GV. Các kênh để phổ biến thông tin tuyển dụng, kết quả tuyển dụng chưa thật sự đa dạng và phong phú.

- *Đội ngũ nhân viên*: Công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV chưa được triển khai hiệu quả và thường xuyên. Việc thu thập ý kiến đánh giá về mức độ đáp ứng của đội ngũ NV đối với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ mới chỉ được thực hiện đối với SV thông qua các buổi đối thoại với lãnh đạo Khoa và Nhà trường mà chưa được thực hiện đối với GV và cán bộ quản lý. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV chưa cao.

- *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*: Các hình thức quảng bá, tư vấn tuyển

sinh chưa thực sự đa dạng, phong phú và có hiệu quả. Số lượng SV nhập học có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Chưa triển khai đánh giá rèn luyện NH bằng phương thức online, nhằm đồng bộ hệ thống giám sát NH trên cùng một phần mềm, góp phần theo dõi sự tiến bộ của NH trong quá trình học tập. Các không gian sinh hoạt công cộng, không gian sinh hoạt nhóm chưa được đầu tư thích đáng và tạo sức thu hút đối với SV. Các bảng phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử trong Nhà trường chưa được lắp đặt, bố trí phù hợp. Trường chưa có bộ phận chuyên trách hỗ trợ công tác tư vấn tâm lý cho SV.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*: Không gian trưng bày tư liệu, hiện vật của Khoa chưa đủ rộng để đáp ứng nhu cầu lưu trữ hiện vật phục vụ cho công tác đào tạo. Nguồn tài liệu điện tử và máy tính để SV tra cứu tại Trung tâm TT&TV chưa bổ sung được nhiều. Hệ thống wifi đôi lúc, đôi nơi còn chậm. Các không gian và thiết bị giáo dục hỗ trợ dành cho người khuyết tật còn tồn tại những hạn chế nhất định.

- *Nâng cao chất lượng*: Tỷ lệ phản hồi trong quá trình khảo sát ý kiến của SV sau khi ra trường về tình hình việc làm và thu nhập còn thấp. Hoạt động khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV từng học kỳ có tỷ lệ phản hồi không cao. Công tác kiểm tra việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu để đảm bảo tính khách quan, khoa học và độ tin cậy của các trích dẫn trong các bài tiểu luận của SV chưa được sử dụng phần mềm chuyên dụng. Danh mục tài liệu tham khảo ngành Đông phương học tại Trung tâm TT&TV còn ít, chưa phong phú và đa dạng.

- *Kết quả đầu ra*: Nhà trường chưa xác định được lý do chính xác dẫn đến việc thôi học của SV. Nhiều SV do chủ quan nên chưa hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ, tin học, giáo dục an ninh - quốc phòng, giáo dục thể chất do đó không tốt nghiệp đúng hạn. Chưa tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp của SV với các trường đại học trong và ngoài nước. Kinh phí dành cho mỗi đề tài NCKH của SV còn ít nên đã ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn phạm vi và nội dung nghiên cứu của các nhóm SV. Hoạt động NCKH của Khoa chưa thật sự thu hút SV tham gia, nhất là tham gia thực hiện các đề tài khoa học, các hội thảo khoa học SV. Chưa đối sánh hoạt động NCKH của SV với các CSGD khác trong nước.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.

- *Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*: Thường xuyên thực hiện khảo sát ý kiến của các BLQ để điều chỉnh mục tiêu và CDR của CTĐT. Chú trọng mở

rộng đối tượng, địa bàn khảo sát và đa dạng hóa các hình thức khảo sát nhằm tăng tỷ lệ phản hồi khảo sát của các BLQ.

- *Bản mô tả chương trình đào tạo*: Mở rộng đối tượng nhà tuyển dụng lao động trong quá trình khảo sát CTĐT để tổng hợp được ý kiến góp ý đa dạng và phong phú hơn. Đa dạng hoá hình thức phổ biến và tăng cường quảng bá để các BLQ khai thác bản mô tả CTĐT được hiệu quả.

- *Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh cấu trúc và nội dung CTDH một cách hợp lý hơn, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các BLQ. Tăng cường các học phần ngoại ngữ, bố trí lịch trình giảng dạy và phân chuyên ngành càng sớm để SV tiếp cận nhanh với các học phần ngoại ngữ.

- *Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Định kỳ tổ chức các hội thảo, các khoá tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, giới thiệu các phương pháp dạy học hiện đại cho GV, nhất là các GV trẻ để nâng cao nghiệp vụ sư phạm, kiến thức thực tế. Chú trọng hơn nữa việc rèn luyện và hướng dẫn cho SV kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, xem đây là một tiêu chí trong việc đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV.

- *Đánh giá kết quả học tập của người học*: Tiếp tục xây dựng, bổ sung, rà soát, cập nhật và hoàn thiện ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án đối với tất cả các học phần trong CTĐT. Trợ lý CVHT các nhóm lớp thường xuyên phổ biến quy định về kiểm tra đánh giá KQHT trong các buổi sinh hoạt lớp, đồng thời thường xuyên nhắc nhở SV truy cập Trang thông tin đào tạo đại học để kiểm tra kết quả học tập, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp cho bản thân.

- *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*: Khuyến khích, tạo điều kiện và có giải pháp cụ thể để đẩy nhanh tiến độ phát triển đội ngũ GV có trình độ TS, học hàm PGS, GS. Đa dạng hoá các hình thức phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên trang điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV. Phân bổ chỉ tiêu viết bài báo quốc tế cho các GV có trình độ TS trở lên. Ưu tiên kinh phí cho các đề tài NCKH các cấp để khuyến khích cán bộ, GV tăng cường xuất bản bài báo quốc tế. Thành lập các nhóm NCKH chủ chốt trong Khoa để tập hợp, phát huy tiềm năng và thế mạnh của cán bộ GV, đăng ký nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.

- *Đội ngũ nhân viên*: Định kỳ thực hiện công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hằng năm. Có kế hoạch và tăng kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ NV.

- *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*: Nghiên cứu cải tiến và triển khai công tác quảng bá tuyển sinh có hiệu quả. Thực hiện các chính sách ưu đãi đặc thù dành cho NH khi đăng ký theo học vào ngành Đông phương học. Trong thời gian tới, cần cập nhật và hoàn thiện phương thức cũng như biểu mẫu để thống nhất trong việc đánh giá rèn luyện NH bằng hình thức online, đồng bộ dữ liệu để theo dõi sự tiến bộ của NH. Đầu tư mở rộng không gian sinh hoạt, tạo môi trường lành mạnh, thân thiện cho SV trong quá trình học tập. Lắp đặt các bảng nội quy, quy tắc ứng xử trong khuôn viên Nhà trường một cách hợp lý. Bố trí bộ phận chuyên trách tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho NH.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*: Kiến nghị Nhà trường bố trí, mở rộng không gian các phòng trưng bày tư liệu, hiện vật của Khoa, phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, NCKH của cán bộ, GV và SV. Tăng thêm kinh phí bổ sung tài liệu điện tử, đầu tư máy tính để phục vụ SV tra cứu, học tập tại Trung tâm TT&TV. Tiếp tục nâng cấp hệ thống wifi, đảm bảo tốc độ đường truyền, đặc biệt ở các khu vực tập trung đông SV học tập. Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp lối giao thông và các không gian hỗ trợ cho người khuyết tật.

- *Nâng cao chất lượng*: Trợ lý cố vấn học tập cần nắm bắt và cập nhật thông tin liên lạc của SV tốt nghiệp, đa dạng hóa phương thức khảo sát, nhằm tăng tỷ lệ phản hồi khi khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV tốt nghiệp. Theo dõi và nhắc nhở SV trả lời khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV từng học kỳ, đây vừa là trách nhiệm vừa là quyền lợi của NH. Kiến nghị Nhà trường cung cấp phần mềm chuyên dụng để kiểm tra việc trích dẫn tài liệu của SV khi làm tiểu luận. Bổ sung kinh phí trang bị tài liệu tham khảo chuyên ngành Đông phương học tại Trung tâm TT&TV.

- *Kết quả đầu ra*: Tiến hành tìm hiểu, phân tích để xác định chính xác lý do những trường hợp SV thôi học, từ đó có giải pháp kịp thời giảm tỷ lệ thôi học trong SV mỗi học kỳ. Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Đông phương học với các trường đại học trong và ngoài nước. Kiến nghị Nhà trường tăng kinh phí đối với đề tài NCKH cho SV. Giao nhiệm vụ cho Trợ lý CVHT các nhóm lớp nhắc nhở SV kiểm tra các điều kiện về ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất và giáo dục an ninh - quốc phòng để đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4.00	3	100.00
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100.00
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5.00	3	100.00
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4.33	3	100.00
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4.60	5	100.00
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4.57	7	100.00
Tiêu chí 6.1				4						

Tiêu chí 10.5				4							
Tiêu chí 10.6					5						
Tiêu chuẩn 11											
Tiêu chí 11.1				4							
Tiêu chí 11.2				4							
Tiêu chí 11.3					5						
Tiêu chí 11.4				4							
Tiêu chí 11.5				4							
Đánh giá chung CTĐT									4.48	50	100.00

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Tiếng Anh: Hue University of Sciences

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: Trường ĐHKH Huế

Tiếng Anh: HUSC

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Tổng hợp Huế

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Huế/Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 77 Nguyễn Huệ, Thành phố Huế

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0234.3823290 Số fax: 0234.3824901

Email: khcndhkh@hueuni.edu.vn Website: <http://www.husc.edu.vn>

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):

+ Sau khi thống nhất đất nước, ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 426/CP thành lập Trường Đại học Tổng hợp Huế trên cơ sở hợp nhất Đại học Khoa học và Đại học Văn khoa của Viện Đại học Huế.

+ Ngày 04/4/1994 theo Quyết định số 30/CP của Thủ tướng Chính phủ, Đại học Huế được thành lập, Trường Đại học Tổng hợp Huế trở thành một thành viên của Đại học Huế và đổi tên thành Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 9 năm 1977.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Tháng 6 năm 1981

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Hệ THPT Chuyên

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Lịch sử

Tiếng Anh: Faculty of History

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7310608

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 3, Dãy nhà A, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế - 77 Nguyễn Huệ, Phường Phú Nhuận, Tp. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

18. Số điện thoại liên hệ: 02343823833

Email:

Website: <http://husc.hueuni.edu.vn/khoasu/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1957

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 09/2007

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 06/2011

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT.

Từ chỗ là những môn học lịch sử nằm trong chương trình Ban Văn khoa, sau đó được nâng thành ban Sử - Địa ở Trường Đại học Văn khoa thuộc Viện ĐHH giai đoạn 1957 - 1975, sau ngày thống nhất đất nước, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 thành lập Trường Đại học Tổng hợp Huế với 3 khoa là Toán - Lý, Hóa - Sinh - Địa, Văn - Sử. Theo đó, ngành Lịch sử đã có bước đột phá hết sức quan trọng để trở thành một trong hai ngành đào tạo của Khoa Văn - Sử, trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực và NCKH phục vụ các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Đến năm 1980, Khoa Lịch sử được tách ra thành khoa độc lập thuộc Trường Đại học Tổng hợp Huế và từ năm 1994 là Trường ĐHKH, ĐHH cho đến nay.

Cùng với quá trình hình thành và phát triển hơn 65 năm qua, bên cạnh đào tạo ngành Lịch sử, Khoa Lịch sử đã mở các mã ngành đào tạo mới bậc đại học như CTXH, ĐPH đáp ứng nhu cầu xã hội. Đến tháng 08/2014, Bộ môn CTXH tách ra thành một bộ môn độc lập trực thuộc Trường (theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHKH ngày 25/07/2014 của Hiệu trưởng), Khoa Lịch sử hiện nay đang đào tạo 02 mã ngành đại học: Lịch sử và

ĐPH; 04 mã ngành cao học: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Dân tộc học, Quản lý Văn hoá; 03 mã ngành TS: Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam và Dân tộc học.

Trên cơ sở sứ mạng của Nhà trường và đặc thù của ngành đào tạo, Khoa Lịch sử xác định các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị như sau:

- Đào tạo trình độ đại học, sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực lịch sử, văn hóa, ĐPH ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

- Tổ chức các hoạt động NCKH nhằm phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo, đồng thời tham gia giải quyết các vấn đề xã hội đang được đặt ra.

- Tham gia xây dựng, tư vấn, triển khai và đánh giá các dự án, chương trình, và chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

- Nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH và hoạt động thực tiễn cho cán bộ và SV các ngành đang đào tạo.

- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để hình thành mạng lưới đào tạo, nghiên cứu và triển khai các hoạt động trao đổi và hợp tác trong các hoạt động đào tạo và NCKH.

Về đội ngũ cán bộ: Khoa Lịch sử hiện có 24 GV, trong đó có 04 PGS, 12 TS và 08 ThS. Ngoài ra, Khoa còn ký hợp đồng cán bộ thỉnh giảng từ các trường thành viên của ĐHH như Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật... đã và đang tham gia giảng dạy nhiều học phần trong CTĐT ngành Lịch sử và ngành ĐPH của Khoa. Lực lượng cán bộ của Khoa Lịch sử hầu hết được đào tạo từ nhiều ngành/chuyên ngành khoa học khác nhau như: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Dân tộc học, Khảo cổ học, ĐPH.

Về tổ chức bộ máy: Khoa Lịch sử có Chi bộ Đảng, Ban Chủ nhiệm Khoa, Hội đồng Khoa học - Đào tạo, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên và 03 bộ môn: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới và ĐPH, Nhân học - Khảo cổ học - Văn hoá Du lịch.

Về cơ sở vật chất: Bên cạnh việc sử dụng chung phòng học, Trung tâm TT&TV của Nhà trường, Khoa Lịch sử được bố trí đủ phòng làm việc cho cán bộ, GV và các bộ môn; có phòng Tư liệu và đặc biệt là phòng Bảo tàng trang bị nhiều sách, báo, tạp chí

chuyên ngành cũng như các hiện vật lịch sử, dân tộc học, văn hoá học, khảo cổ học, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và NH trong quá trình giảng dạy, học tập và NCKH.

Về công tác đào tạo: Qua 47 năm kể từ năm 1976 đến nay, Khoa Lịch sử đã và đang đào tạo đủ các bậc, các hệ đào tạo. Ở bậc đại học, với 03 mã ngành tuyển sinh là Lịch sử, ĐPH và CTXH, Khoa đã và đang đào tạo 42 khóa cử nhân hệ chính quy tại trường, hệ VLVH, liên thông từ cao đẳng lên đại học ở Huế, Phú Yên, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình thuộc các ngành Lịch sử, CTXH và chuyên ngành Văn hóa - Du lịch (Năm 2014, ngành CTXH tách ra khỏi Khoa thành Bộ môn, sau đó là Khoa CTXH trực thuộc Trường và hiện nay là Khoa XHH&CTXH). Ở bậc sau đại học, kể từ năm 1996, Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ cho Khoa Lịch sử đào tạo cao học các chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Dân tộc học, Lịch sử thế giới; đến năm 2018, Khoa Lịch sử đào tạo thêm mã ngành Quản lý văn hóa bậc ThS. Đến nay, Khoa Lịch sử đã tuyển sinh và đào tạo được 25 khóa cao học với gần 500 học viên. Năm 2002, Khoa Lịch sử mở mã ngành đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới, năm 2004 có thêm chuyên ngành Lịch sử Việt Nam và năm 2014 mở chuyên ngành Dân tộc học. Đến nay, với 03 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ đã có gần 100 nghiên cứu sinh, trong đó 35 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án TS.

Số lượng SV đầu vào các ngành Lịch sử, ĐPH hệ chính quy hàng năm khá ổn định, dao động trong khoảng 60 - 65 SV. Tuy nhiên, do sự tác động của bối cảnh xã hội hiện nay, số lượng SV đầu vào ngành Lịch sử có xu hướng giảm, song ngành ĐPH có số lượng SV đầu vào ổn định hơn.

Về nghiên cứu khoa học: Trong 47 năm từ 1976 đến nay, Khoa đã thực hiện hoàn thành nhiều đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Đại học Huế, cấp cơ sở (Trường) và đề tài NCKH cho SV, học viên và nghiên cứu sinh; tham gia và chủ trì nhiều hội thảo khoa học cấp Tỉnh, cấp Quốc gia và Quốc tế. Trong đó, dấu ấn nổi bật nhất là chủ trì và tham gia các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, mà tiêu biểu là đề tài “Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước Triều Nguyễn, những vấn đề đặt ra hiện nay”. Từ kết quả nghiên cứu, nhiều công trình khoa học của cán bộ Khoa Lịch sử đã được xuất bản, nhiều bài viết được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, trong các hội thảo và diễn đàn khoa học, phục vụ rất hiệu quả cho công tác đào tạo, nghiên cứu trong nhà trường và cho sự phát triển của xã hội. Cụ thể, trong giai đoạn 1976-2023, cán bộ, GV của Khoa Lịch sử đã xuất bản được 358 giáo trình, sách tham khảo/chuyên khảo; thực

hiện 60 đề tài NCKH cấp Nhà nước và cấp Bộ; 36 đề tài cấp Tỉnh; 50 đề tài cấp ĐHH và cấp cơ sở (Trường); hướng dẫn SV, học viên cao học và NCS thực hiện 50 đề tài và có 1.600 bài báo được đăng tải trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước.

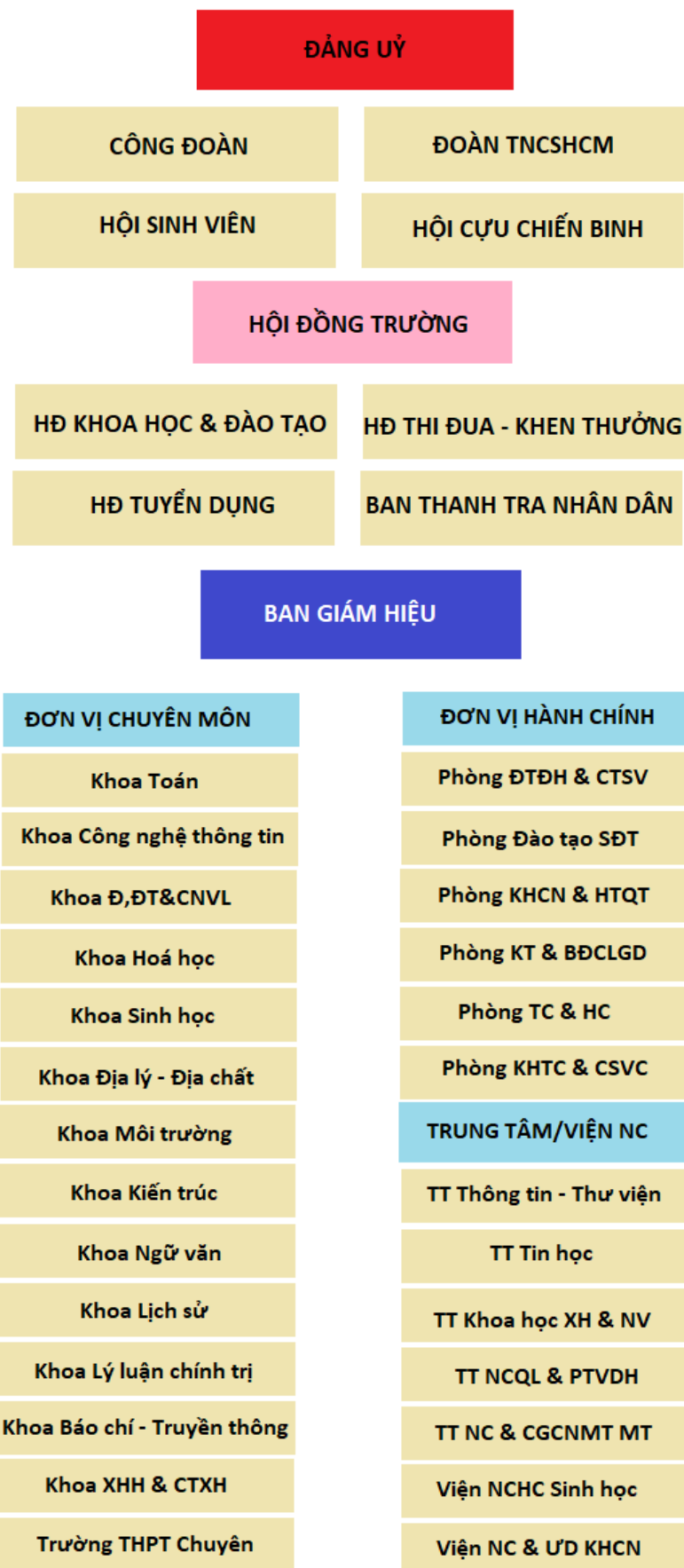
- Về đối ngoại và hợp tác quốc tế: Khoa Lịch sử đã có nhiều hợp tác nghiên cứu, đào tạo và trao đổi học thuật với Khoa Lịch sử, Khoa Xã hội học, Khoa Quốc tế học - Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Sử học, Viện Dân tộc học, Viện Khảo cổ học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á... Bên cạnh đó, Khoa còn có mối quan hệ chặt chẽ trong nghiên cứu ứng dụng, tổ chức hội thảo khoa học với các địa phương, nhiều nhất là ở miền Trung như Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên...

Về hợp tác quốc tế, Khoa Lịch sử đã thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều cơ quan khoa học, trường đại học và các tổ chức tài trợ của nước ngoài để thực hiện các chương trình nghiên cứu, trao đổi học thuật, phối hợp đào tạo như: Quỹ Toyota, Quỹ Ford, Tổ chức ICCO (Hà Lan), Quỹ Rosa Luxembourg (Đức), Đại học Toulouse (Pháp), Đại học Toronto (Canada), Đại học Deakin (Australia), Đại học Osaka, Đại học Waseda, Đại học Toyo, Đại học Kansai, Đại học Kanagawa, Bảo tàng Quốc gia Osaka, Đại học Okinawa (Nhật Bản); Đại học Inha (Hàn Quốc), Đại học San José State (California, Hoa Kỳ), Đại học Sun Yat-sen (Quảng Châu, Trung Quốc), Đại học Bách khoa March (Italy), Viện Công nghệ châu Á (AIT), Đại học Chinan (Đài Loan), Đại học Porto, Hội ái hữu Bồ Đào Nha – Việt Nam (Bồ Đào Nha)...

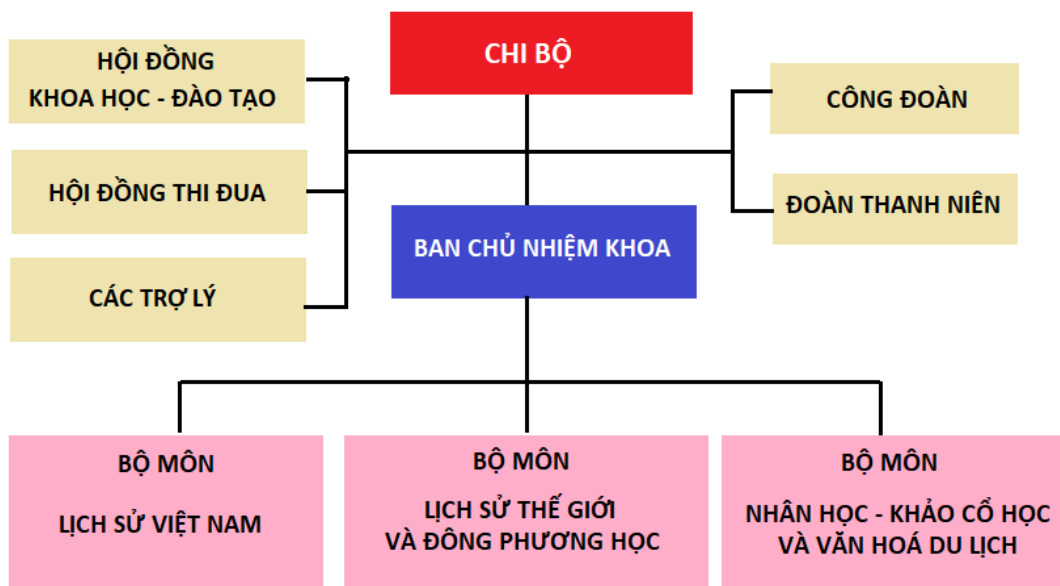
Thông qua các quan hệ hợp tác quốc tế, rất nhiều cán bộ trong Khoa đã đi nước ngoài học tập, tu nghiệp, bồi dưỡng, trao đổi học thuật và hội thảo khoa học, góp phần rất lớn vào sự trưởng thành về chuyên môn và bản lĩnh khoa học của đội ngũ cán bộ thuộc Khoa.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

- Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường:



- Cơ cấu tổ chức của Khoa Lịch sử:



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban Giám hiệu					
1		Võ Thanh Tùng	1979	PGS.TS, Hiệu trưởng	0935961369	vttung@hueuni.edu.vn
2		Trần Ngọc Tuyền	1967	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0976557727	trntuyen@hueuni.edu.vn
3		Phan Tuấn Anh	1985	TS, Phó Hiệu trưởng	0989230009	ptuananh@hueuni.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Tổ chức Đảng	Võ Thanh Tùng	1979	PGS.TS, Bí thư Đảng ủy	0935961369	vttung@hueuni.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
		Bùi Quang Vũ	1980	TS, Phó Bí thư Đảng ủy	0914145085	buiquangvu@husc.edu.vn
		Trần Ngọc Tuyên	1967	PGS.TS, Phó Bí thư Đảng ủy	0976557727	trntuyen@hueuni.edu.vn
2	Hội đồng Trường	Bùi Quang Vũ	1980	TS, Chủ tịch Hội đồng Trường	0914145085	buiquangvu@husc.edu.vn
3	Công đoàn Trường	Nguyễn Mạnh Hà	1974	TS, Phó chủ tịch, Phụ trách Công đoàn Trường	0946254455	manhhakls@husc.edu.vn
4	Đoàn Thanh niên	Nguyễn Phong Cảnh	1986	ThS, Bí thư Đoàn trường	0978714486	ktsphongcanh@gmail.com
5	Hội Sinh viên	Nguyễn Tường Du	1987	CN, Chủ tịch Hội Sinh viên	0702756868	ntdu@husc.edu.vn
6	Hội Cựu chiến binh	Nguyễn Minh Cần	1963	ThS, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0905239299	nguyenminhcan.tchcdhkh@gmail.com

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
III	Các phòng, ban, Trung tâm					
1	Phòng TC&HC	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1980	TS, Trưởng Phòng	0915665531	nguyenthithanhuyen@hueuni.edu.vn
2	Phòng KHTC&CSVC	Nguyễn Thanh Bình	1981	ThS, Trưởng Phòng	0905382345	ntbinh.tt@gmail.com
3	Phòng KT&BD CLGD	Đỗ Diên	1963	ThS, Trưởng Phòng	0914418905	dodien@hueuni.edu.vn
4	Phòng ĐTDH&CTSV	Trần Thanh Lương	1979	TS, Trưởng Phòng	0914145414	tluong@husc.edu.vn
5	Phòng ĐTSĐH	Võ Thanh Tùng	1979	PGS.TS, Phụ trách Phòng	0935961369	vttung@hueuni.edu.vn
6	Phòng KHCN&HTQT	Nguyễn Trường Thọ	1976	PGS.TS, Trưởng Phòng	0915805405	ntthokh@hueuni.edu.vn
7	Trung tâm TT&TV	Nguyễn Thanh Sỹ	1985	ThS, Giám đốc	0974604522	thanhstyv@gmail.com
IV	Đơn vị thực hiện CTĐT					
1	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
		Dương Quang Hiệp	1978	TS. Trưởng khoa	0982551929	Hiepkls hue@gmail.com
		Nguyễn Văn Quảng	1982	TS. Phó Trưởng khoa	0855194999	Quangkch@gmail.com
2	Các bộ môn					
1	BM. LSTG&Đ PH	Lê Thị Anh Đào	1976	TS. Trưởng BM LSTG&Đ PH	0388614068	Anhdaokls@gmail.com
2	BM. Lịch sử Việt Nam	Phạm Ngọc Bảo Liêm	1982	TS. Trưởng BM LSVN	0914996993	pnbliem@gmail.com
3	BM. NH-KCH-VHDL	Nguyễn Văn Quảng	1982	TS. Phó Trưởng khoa BM. NH-KCH-VHDL	0855194999	Quangkch@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: ĐH: Lịch sử, Đông phương học; ThS: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Thế giới, Dân tộc học, Quản lý Văn hóa; TS: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Thế giới, Dân tộc học.

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 03

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 04

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	13	13	26
I.1	Đội ngũ trong biên chế	9	11	20
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	4	2	6
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	5	1	6
	Tổng số	18	14	32

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	7	2	2	0	3	
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0		
4	Tiến sĩ	14	7	4	1	2	
5	Thạc sĩ	9	8	0	0	1	
6	Đại học	0	0	0	0	0	
7	Cao đẳng	0	0	0	0		
8	Trình độ khác	0	0	0	0		
	Tổng số	30	17	6	1	6	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 24 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 92,31%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Áp dụng Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<i>Hệ số quy đổi</i>			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0		0,0
2	Phó Giáo sư	3,0	7	2	2	0	3		17,4
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0			0,0
4	Tiến sĩ	2,0	14	7	4	1	2		24,2
5	Thạc sĩ	1,0	9	8	0	0	1		8,2
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0		0,0
	Tổng		30	17	6	1	6	0	49,8

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	4	16,67	3	1	0	0	0	0	4

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	50	7	5	0	4	5	1	2
5	Thạc sĩ	8	33,33	3	5	0	8	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	24	100,00	13	11	0	12	5	1	6

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 46,1 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 66,67%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 33,33%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	40,00	100,00
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30,00	0,00
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30,00	0,00
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0,00	0,00
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100,00	100,00

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	135	114	1,69	55	13/30	17,8	0
2019-2020	124	100	2,07	32	13/30	19,06	0
2020-2021	98	83	1,63	30	15/30	23,07	0
2021-2022	198	119	3,30	40	15,25/30	22,68	0
2022-2023	192	22	4,57	26	15,5/30	22,65	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	169	160	145	141	116
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	15200	15200	15200	15200	15200
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	00	03	03	03	02
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	1	1
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4,70	4,70	4,70	4,70	4,70

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	4	2	4	2	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2,37	1,25	2,76	1,42	1,72

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	33	23	38	31	38
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	33	23	38	31	38
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	76,74	65,71	77,55	58,49	64,97
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).(Đúng ngành và liên quan đến ngành)	-	-	22,22	30,00	21,43
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	77,78	70,00	78,57
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	0,00	0,00	0,00
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Trước khi tốt nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
- Dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp	9,09	13,04	5,26	0,00	0,00
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	0,00	4,3	0,00	0,00	0,00
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	9,09	26,09	60,53	48,39	40,00
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	6-7	5-6	6-7	7-8	7-8
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0,00	-	-	0,00	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	100,00	-	-	75,00	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0,00	-	-	25,00	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1	2	3	1	2	9
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	1	0	0	0,5
	Tổng		1	2	4	1	2	9,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 9,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,37

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	160	0,0026	14,55
2	2020	264	0,0049	24,00

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2021	80,4	0,0014	7,31
4	2022	2,75	0,0000	0,25
5	2023	1,5	0,0000	0,14

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	17	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	1	19	1	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0							
2	Sách giáo trình	1,5							
3	Sách tham khảo	1,0							
4	Sách hướng dẫn	0,5							
	Tổng		0	0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	0	0	0	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	25	11	25	20	15	96
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	5	8	27	11	26
	Tổng		26	17	33	47	26	123,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 123,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,75 (123,5/26)

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	13	21
Từ 6 đến 10 bài báo	0	10	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	23	21

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	1	2	1	0	6
2	Hội thảo trong nước	0,5	55	8	5	13	5	43
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	8	3	0	1	3
	Tổng		57	17	10	14	6	52

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 52

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,0 (52/26)

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	8	8
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	7	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	1	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	16	8

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	(không có)
2019-2020	(không có)
2020-2021	(không có)
2021-2022	(không có)
2022-2023	(không có)

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	2	19	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	2	19	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	1

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 35.500

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 400

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 166

Bảo tàng chuyên ngành Lịch sử: 112

Nơi học (dùng chung): Phòng học: 10.748 Thư viện: 1.660 Thí nghiệm/thực hành: 6.010

Nơi vui chơi giải trí (dùng chung): 3.940

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 10.748

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,23 (10.748/4.814)

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 1.337

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 103 (Ngành Đông phương học); 1.751 (Ngành Lịch sử)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 07

- Dùng cho người học học tập: 760 (dùng chung)

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,16 (760/4.814)

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng sau:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 24

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 92,30

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 66,67

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 33,33

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 110

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 2,21 (110/49,8)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 68,69

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 25,55

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 75,45

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 5,63

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 38,13

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7-8

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 0,00

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 87,50

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,37 (9,5/26)

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu

đồng/người trong 5 năm chu kỳ đánh giá): 19,56 (508,65/26)

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,75 (123,5/26)

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,0 (52/26)

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,16 (760/4.814)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,23 (10.748/4.814)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4,70

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Số: 4147/QĐ-ĐHKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày ..06. tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Đông phương học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế và Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HDDH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết 15/NQ-HĐT ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Khoa học ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục và Trường Khoa Lịch sử.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Đông phương học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Đông phương học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn về tự đánh giá chương trình đào tạo số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Phòng KTBĐCLGD, HTKY.



Võ Thanh Tùng

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐÔNG PHƯƠNG HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 1113/QĐ- ĐHKH ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Võ Thanh Tùng	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trần Ngọc Tuyền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Dương Quang Hiệp	TS, Trưởng Khoa Lịch sử	Phó Chủ tịch
4	Đỗ Diên	ThS, Trưởng Phòng KT&BĐCLGD	Thư ký
5	Bùi Quang Vũ	TS, Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Nguyễn Văn Quảng	TS, Phó Trưởng Khoa Lịch sử	Thành viên
7	Lê Thị Anh Đào	TS, Trưởng Bộ môn LSTG&ĐPH Khoa Lịch sử	Thành viên
8	Hoàng Văn Hiến	PGS.TS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
9	Trần Thị Tâm	TS, Trợ lý ĐTSĐH Khoa Lịch sử	Thành viên
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS, Trưởng Phòng TC&HC	Thành viên
11	Trần Thanh Lương	TS, Trưởng Phòng ĐTDH&CTSV	Thành viên
12	Nguyễn Thanh Bình	ThS, Trưởng Phòng KHTE&CSVC	Thành viên
13	Nguyễn Trường Thọ	TS, Trưởng Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
14	Nguyễn Thanh Sỹ	ThS, Giám đốc Trung tâm TT&TV	Thành viên
15	Huỳnh Thị Kim Chi	Sinh viên năm 3 Ngành Đông phương học	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số ~~117~~ /QĐ-ĐHKH ngày ~~06~~ tháng ~~12~~ năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đỗ Diên	ThS, Trưởng Phòng KT&BDCLGD	Trưởng Ban
2	Nguyễn Văn Quảng	TS, Phó Trưởng Khoa Lịch sử	Thành viên
3	Trần Thị Hợi	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
4	Nguyễn Chí Ngân	ThS, Trợ lý CTSV&BDCLGD Khoa Lịch sử	Thành viên
5	Phạm Ngọc Bảo Liêm	TS, Trợ lý TC&NCKH Khoa Lịch sử	Thành viên
6	Nguyễn Hoàng Linh	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
7	Hoàng Thị Anh Đào	TS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
8	Nguyễn Mạnh Hà	TS, Phó Trưởng Phòng KT&BDCLGD	Thành viên
9	Huỳnh Thị Kim Yến	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCLGD	Thành viên

(Danh sách gồm có 09 người)

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

((Kèm theo Quyết định số 1113/QĐ-ĐHKH ngày 06 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế))

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT			
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT			
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
1	Lê Thị Anh Đào	TS, Trưởng Bộ môn LSTG&ĐPH Khoa Lịch sử	Trưởng nhóm
2	Trần Thị Hợi	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thư ký
3	Hoàng Thị Anh Đào	TS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
4	Phạm Thị Nga	CN, Trợ lý ĐTDH Khoa Lịch sử	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thanh Liên	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTDH&CTSV	Thành viên
6	Đặng Thị Mỹ Ý	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTDH&CTSV	Thành viên
Nhóm 2. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học			
1	Nguyễn Văn Quảng	TS, Phó Trưởng Khoa Lịch sử	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Chí Ngân	ThS, Trợ lý CTSV&BDCLGD Khoa Lịch sử	Thư ký
3	Trương Tuấn Vũ	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
4	Lê Vũ Trường Giang	TS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
5	Trương Thị Ty	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTDH&CTSV	Thành viên
6	Huỳnh Thị Kim Yến	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCLGD	Thành viên
Nhóm 3. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
1	Dương Quang Hiệp	TS, Trưởng Khoa Lịch sử	Trưởng nhóm
2	Phạm Ngọc Bảo Liêm	TS, Trợ lý TC&NCKH Khoa Lịch sử	Thư ký
3	Lê Vũ Trường Giang	TS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
4	Trần Mai Phượng	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
5	Phạm Thị Hồng Oanh	ThS, Chuyên viên Phòng TC&HC	Thành viên

6	Đinh Thị Thanh Huyền	CN, Chuyên viên Phòng TC&HC	Thành viên
Nhóm 4. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
1	Hoàng Văn Hiến	PGS.TS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Hoàng Linh	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thư ký
3	Nguyễn Chí Ngàn	ThS, Trợ lý CTSV&BDCLGD Khoa Lịch sử	Thành viên
4	Phạm Đình Quý Hạnh	CN, Chuyên viên Khoa Lịch sử	Thành viên
5	Thái Nhật Trường	ThS, Phó Trưởng Phòng ĐTDH&CTS	Thành viên
6	Nguyễn Lê Phú Hải	ThS, Phó Trưởng Phòng KHTC&CSVC	Thành viên
7	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	CN, Chuyên viên Trung tâm TT&TV	Thành viên
Nhóm 5. Phụ trách			
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng			
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra			
1	Trần Thị Tâm	TS, Trợ lý ĐTSDH Khoa Lịch sử	Trưởng nhóm
2	Hoàng Thị Anh Đào	TS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thư ký
3	Nguyễn Hoàng Linh	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
4	Trương Tuấn Vũ	ThS, Giảng viên Khoa Lịch sử	Thành viên
5	Trương Thị Ty	ThS, Chuyên viên Phòng ĐTDH&CTS	Thành viên
6	Nguyễn Lý Hữu Huân	ThS, Chuyên viên Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
7	Hoàng Thị Thuý Phượng	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCLGD	Thành viên

(Danh sách gồm có 26 người)

3. Kế hoạch TDG

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1191~~ /KH-ĐHKH

Thừa Thiên Huế, ngày ~~31~~ tháng ~~10~~ năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

I. Mục đích tự đánh giá

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Đông phương học với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT).
- Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo đảm, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Đông phương học.
- Đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và tiến tới kiểm định chất lượng theo AUN-QA.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT cử nhân ngành Đông phương học của Khoa Lịch sử theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

III. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.
- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học.
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và Các nhóm công tác chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và Các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 1117/QĐ-ĐHKH ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng.

- Hội đồng gồm có 15 thành viên.
- Ban thư ký gồm có 09 thành viên.
- 05 nhóm công tác chuyên trách gồm 26 thành viên.

2. Quy định về nhiệm vụ và phân công thực hiện

2.1. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá

Chủ tịch Hội đồng: Chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.

Phó Chủ tịch Hội đồng: Giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý công việc theo sự phân công hoặc ủy quyền. Khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền.

Các thành viên khác của Hội đồng: Chịu trách nhiệm chung về viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Cung cấp, hỗ trợ xử lý các thông tin minh chứng cho nhóm chuyên trách. Phối hợp và thực hiện các yêu cầu của các nhóm chuyên trách và Ban thư ký. Đảm bảo công tác tự đánh giá đúng tiến độ và đạt hiệu quả. Góp ý, phản biện cho báo cáo tự đánh giá.

Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, triển khai chủ trương và các hoạt động tự đánh giá của Nhà trường đến toàn thể viên chức, người lao động và người học thuộc đơn vị mình quản lý.

2.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký

Trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo sơ thảo, báo cáo cuối cùng, tổng hợp danh mục minh chứng cuối cùng và trình Hội đồng.

Các thành viên thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp bản thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và danh mục minh chứng nhóm mình phụ trách. Góp ý cho các bản thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

2.3. Nhiệm vụ của các Nhóm công tác chuyên trách

Nhóm công tác chuyên trách: Chịu trách nhiệm hoàn thành tập hồ sơ các phụ lục theo công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT, gồm : Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng (Phụ lục 3), Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a). Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn thuộc nhóm mình phụ trách và phản biện các nhóm khác theo phân công.

- Trưởng nhóm: Điều hành chung, phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng, viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Chịu trách nhiệm về chất lượng báo cáo tự đánh giá, tiến độ thực hiện kế hoạch, báo cáo cuối cùng và minh chứng; và chịu trách nhiệm giải trình với Đoàn đánh giá ngoài về nội dung và minh chứng đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí của nhóm mình phụ trách.

- Thư ký: Giúp trưởng nhóm quản lý các công việc của nhóm, góp ý cho các bản báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung, rà soát tính hợp lý, tính chính xác của minh chứng

do nhóm mình thu thập.

- Các thành viên: Các thành viên tại Khoa thực hiện phân tích tiêu chí; tìm, xử lý thông tin, minh chứng tại Khoa; đánh giá, viết báo cáo tiêu chí theo sự phân công của Trưởng nhóm. Các thành viên tại các phòng chức năng chịu trách nhiệm tìm, xử lý minh chứng (có ở phòng). Nhập thông tin, minh chứng lên phần mềm tự đánh giá và góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 1	06/11/2023- 19/01/2024
2	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 2	06/11/2023- 19/01/2024
3	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 3	06/11/2023- 19/01/2024
4	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 4	06/11/2023- 19/01/2024
5	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 5	06/11/2023- 19/01/2024

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. *Thời gian:* Tháng 11/2023.

2. *Thành phần:* Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.

3. *Nội dung tập huấn:*

- Phân tích tiêu chí, thu thập và xử lý minh chứng.
- Kỹ thuật viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm tự đánh giá.

VI. Dự kiến các nguồn lực

1. *Nguồn nhân lực*

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2 Tiêu chuẩn 3	- Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý	Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BDCLGD - Văn phòng đoàn thể	06/11/2023- 19/01/2024

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		<p>nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 1, 2 và 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm công tác chuyên trách số 1 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 1 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 1, 2 và 3. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên 	
2	Tiêu chuẩn 4 Tiêu chuẩn 5	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 4 và 5. - Nhóm công tác chuyên trách số 2 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 2 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 4 và 5. 	<p>Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BDCLGD - Văn phòng đoàn thể - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên 	06/11/2023- 19/01/2024
3	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 6 và 7. - Nhóm công tác chuyên trách số 3 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 3 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 6 và 7. 	<p>Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BDCLGD - Phòng KHCN&HTQT - Phòng KHTC&CSVC - Văn phòng đoàn thể - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên 	06/11/2023- 19/01/2024
4	Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 9	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các minh chứng theo Công văn số 	<p>Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng:</p>	06/11/2023- 19/01/2024

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 8 và 9. - Nhóm công tác chuyên trách số 4 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 4 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 8 và 9.	- Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng KT&BDCLGD - Phòng KHCN&HTQT - Trung tâm TT&TV - Đoàn TN và Hội SV - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên	
5	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	- Thu thập các minh chứng theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, gợi ý nguồn minh chứng của các tiêu chuẩn 10 và 11. - Nhóm công tác chuyên trách số 5 viết báo cáo của từng tiêu chí. Rà soát, bổ sung đầy đủ minh chứng. - Trưởng nhóm công tác chuyên trách số 5 tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn 10 và 11.	Các đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: - Phòng ĐTDH&CTSV - Phòng TC&HC - Phòng KT&BDCLGD - Phòng KHCN&HTQT - Phòng KHTC&CSVC - Văn phòng đoàn thể - Giảng viên - Nhà tuyển dụng - Cựu sinh viên	06/11/2023- 19/01/2024

2. Cơ sở vật chất

Sử dụng cơ sở vật chất hiện có, trang bị thêm các thiết bị, ứng dụng cần thiết khi có yêu cầu cần cải thiện, nâng cấp để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, hỗ trợ người học, tự đánh giá và đánh giá ngoài.

3. Tài chính

Dự trù kinh phí cơ bản cho công tác tự đánh giá bao gồm các chi phí:

- Công tác chuẩn bị tự đánh giá.
- Tập huấn, học tập kinh nghiệm, thuê chuyên gia tư vấn.
- Phân tích minh chứng cụ thể.
- Thu thập hồ sơ minh chứng, số hóa, nhập phần mềm, viết báo cáo tự đánh giá.

- Rà soát báo cáo tự đánh giá, danh mục minh chứng tổng thể, đảm bảo tính thống nhất, đúng quy định hiện hành.
- Thu thập dữ liệu phản hồi các bên liên quan cho CTĐT.
- Phản biện/Góp ý báo cáo tự đánh giá cấp Trường và chuyên gia.
- Thẩm định báo cáo tự đánh giá nội bộ cấp Đại học Huế và Đoàn đánh giá ngoài.
- Thực hiện khảo sát sơ bộ và chính thức của Đoàn đánh giá ngoài.
- Văn phòng phẩm.

4. Các loại thông tin cần thu thập

STT	Nội dung thông tin	Hình thức thu thập thông tin	Sản phẩm
1	Đánh giá của sinh viên năm cuối về CTĐT	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
2	Đánh giá của cựu sinh viên trong 5 năm gần nhất về CTĐT	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy về CTĐT	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
5	Đánh giá của người học về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
6	Đánh giá của người học thuộc CTĐT về mức độ đáp ứng của Trung tâm TT&TV	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
7	Đánh giá của cán bộ thuộc CTĐT về đào tạo bồi dưỡng, thi đua khen thưởng	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
8	Đánh giá của cán bộ và người học thuộc CTĐT về cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường, thái độ phục vụ của chuyên viên phòng ban chức năng	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả
9	Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp thuộc CTĐT sau 1 năm ra trường trong 5 năm gần nhất	Khảo sát trực tuyến	Báo cáo kết quả

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGD

Các nhóm chuyên trách đề xuất chi tiết kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài; mục đích, loại thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện, dự trù kinh phí cho hoạt động thu thập trình Hội đồng xem xét.

VIII. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài

Hội đồng tự đánh giá đề xuất chi tiết kế hoạch thuê chuyên gia ngoài, xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

IX. Lập bảng danh mục minh chứng

Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của từng tiêu chí, các nhóm công tác chuyên trách xác định nội hàm, phân tích những minh chứng cụ thể, phân loại và nhập vào phần mềm tự đánh giá theo đúng vị trí tiêu chí được sử dụng. Những minh chứng đã xuất hiện ở tiêu chí trên, được tham chiếu ở các tiêu chí dưới.

Phần mềm tự đánh giá sẽ căn cứ vị trí xuất hiện của minh chứng trên báo cáo tự đánh giá để mã hóa minh chứng theo quy luật do Hội đồng tự đánh giá quy định.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (Từ ngày 2-13/10/2023)	<ol style="list-style-type: none"> Họp Ban giám hiệu và Ban chủ nhiệm Khoa Lịch sử để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Đông phương học. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 - 5 (Từ ngày 16/10-05/11/2023)	<ol style="list-style-type: none"> Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. Tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách.
Tuần 6 - 9 (Từ ngày 06-28/11/2023)	<ol style="list-style-type: none"> Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. Nhập lên phần mềm tự đánh giá, mô tả thông tin và minh chứng thu thập được.
Tuần 10 - 17 (Từ ngày 29/11/2023-19/01/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn, giám sát tính thống nhất, liền mạch của tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Phòng KT&BDCLGD viết phần mở đầu, kết luận và phụ lục cơ sở dữ liệu.
Tuần 18 (Từ ngày 19-26/01/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Phòng KT&BDCLGD: <ul style="list-style-type: none"> Rà soát báo cáo, bổ sung điều chỉnh (nếu cần). Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 19-20 (Từ ngày 19/02-04/3/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 21-23 (Từ ngày 05-22/3/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá. Gửi bản báo cáo tự đánh giá cho chuyên gia phản biện.
Tuần 24-25 (Từ ngày 25/3-08/4/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 26 (Từ ngày 09-15/4/2024)	<ol style="list-style-type: none"> Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- ĐHH (để b/c);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: VT, KTBĐCLGD.HTKY

